

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM NGỮ VĂN 6

CÓ ĐÁP ÁN

Bài 1. CON RỒNG CHÁU TIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh - những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.

[...] Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ; con trai vua gọi là lang, con gái vua gọi là mị nương; khi cha chết thì được truyền ngôi

cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta - con cháu Hùng Vương - khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

1. Truyện Con Rồng cháu Tiên thuộc thể loại nào?
 - A. Thần thoại
 - B. Truyền thuyết
 - C. Cổ tích
 - D. Truyện ngắn
2. Truyện Con Rồng cháu Tiên ra đời trong giai đoạn nào của lịch sử nước ta?
 - A. Thời đại Hùng Vương.
 - B. Thời An Dương Vương xây thành cổ Loa.
 - C. Thời kì Bắc thuộc.
 - D. Thời đại phong kiến.
3. Câu nào dưới đây không nói về thể loại truyền thuyết?
 - A. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.
 - B. Là những câu chuyện chứa đựng nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo.
 - C. Truyện thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.
 - D. Là những câu chuyện kể về các hoạt động hằng ngày của người dân thời nguyên thủy.
4. Hai nhân vật chính được đề cập đến trong truyện Con Rồng cháu Tiên là gì?
 - A. Thần Nông và Thần Long Nữ.
 - B. Vua Hùng và Lạc Long Quân.

C. Lạc Long Quân và Âu Cơ.

D. Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

5. Theo truyện Con Rồng cháu Tiên, nàng Âu Cơ thuộc giống nào và sinh sống ở đâu?

A. Giống rồng - Sinh sống ở dưới nước.

B. Là người con của một vị vua - Sống ở miền núi cao.

C. Giống tiên, thuộc dòng họ Thần Nông - sống ở vùng núi cao phương Bắc.

D. Vừa là giống rồng, vừa là giống tiên - Sinh sống ở trên cạn.

6. Lạc Long Quân là:

A. Con trai thần Long Nữ, thuộc giống rồng, sinh sống ở dưới nước.

B. Người có sức khỏe vô địch và có nhiều phép lạ.

C. Người thường xuyên giúp đỡ nhân dân diệt trừ yêu quái; dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

D. Cả A, B và C đều đúng.

7. Trong truyện Con Rồng cháu Tiên, vì sao Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau?

A. Lạc Long Quân và Âu Cơ không còn yêu thương nhau.

B. Lạc Long Quân và Âu Cơ có tập tính và tập quán sinh hoạt hoàn toàn khác nhau, nên khó hòa hợp lâu dài.

C. Vì Lạc Long Quân phải về quê để nối ngôi vua cha.

D. Vì Âu Cơ muốn các con được sống ở hai môi trường khác nhau.

8. Chi tiết nào sau đây trong truyện Con Rồng cháu Tiên không mang tính tượng trưng, kì ảo?

- A. Vua Hùng lên ngôi, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay), đặt tên nước là Văn Lang.
- B. Lạc Long Quân là con thần, tinh thông nhiều phép lạ, giúp dân diệt trừ yêu quái.
- C. Âu Cơ kết duyên cùng Lạc Long Quân, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm con.
- D. Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau, năm mươi con theo Lạc Long xuống biển, năm mươi con theo Âu Cơ lên núi.

9. Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên ra đời nhằm mục đích gì?

- A. Kể về những câu chuyện thần kì, có thật và được truyền từ đời này qua đời khác.
- B. Giải thích nguồn gốc cộng đồng người Việt Nam, nguồn gốc các dân tộc trên lãnh thổ nước ta.
- C. Dựng lại bức tranh lịch sử nước ta trong buổi đầu dựng nước.
- D. Nêu cao tinh thần yêu nước và truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

10. Chi tiết Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên non, khi có việc thì nương tựa lẫn nhau thể hiện điều gì?

- A. Ước nguyện đoàn kết, gắn bó giúp đỡ lẫn nhau của các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.
- B. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- C. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- D. Giải thích tại sao nhân dân Việt Nam hiện nay vừa sống trên núi, vừa sống ở vùng đồng bằng.

II. TỰ LUẬN

Trình bày vai trò của các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện Con Rồng cháu Tiên.

Gợi ý trả lời:

Chi tiết tưởng tượng kì ảo là những chi tiết không có thật mà có tính chất hoang đường, kì lạ. Những chi tiết tưởng tượng kì ảo thường xuất hiện trong các truyền thuyết, truyện cổ tích, thần thoại... Trong truyện truyền thuyết, nhân dân sáng tạo ra những chi tiết tưởng tượng kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kì, nhằm giải thích những sự việc, sự kiện chưa thể giải thích theo cách thông thường, cũng có khi là để thần thánh hóa các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng.

Trong truyện Con Rồng cháu Tiên, những chi tiết tưởng tượng kì ảo có vai trò làm tăng tính chất kì lạ và đẹp đẽ của nhân vật Lạc Long Quân và Âu Cơ. Việc tưởng tượng ra Âu Cơ sinh bọc trăm trứng là một cách lí giải đẹp đẽ và cao quý nguồn gốc của dân tộc Việt. Qua việc thần kì hóa nguồn gốc dân tộc, người thời xưa muốn nhấn nhủ thế hệ sau phải biết tự hào và tôn kính tổ tiên mình. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo còn giúp cho câu chuyện thêm sức hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, người nghe.

Những chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện Con Rồng cháu Tiên phản ánh phần nào trình độ nhận thức lịch sử sơ khai của người Việt cổ, đồng thời cho thấy khả năng tưởng tượng phong phú của họ.

Truyện Con Rồng cháu Tiên tuy có nhiều chi tiết xuất phát từ trí tưởng tượng của người dân nhưng cơ bản đã giải thích khá rõ và tô đậm vẻ đẹp của dân tộc Việt. Nội dung của truyện đã thể hiện lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý nguyện thống nhất đất nước của người Việt xa xưa. Con cháu người Việt dù sống ở bất cứ nơi đâu trên đất nước đều là con cháu của vua Hùng, có chung một dòng dõi đó là con Rồng cháu Tiên. Hai tiếng đồng bào thân thương cũng xuất phát từ câu chuyện này, do vậy những ai cùng chung nguồn gốc Lạc Việt, cùng mang tiếng đồng bào đều phải yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

Bài 2. BÁNH CHUNG, BÁNH GIÀY

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Hùng Vương lúc về già, muốn truyền ngôi, nhưng nhà vua có những hai mươi người con trai, không biết chọn ai cho xứng đáng. Giặc ngoài đã dẹp yên, nhưng dân có ấm no, ngai vàng mới vững. Nhà vua bèn gọi các con lại và nói:

Tổ tiên ta từ khi dựng nước, đã truyền được sáu đời. Giặc Ân nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ân Tiên vương ta đều đánh đuổi được, thiên hạ được hưởng thái bình. Nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay, nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho, có Tiên vương chứng giám.

[...] Một đêm, chàng nằm mộng thấy thần đến bảo:

Trong trời đất, không gì quý bằng lúa gạo, chỉ có hạt gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì mình trồng lấy, trồng nhiều được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.

[...] Vua họp mọi người lại nói:

Bánh hình tròn là tượng Trời ta đặt tên bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng Đất, các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, ta đặt tên là bánh chung. Lá bọc ngoài, mỡ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp với ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên vương chứng giám.

Từ đây, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chung, bánh giầy. Thiếu bánh chung, bánh giầy là thiếu hẳn hương vị ngày Tết.

1. Trong truyền thuyết Bánh chung, bánh giầy, người con được vua cha truyền ngôi phải có điều kiện gì?

A. Nhất định phải là con trưởng.

B. Có sức khỏe phi thường.

C. Không nhất thiết phải là con trưởng nhưng phải là người làm vừa ý Hùng Vương, đồng thời có cùng chí hướng với vua cha.

D. Phải có văn võ song toàn, giàu có và tặng cho vua cha nhiều món quà có ý nghĩa nhất.

2. Trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy, vua Hùng có nhắc đến quân giặc nhiều lần xâm lấn nước ta nhưng bị nhân dân ta đánh bại. Đó là giặc nào?

A. Giặc Ân phương Bắc.

B. Giặc Trần

C. Giặc Ngô.

D. Giặc Minh.

3. Vua Hùng trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy có bao nhiêu người con trai?

A. 16 người

B. 20 người

C. 24 người

D. 28 người

4. Câu nào sau đây trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy không nói về hoàng tử Lang Liêu?

A. Là con thứ mười tám của Hùng Vương.

B. Có mẹ là người được vua cha yêu thương và sủng ái nhất.

C. Là người chăm lo việc đồng áng, quanh năm suốt tháng lo việc trồng lúa, trồng khoai.

D. Có cuộc sống rất nghèo khổ và đạm bạc.

5. Trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy, vị thần xuất hiện và báo mộng cho Lang Liêu đã nói thứ gì là quý nhất trong trời đất?

- A. Sơn hào hải vị, nem công chả phượng.
- B. Sừng hươu, tê giác, ngà voi.
- C. Vàng bạc, châu báu.
- D. Lúa gạo.

6. Các công đoạn làm bánh chưng của Lang Liêu trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy là:

- 1. Nấu bánh qua một ngày một đêm cho chín nhừ.
- 2. Chọn thứ gạo nếp thơm lừng, hạt trắng và tròn, sau đó đem vo sạch.
- 3. Dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông.
- 4. Lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân bánh.

Hãy sắp xếp các công đoạn trên theo thứ tự trong truyền thuyết:

- A. (2) - (4) - (3) - (1).
- B. (2) - (3) - (4) - (1).
- C. (2) - (4) - (1) - (3).
- D. (2) - (1) - (4) - (3).

7. Lang Liêu đã chọn lễ vật gì để dâng lên cho vua cha trong ngày lễ Tiên vương?

- A. Hai loại trái cây tượng trưng cho trời và đất.
- B. Hai loại bánh được làm từ gạo nếp: một loại hình vuông và một loại hình tròn,
- C. Hai loại bánh là bánh chưng và bánh giầy.
- D. Vàng bạc, châu báu và ngà voi.

8. Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy ra đời nhằm mục đích gì?

- A. Nhằm giải thích nguồn gốc của hai loại bánh làm từ gạo nếp là bánh chung và bánh giầy.
- B. Nhằm phản ánh thành tựu của nền văn minh nông nghiệp trong buổi đầu dựng nước.
- C. Đề cao lao động, đề cao nghề nông, thể hiện sự thờ kính trời đất, tổ tiên của nhân dân ta.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

9. Hai loại bánh hình tròn và hình vuông mà Lang Liêu dâng lên được vua Hùng giải thích ý nghĩa như thế nào?

- A. Bánh hình tròn tượng trưng cho Trời nên Hùng Vương đặt tên là bánh giầy.
- B. Bánh hình vuông tượng trưng cho Đất nên Hùng Vương đặt tên là bánh chung.
- C. Hai loại bánh này rất ngon, được vua Hùng và các quan hết lòng khen ngợi.
- D. Cả A, B đều đúng.

10. Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh như thế nào?

- A. Hùng Vương đã lớn tuổi, muốn truyền ngôi cho con trong hoàn cảnh đất nước yên bình.
- B. Đất nước có chiến tranh, vua cha phải cầm quân ra trận nên cần người thay mặt mình quản lý đất nước.
- C. Hùng Vương còn trẻ nhưng muốn chọn người nối ngôi để tránh gây ra tranh giành quyền lực giữa các con.
- D. Đất nước đối mặt với nguy cơ bị giặc phương Bắc xâm chiếm, vua Hùng muốn tìm người tài giỏi làm vua để chống giặc.

II. TỰ LUẬN

Ý nghĩa của truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy là gì?

Gợi ý trả lời:

Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy có nội dung giải thích nguồn gốc của hai loại bánh phổ biến trong dịp Tết cổ truyền ở nước ta là bánh chưng và bánh giầy. Thông qua việc giải thích nguồn gốc hai loại bánh đó, truyện đề cao trí thông minh và lòng hiếu thảo của người con, mở rộng ra là những người lao động. Truyện còn gián tiếp đề cao nghề nông, một nghề truyền thống của dân tộc.

Việc vua Hùng chọn Lang Liêu làm người nối ngôi còn cho thấy lòng tôn kính tổ tiên, coi trọng những phong tục tập quán truyền thống của dân tộc trên cơ sở coi trọng giá trị lao động. Bên cạnh đó truyện còn ca ngợi truyền thống đạo lý đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam. Đó là những ý nghĩa nổi bật trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy.

Bài 3. THÁNH GIÓNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai Vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ có giặc Ân xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc

này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Com ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế giặc rất nguy, ngùi ngùi hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng gãy sắt gãy, Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà[...]

1. Nhân vật Thánh Gióng trong truyện Thánh Gióng theo tương truyền xuất hiện vào đời Hùng Vương thứ mấy?

- A. Đời Hùng Vương thứ sáu.
- B. Đời Hùng Vương thứ tám.
- C. Đời Hùng Vương thứ mười sáu.
- D. Đời Hùng Vương thứ mười tám.

2. Trong truyện Thánh Gióng, cha mẹ Thánh Gióng là người thế nào?

- A. Là hai vợ chồng lớn tuổi, phúc đức, giàu có nhưng không có con trai.
- B. Là hai vợ chồng lớn tuổi, hiếm muộn con nhưng chăm chỉ làm ăn và nổi tiếng là phúc đức.

- C. Là người hiểm muộn nhưng rất độc ác.
- D. Là người phúc đức, nhân hậu và có nhiều con.

3. Câu nào dưới đây không nói về sự mang thai của bà mẹ và quá trình lớn lên của Thánh Gióng?

- A. Bà mẹ ra đồng thấy vết chân to, liền đặt bàn chân của mình lên ướm thử để so sánh.
- B. Bà mẹ mang thai và phải mất mười hai tháng mới sinh ra cậu bé khôi ngô tuấn tú.
- C. Trên đường đi làm đồng, trời nắng to, bà mẹ khát nước nên uống nước trong một cái sọ dừa ven đường và mang thai.
- D. Cậu bé lên ba tuổi vẫn không biết nói biết cười, không biết đi, cứ đặt đâu nằm đấy.

4. Trong truyện Thánh Gióng, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

- A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.
- B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.
- C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.
- D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

5. Thánh Gióng đòi nhà vua phải sắm cho mình những vật dụng gì để đi đánh giặc?

- A. Một đội quân bằng sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt.
- B. Một đội quân bằng sắt, một áo giáp sắt và một cái nón sắt.
- C. Một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt.
- D. Một con ngựa sắt, một đội quân bằng sắt và một áo giáp sắt.

6. Khi Thánh Gióng gặp sứ giả, điều kì lạ nào đã xảy ra?

- A. Gióng không cần ăn uống, lớn nhanh như thổi, trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú.
- B. Gióng lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã đứt chỉ.
- C. Gióng không nói năng gì, cứ lo âu suốt ngày.
- D. Gióng không ăn uống gì nhưng vẫn lớn nhanh như thổi.

7. Chi tiết nào sau đây trong truyện Thánh Gióng không mang yếu tố tưởng tượng kì ảo?

- A. Vua Hùng cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài ra đánh giặc cứu nước.
- B. Người mẹ mang thai sau khi ướm chân vào một bàn chân to, sau đó mười hai tháng thì sinh ra Gióng.
- C. Gióng lớn nhanh như thổi, ăn bao nhiêu cũng không thấy no.
- D. Sau khi thắng giặc, Thánh Gióng cởi áo giáp sắt bỏ lại rồi cưỡi ngựa phi lên trời.

8. Trong truyện Thánh Gióng, sau khi roi sắt bị gãy, Thánh Gióng đã dùng vật gì để tiếp tục đánh giặc?

- A. Gươm, giáo cướp được của quân giặc.
- B. Dùng tay không.
- C. Nhổ những cụm tre ven đường để quật vào quân giặc.
- D. Cho ngựa phun lửa vào quân giặc.

9. Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

- A. Đức Thánh Tản Viên.
- B. Lương quốc Trạng nguyên.
- C. Bô Cái Đại Vương.

D. Phù Đồng Thiên Vương.

10. Câu nào dưới đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng?

- A. Là nhân vật vừa được xây dựng dựa trên thực tế anh hùng trẻ tuổi trong lịch sử, vừa từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- B. Là nhân vật hoàn toàn không có thực, do nhân dân tưởng tượng ra.
- C. Là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những anh hùng có thật thời xưa.
- D. Là một cậu bé kì lạ mà chỉ có ở thời xa xưa.

II. TỰ LUẬN

Tóm tắt truyền thuyết Thánh Gióng.

Gợi ý trả lời:

Thời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có cặp vợ chồng ông lão tuy chăm chỉ làm ăn và nổi tiếng là phúc đức nhưng không có con. Một hôm, bà vợ đang làm đồng thấy một vết chân to và ướm chân vào. Về nhà bà mang thai và sau mười hai tháng thì sinh ra một bé khôi ngô tuấn tú. Điều kì lạ là mãi lên ba tuổi, cậu bé vẫn chưa biết đi, chưa có tiếng nói, tiếng cười nào.

Khi giặc Ân xâm phạm bờ cõi, vua Hùng cho người đi tìm nhân tài ra đánh giặc. Cậu bé cất tiếng đầu tiên và cũng là lời xin được đi đánh giặc. Cậu bé ra yêu cầu với sứ giả, đồng thời từ đó cậu lớn nhanh như thổi. Sau khi ăn hết bảy nong cơm, ba nong cà do bà con hàng xóm gom góp, cậu bé vươn vai thành một tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt xông ra trận diệt giặc. Trong lúc đánh giặc, roi sắt bị gãy, cậu bé nhổ những bụi tre ven đường làm vũ khí đánh giặc.

Đẹp xong giặc Ân, cậu bé ngày nào một mình một ngựa lên đỉnh núi rồi bay lên trời. Để tưởng nhớ công ơn cậu bé, nhân dân lập đền thờ, hàng năm tổ chức hội làng để tưởng nhớ. Những dấu tích của trận đánh năm xưa vẫn còn lưu lại trên mặt đất, trên những bụi tre nơi cậu bé diệt giặc.

Bài 4. SƠN TINH, THỦY TINH

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía Đông, phía Đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía Tây, phía Tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu vào bàn bạc. Xong vua phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo: “Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi”.

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

1. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh bao gồm những nhân vật nào?

- A. Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- B. Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương,
- C. Sơn Tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng.
- D. Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương, Vua Hùng.

2. Câu nào dưới đây không nói về công chúa Mị Nương?

- A. Có nhiều phép thuật tinh thông, từng giúp nhân dân diệt trừ yêu ma.
- B. Là con gái của Hùng Vương thứ mười tám, được vua cha hết mực yêu thương và muốn kén chồng xứng đáng cho nàng.
- C. Là người đẹp như hoa.
- D. Là người có tính nết rất hiền dịu.

3. Điều nào dưới đây trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh nói về nhân vật Sơn Tinh?

- A. Ở núi Tản Viên, có sức khỏe phi thường.
- B. Có nhiều phép lạ.
- C. Là Thần Núi.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

4. Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhân vật Thủy Tinh có tài gì?

- A. Dời non lấp bể.

- B. Diệt trừ yêu ma quỷ quái.
- C. Gọi gió gió đến, hô mưa mưa về.
- D. Biến hóa khôn lường.

5. Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, vua Hùng đã chọn cách nào để kén chồng cho Mị Nương?

- A. Tổ chức thi tài võ nghệ, ai đánh thắng đối thủ thì sẽ cưới Mị Nương.
- B. Quy định ngày giờ đem lễ vật kì lạ đến, ai đến trước sẽ được cưới Mị Nương.
- C. Ai dâng lên những thứ ngon vật lạ làm vua Hùng hài lòng thì cưới được Mị Nương.
- D. Ai bắt được quả cầu vàng do Mị Nương tung xuống thì sẽ cưới nàng làm vợ.

6. Vua Hùng đã thách cưới Mị Nương bằng những lễ vật gì?

- A. Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng.
- B. Chín ngà voi, chín cựa gà, chín ngựa hồng mao.
- C. Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.
- D. Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.

7. Chi tiết nào sau đây trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh không mang yếu tố tưởng tượng kì ảo?

- A. Hằng năm ở nước ta thường xuyên có những trận lũ lớn.
- B. Sơn Tinh có tài dời non lấp biển.
- C. Thủy Tinh có tài hô mưa gọi gió, làm nên lũ lụt.
- D. Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau ròng rã mấy tháng trời.

8. Thủy Tinh có thái độ như thế nào khi không cưới được Mị Nương?

- A. Buồn rầu và thất vọng.
- B. Chấp nhận thất bại và chúc mừng Sơn Tinh.
- C. Vô cùng tức giận, đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh để cướp lại Mị Nương.
- D. Vô cùng tức giận và buộc vua Hùng phải hủy bỏ hôn ước giữa Sơn Tinh và Mị Nương.

9. Ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì?

- A. Giải thích hiện tượng lũ lụt ở nước ta hằng năm.
- B. Thể hiện ước nguyện của con người trong việc chế ngự thiên nhiên.
- C. Ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

10. Hãy sắp xếp các chi tiết dưới đây theo đúng thứ tự xuất hiện trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- 1. Hùng Vương thứ mười tám nêu ra yêu cầu về lễ vật.
 - 2. Sơn Tinh đem lễ vật đến trước và cưới được vợ.
 - 3. Vua Hùng tổ chức kén rể cho Mị Nương.
 - 4. Sơn Tinh – Thủy Tinh đánh nhau ròng rã mấy tháng trời.
- A. (1) - (2) - (3) - (4).
 - B. (1) - (3) - (2) - (4).
 - C. (3) - (1) - (2) - (4).
 - D. (1) - (3) - (4) - (2).

II. TỰ LUẬN

Về truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh và hai nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh.

THAM KHẢO

“Nhiều người cho rằng, Thủy Tinh là sự hình tượng hóa và thần thánh hóa nước lũ, còn Sơn Tinh là sự hình tượng hóa và thần thánh hóa tinh thần, ý chí, khả năng và thành quả chống bão lụt của nhân dân.

Không hoàn toàn như vậy, Sơn Tinh và Thủy Tinh là những hình tượng huyền thoại, được hình thành, nhào nặn trong trí tưởng tượng của người Việt cổ, trong đó những yếu tố tự nhiên và xã hội, hiện thực và lí tưởng đã kết hợp, hòa lẫn với nhau, rất khó tách bạch. Sơn Tinh là sự khái quát hóa, hình tượng hóa và thần thánh hóa không chỉ riêng lực lượng con người (tinh thần, ý chí thành quả chống lũ lụt của nhân dân) mà còn có cả lực lượng tự nhiên (rừng, núi). Sự xung đột giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh không chỉ phản ánh mâu thuẫn giữa con người và hiện tượng bão lụt trong thiên nhiên mà còn phản ánh cả sự xung đột giữa con người với con người, giữa các bộ tộc miền biển và miền núi trong thời kì Văn Lang của các vua Hùng.

Cơn giận lưu niên “năm năm báo oán, đời đời đánh ghen” của Thủy Tinh là sự phản ánh và lí giải vô cùng độc đáo, tài tình hiện tượng bão lụt hàng năm (mang tính chu kì) của thiên nhiên và hiện tượng ghen tuông dai dẳng của con người.

Chi tiết Thủy Tinh dâng nước cao lên bao nhiêu Sơn Tinh cũng dâng núi Tản Viên cao lên bấy nhiêu thật nên thơ và độc đáo. Đó là ước mơ nhưng đồng thời cũng có nhiều tính hiện thực. Bởi vì trừ nạn hồng thủy ra, không có trận lụt nào có thể dâng nước lên cao hơn núi Ba Vì. Nếu không như vậy thì làm sao người Việt có thể tồn tại được đến ngày nay?”

(Theo Hoàng Tiến Hựu,

Bình giảng truyện dân gian, NXB Giáo dục)

Bài 5. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn,

nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nên trong nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

[...] Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưỡi gươm.

[...] Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang khắp nơi.

[...] Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi - bây giờ đã làm vua - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!”.

[...] Từ đó, hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

1. Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm có đề cập đến cuộc khởi nghĩa nào trong lịch sử dân tộc?

- A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- B. Khởi nghĩa Lí Bí.
- C. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo.
- D. Khởi nghĩa Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc lãnh đạo.

2. Giặc ngoại xâm được nhắc đến trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là giặc nào?

- A. Giặc Ân.

C. Giặc Thanh.

B. Giặc Minh.

D. Giặc Tống.

3. Địa bàn diễn ra cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong truyền thuyết thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Thanh Hóa

B. Hà Tĩnh.

C. Nghệ An.

D. Hà Nội.

4. Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn vật gì?

A. Thanh gươm thần.

B. Chiếc nỏ thần.

C. Bản đồ chỉ dẫn vào doanh trại quân giặc.

D. Lá cờ thêu sáu chữ vàng.

5. Nhân vật nào trong truyền thuyết nhận được thanh gươm đầu tiên?

A. Lê Lợi.

B. Lê Lai.

C. Nguyễn Trãi.

D. Lê Thận.

6. Sau khi nhận được báu vật của đức Long Quân, uy thế của nghĩa quân như thế nào?

A. Mạnh lên gấp bội và đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

B. Ngày một tăng, đánh thắng nhiều trận, làm cho quân xâm lược hoang mang.

C. Không có nhiều thay đổi do không có người biết sử dụng.

D. Yếu hơn so với lúc chưa có báu vật.

7. Ý nghĩa của truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là gì?

A. Ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính nhân dân của cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo.

B. Lên án hành động xâm lược của quân giặc đồng thời thể hiện khát vọng hòa bình của nhân dân ta.

C. Giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm.

D. Cả A, B và C đều đúng.

8. Trên báu vật của đức Long Quân có khắc hai chữ gì và ý nghĩa của nó ra sao?

A. Hai chữ “Hoàn Kiếm”, có ý nghĩa là trả kiếm.

B. Hai chữ “Minh Công”, có nghĩa là gươm được trao cho người tài giỏi.

C. Hai chữ “Thuận Thiên”, có nghĩa là thuận theo ý trời.

D. Hai Chữ “Tả Vọng”, có nghĩa là gươm được giao ở hồ Tả Vọng.

9. Vì sao đức Long Quân lại cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê lợi mượn gươm báu?

A. Vì Lê Lợi đã nhiều lần cầu khẩn đức Long Quân cho mượn gươm.

B. Vì đức Long Quân muốn thử tài và đức của Lê lợi.

C. Vì thế lực của nghĩa quân còn non yếu.

D. Vì đức Long Quân muốn thử tác dụng của báu vật.

10. Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân đã sai ai lên đòi lại báu vật?

A. Rùa Vàng.

B. Tụ Đức Long Quân đi lấy.

C. Long Vương.

D. Cung nữ.

II. TỰ LUẬN

Tóm tắt truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm.

Gợi ý trả lời:

Truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm ca ngợi cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống quân Minh do Lê Lợi lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa mang tính chất chính nghĩa, vừa hợp ý trời, vừa phải lòng dân nên đi đến thắng lợi cuối cùng.

Truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm kể lại những điều bạo ngược do quân Minh gây ra khi chúng đô hộ nước ta. Đứng trước tình cảnh đó, Lê Lợi đã tập hợp nhân dân, dựng cờ khởi nghĩa. Ban đầu, cuộc khởi nghĩa diễn ra trong thế yếu nên liên tiếp bị thất bại. Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để trừ giặc.

Thông qua một người đánh cá tên là Lê Thận, nghĩa quân có được lưỡi gươm thần. Ít lâu sau, Lê Lợi bị giặc đuổi phải chạy vào rừng và bắt gặp chuôi gươm trên cây đa, đem tra lưỡi gươm do Lê Thận trao vào chuôi gươm thì vừa như in, từ đó Lê Lợi có được gươm thần. Từ khi có gươm thần, thanh thế của nghĩa quân mạnh lên rất nhiều, đánh thắng quân giặc nhiều trận và tiến tới đánh tan quân xâm lược.

Một năm sau khi thắng giặc và lên ngôi vua, Lê Lợi đi chơi thuyền ở hồ Tả Vọng, đức Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Từ đó, hồ Tả Vọng có tên là hồ Hoàn Kiếm.

Bài 6. SƠ DỮA

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông. Họ hiền lành, chịu khó nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.

Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái Sọ Dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bung lên uống. Thế rồi bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa con bảo:

- Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.

Nghĩ lại thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

Sọ Dừa nói:

- Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

[..] Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa; còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

[...] Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước.

[...] Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thầm, chắc hẳn chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng

cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lén ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ.

1. Truyện Sọ Dừa thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết.
- B. Cổ tích.
- C. Thần thoại.
- D. Trường ca.

2. Trong truyện Sọ Dừa, người mẹ mang thai trong trường hợp nào?

- A. Người mẹ đi làm đồng, gặp một bàn chân to và ướm thử, sau đó bà mang thai.
- B. Người mẹ sau khi ăn một trái dừa kì lạ thì mang thai.
- C. Người mẹ nằm mộng thấy một ngôi sao bay vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.
- D. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.

3. Lúc mới sinh ra, Sọ Dừa là người như thế nào?

- A. Khôi ngô, tuấn tú và rất thông minh.
- B. Không biết nói, không biết cười, suốt ngày chỉ biết khóc.
- C. Không có chân và tay, thân hình tròn như một quả dừa nhưng biết nói và rất thông minh.
- D. Có tay nhưng không có chân, suốt ngày lăn lóc khắp nhà.

4. Công việc có ích đầu tiên mà Sọ Dừa làm cho mẹ khi lớn lên là gì?

- A. Ra đồng gặt lúa giúp mẹ.
- B. Đi ở cho nhà phú ông, làm công việc chăn bò.
- C. Đàn hát cho mẹ nghe khi mẹ mệt nhọc.

- D. Ở nhà chăn bò giúp mẹ.
5. Trong truyện Sọ Dừa, con gái út của nhà phú ông là người như thế nào?
- A. Xấu xí và rất độc ác.
 - B. Xinh đẹp nhưng rất độc ác.
 - C. Xấu xí, cục mịch nhưng tốt bụng.
 - D. Xinh đẹp, hiền lành, có tính hay thương người.
6. Trong truyện Sọ Dừa, Sọ Dừa có biệt tài gì?
- A. Thổi sáo rất hay, tiếng sáo véo von khiến người nghe rất dễ chịu.
 - B. Vẽ tranh rất đẹp, nhất là những lúc chăn bò.
 - C. Có tài ăn nói và kể chuyện.
 - D. Biến hóa khôn lường, thường xuyên giúp dân diệt trừ yêu quái.
7. Thái độ của hai cô chị như thế nào khi thấy em gái lấy được người chồng khôi ngô, tuấn tú, lại giàu có?
- A. Mừng cho cô em vì lấy được người chồng xứng đáng.
 - B. Có chút ghen tị với cô em nhưng vẫn vui lòng.
 - C. Vừa tiếc, vừa ghen tức và nuôi lòng thù hận cô em.
 - D. Xâm hủ vì mình không được như em.
8. Trước khi đi sứ, Sọ Dừa đã trao lại cho vợ những vật dụng gì?
- A. Một gói bạc và một con dao.
 - B. Một hòn đá lửa, hai quả trứng gà và một con dao.
 - C. Một cái trâm cài và một con dao.
 - D. Một hòn đá lửa, hai quả trứng gà và một gói bạc.
9. Câu nào dưới đây không nói về thể loại truyện cổ tích?

- A. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật như nhân vật bất hạnh, có tài năng lạ thường...
- B. Truyện thường chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì.
- C. Truyện do những tác giả tên tuổi sáng tác.
- D. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu.

10. Việc Trạng nguyên và cô gái út đoàn tụ sau bao nhiêu trắc trở thể hiện ước nguyện gì về công lí xã hội?

- A. Ước mơ về sự công bằng: những người tài giỏi, hiền lành sẽ được hưởng hạnh phúc, những người độc ác sẽ bị trừng trị thích đáng.
- B. Ước mơ đổi đời: những người có thân phận thấp kém, xấu xí sẽ trở thành người có công danh và xinh đẹp.
- C. Ước mơ có một cuộc sống tốt đẹp và bình an.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

II. TỰ LUẬN

Thế nào là truyện cổ tích? Các thể loại truyện cổ tích.

Gợi ý trả lời:

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nội dung phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta. Truyện thường kể về một số nhân vật chính như nhân vật bất hạnh (con riêng, con mồ côi, người có hình dạng xấu xí, người em út...), nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật nhưng biết nói năng, có hoạt động và tính cách như con người...

Cũng như truyền thuyết, truyện cổ tích thường có nhiều yếu tố hoang đường, kì ảo. Những chi tiết này đóng vai trò là cán cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng trong cuộc sống, đồng thời là ước mơ và niềm tin của nhân dân về sự thắng lợi của cái thiện đối với cái ác, của cái tốt đối với cái xấu.

Truyện cổ tích được chia làm ba loại chính:

- Truyện cổ tích thần kì: Đây là loại truyện có nhiều chi tiết thần kì, kể về các nhân vật mang nhiều bất hạnh. Kết thúc truyện, những nhân vật bất hạnh luôn được đền đáp xứng đáng, những kẻ độc ác luôn bị trừng trị thích đáng. Thể loại truyện này phản ánh ước nguyện của người dân về công bằng trong xã hội.
- Truyện cổ tích về loài vật: Nhân vật chính trong thể loại truyện này là các con vật. Truyện chú ý giải thích những đặc điểm và mối quan hệ giữa các con vật để đúc kết những kinh nghiệm về thế giới loài vật, đồng thời là lấy chuyện vật để nói chuyện người qua đó răn dạy các vấn đề về đạo đức và kinh nghiệm sống trong xã hội loài người.
- Truyện cổ tích kể về sự thông minh, sắc sảo, tài phán xét của các nhân vật gắn liền với thực tế cuộc sống. Thể loại truyện này thường không có hoặc có rất ít các chi tiết thần kì, do vậy phần nào có các giá trị về tư liệu lịch sử.

Bài 7. THẠCH SANH

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Ngày xưa ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi thân, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai.

Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm, có người hàng rượu tên Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khỏe như voi, nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gọi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người sẵn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

[...] Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tung bừng nhất kinh kì chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tung bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh.

Thạch Sanh xin nhà vua dừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cời giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đổ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước.

1. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ Thạch Sanh mang thai chàng trong trường hợp nào?

- A. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.
- B. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.
- C. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.
- D. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

2. Câu nào dưới đây không nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

- A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.
 - B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.
 - C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.
 - D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.
3. Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?
- A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.
 - B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.
 - C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.
 - D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.
4. Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?
- A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.
 - B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh, C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.
 - D. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.
5. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?
- A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.
 - B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,
 - C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.
 - D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.
6. Thạch Sanh đã nhận được báu vật gì sau khi giết chết chằn tinh?
- A. Một cây đàn thần.

- B. Một bộ cung tên bằng vàng,
- C. Một cái niêu cơm thần.
- D. Một cây búa thần.

7. Lí Thông đã có âm mưu gì sau khi Thạch Sanh cứu được công chúa?

- A. Cướp đoạt công sức của Thạch Sanh.
- B. Lừa Thạch Sanh xuống hang sâu rồi đẩy đá lấp kín miệng hang lại không cho Thạch Sanh lên.
- C. Lấy đầu con đại bàng đã bắt công chúa dâng vua để cưới nàng làm vợ.
- D. Cả A và B đều đúng.

8. Trong truyện Thạch Sanh, hồn của các con vật bị Thạch Sanh tiêu diệt đã bày ra âm mưu gì để hại chàng?

- A. Ăn trộm của cải của vua mang giấu ở gốc đa rồi đổ tội cho Thạch Sanh.
- B. Vu không cho Thạch Sanh tội giết người.
- C. Đốt nhà của Thạch Sanh.
- D. Bắt cóc con gái của vua để đổ tội cho Thạch Sanh.

9. Chi tiết nào dưới đây không phải là việc làm của Thạch Sanh trong truyện?

- A. Giết chằn tinh để giải cứu cho dân chúng.
- B. Giết đại bàng để giải cứu cho công chúa và con trai vua Thủy tề.
- C. Giết hổ thành tinh để giải thoát cho những người bị nó bắt.
- D. Đánh bại quân mười tám nước chư hầu.

10. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

II. TỰ LUẬN

Nêu đại ý và tóm tắt truyện Thạch Sanh.

Gợi ý trả lời:

- Đại ý:

Truyện Thạch Sanh kể về một chàng trai nghèo khổ, sớm bị mồ côi cha mẹ nhưng có lòng dũng cảm phi thường và sẵn sàng quên thân mình vì người khác. Tình thân ấy đã giúp chàng vượt qua bao tai họa, cuối cùng chàng được đền đáp xứng đáng bằng việc lấy con gái nhà vua và được nhà vua nhường cho ngôi báu. Truyện Thạch Sanh thể hiện ước mơ công lí xã hội và ý nguyện về một mẫu người lí tưởng mang đầy đủ tài năng và phẩm chất của nhân dân.

- Tóm tắt:

Thạch Sanh vốn là con của Ngọc Hoàng được phái xuống trần gian làm con của một vợ chồng nông dân nghèo khổ nhưng tốt bụng. Vợ chồng nông dân kia sớm qua đời để lại Thạch Sanh sống lủi thủi dưới gốc đa, hằng ngày phải hái củi kiếm sống.

Một người hàng rượu tên là Lí Thông thấy Thạch Sanh khỏe mạnh nên giả vờ kết nghĩa anh em để lợi dụng. Thạch Sanh không hề hay biết bụng dạ của Lí Thông nên chấp nhận. Không may cho Lí Thông là đến dịp y phải vào đền để cúng mạng cho chẵn tinh. Lí Thông bèn lừa Thạch Sanh đi thay mình. Không ngờ Thạch Sanh giết được chẵn tinh. Lí Thông lại lừa Thạch Sanh bỏ trốn để đem đầu chẵn tinh dâng vua lập công. Vua phong Lí Thông làm Quận công. Thạch Sanh trở về với chốn cũ.

Chẳng may cho nhà vua, người con gái đến tuổi lấy chồng bị đại bàng khổng lồ bắt mất. Khi bay qua gốc đa, nơi Thạch Sanh trú ẩn, đại bàng bị Thạch Sanh bắn trúng.

Thạch Sanh lần theo vết máu, biết được nơi đại bàng dấu công chúa. Nhà vua sai Lí Thông đi tìm công chúa, hứa gả công chúa và truyền ngôi cho ai tìm được công chúa. Lí Thông lại nhớ đến Thạch Sanh. Y nhờ Thạch Sanh cứu công chúa rồi nhốt chàng dưới hang sâu.

Thạch Sanh giết đại bàng và cứu được con vua Thủy Tề vốn bị đại bàng bắt giam từ lâu. Thạch Sanh được xuống thăm thủy cung, được vua Thủy Tề phong thưởng rất hậu nhưng chàng chỉ xin một cây đàn rồi trở về gốc đa sinh sống.

Công chúa trở về cung nhưng chẳng nói chẳng rằng, nhà vua càng buồn thảm. Hồn chần tinh và đại bàng trả thù Thạch Sanh khiến chàng bị bắt giam vào ngục. Trong ngục, Thạch Sanh đem đàn thần ra gảy. Tiếng đàn đến tai công chúa giúp nàng khỏi bệnh câm. Theo lời công chúa, nhà vua cho gọi Thạch Sanh. Gặp nhà vua, Thạch Sanh kể lại mọi việc. Nhà vua sai xử tử mẹ con Lí Thông nhưng Thạch Sanh tha bổng cho họ. Trên đường về, hai mẹ con độc ác bị sét đánh chết và hóa thành bọ hung.

Thạch Sanh trở thành phò mã. Các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh nước ta. Thạch Sanh lại lấy đàn thần ra gảy làm cho quân giặc phải quy hàng. Thạch Sanh khao quân giặc một niêu cơm nhỏ nhưng chúng ăn không hết, chúng càng kính phục và chấp nhận rút quân về nước.

Thạch Sanh được nhà vua nhường cho ngôi báu.

Bài 8. EM BÉ THÔNG MINH

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rộng hai đầu, đổ làm sao vào một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái ăm ấy tức là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vò đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ khâu. Nhưng tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái được triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

Khi viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc khâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lên một câu [...] rồi bảo:

- Cứ theo cách đó là khâu được ngay!

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên con kiến càng đã khâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.

Liên đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung cho em ở, để tiện hỏi han.

1. Truyện Em bé thông minh viết về kiểu nhân vật phổ biến nào trong lịch sử Việt Nam?

- A. Những người bị bất hạnh như xấu xí, mồ côi, em út, con riêng...
- B. Những người có tài năng kì lạ và phi thường.
- C. Những con vật xấu xí nhưng có bản chất người.
- D. Những người thông minh, lanh lợi và tài trí hơn người.

2. Nhân vật chính trong truyện Em bé thông minh là ai?

- A. Em bé
- B. Viên quan
- C. Vua
- D. Người cha

3. Trong truyện, em bé đã trả lời câu hỏi: “Trâu của lão mỗi ngày cày được mấy đường?” của viên quan như thế nào?

- A. Em bé đặt lại câu hỏi cho viên quan: “Trâu của ông mỗi ngày cày được mấy đường?”
- B. Em bé đặt lại câu hỏi cho viên quan: “Ngựa của ông mỗi ngày đi được mấy bước?”
- C. Em bé nói rằng một trăm đường.
- D. Em bé không tìm được câu trả lời.

4. Nhà vua thử tài thông minh của em bé lần đầu tiên bằng cách nào?

- A. Bắt em bé nhốt trên một tháp cao, không cho ăn uống, chỉ để một tượng Phật và một bát nước.
- B. Bắt em bé xuyên sợi chỉ qua hai đầu vỏ ốc.
- C. Bắt làng em nuôi ba con trâu đực trong một năm phải đẻ chín con trâu con.
- D. Bắt em làm thịt con chim sẻ bằng một cây kim nhỏ.

5. Em bé đã nghĩ ra cách gì để đối phó lại phép thử của nhà vua trong lần đầu tiên?

- A. Xin nhà vua bãi bỏ lệnh đã đưa ra.
- B. Khóc với vua, bảo vua phải ra lệnh để cha sinh em bé chơi với mình.
- C. Giết thịt trâu để thết đãi cả làng một bữa no nê.
- D. Lén tìm đủ chín con trâu khác và giao cho vua khi đến kì hạn.

6. Khi vua giao cho em bé một con chim sẻ bảo giết thịt và làm thành ba cỗ thức ăn thì em bé ứng xử như thế nào?

- A. Em bé giao cho sứ giả một cây kim khâu, bảo sứ giả mang về tâu nhà vua xin rèn thành con dao để em làm thịt chim.
- B. Em bé đem con chim sẻ giết thịt và thết đãi cả làng.

C. Em bé giao cho sứ giả một thanh sắt, bảo sứ giả mang về tâu nhà vua xin rèn thành con dao để em làm thịt chim.

D. Em bé bảo nhà nếu nhà vua làm trước thành công thì em sẽ làm.

7. Trong truyện, em bé đã dùng cách nào để xuyên sợi chỉ qua vỏ ốc theo như yêu cầu của sứ giả nước láng giềng?

A. Bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng rồi xuyên qua vỏ ốc.

B. Xỏ chỉ vào cây kim rồi xuyên qua vỏ ốc.

C. Bắt con kiến càn buộc vào sợi chỉ, sau đó bôi mỡ vào đầu con ốc, con kiến nghe mùi mỡ sẽ tự chui qua.

D. Dùng miệng hút sợi chỉ qua vỏ ốc.

8. Trước tài năng và sự thông minh của em bé, nhà vua đã phong cho em tước vị gì?

A. Trạng nguyên.

B. Người thông minh nhất.

C. Thần đồng đất Việt.

D. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

9. Trong truyện Em bé thông minh, cách giải những câu đố của em bé lí thú ở chi tiết nào?

A. Đẩy thế bí về phía người ra câu đố.

B. Làm cho người ra câu đố thấy được cái phi lí, cái vô lí trong câu đố mà họ ra.

C. Không dựa vào kiến thức của sách vở mà hoàn toàn là kiến thức trong thực tế đời sống.

D. Cả A, B và C đều đúng.

10. Trong truyện, em bé được thử thách qua mấy lần?

- A. 2 lần
- B. 3 lần
- C. 4 lần
- D. 5 lần

II. TỰ LUẬN

Tài trí thông minh trong truyện Em bé thông minh.

BÀI THAM KHẢO

Trong thực tế, không thể có em bé nào thông minh tài giỏi, đối đáp như thần đến vậy, nhưng trong cổ tích lại có và nhân vật phải đạt đến mức như thế. Em đã trở thành một gương mặt đẹp của tài trí Việt Nam, và cổ tích đã đưa vẻ đẹp của nhân vật đến mức lí tưởng để đề cao tài trí của người lao động trong cuộc sống. Đó là một tư tưởng đúng đắn, một quan niệm tiến bộ của người xưa: đề cao tài trí của người lao động cũng tức là đề cao người lao động. Trong cuộc sống đã như thế trong thi văn học cũng như thế. Chủ đề đó trong truyện cổ này càng được tô đậm, sâu sắc hơn khi tài trí ấy lại thuộc về một em bé chỉ mới bảy tuổi.

Nhưng mặt khác, lại phải thấy rằng tài trí của nhân vật ở đây cũng như ở những truyện cổ tích khác thường chỉ là tài trí trong cuộc sống mang ý nghĩa thực tiễn. Nó là những kinh nghiệm sống, những mẹo lừa, những cách ứng xử nhanh nhạy, những miếng võ dân gian... để giúp người lao động vượt qua khó khăn giành thắng lợi. Tài trí ấy bật ra từ cuộc sống vật lộn, luôn phải va chạm với nhiều người, đương đầu với biết bao thế lực trong xã hội cũ. Nó là tài trí thực tiễn của người lao động trong cuộc sống thường ngày còn nhiều vất vả, lo toan. Do đó trong truyện cổ tích, chưa có nhân vật tài trí theo kiểu uyên bác, lỗi lạc, có phát minh khoa học, sáng tạo nghệ thuật hoặc đem đến những sự đổi thay lớn, những bước chuyển mình cho đất nước. Xã hội phong kiến tiểu nông chưa đủ điều kiện để người xưa sáng tạo ra những nhân vật tài trí như thế. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn rất yêu quý, ngưỡng mộ những nhân vật tài trí như em bé trong truyện Em bé thông minh; bởi đó là hình ảnh lí tưởng của ông cha ta đã thấp sáng ước mơ trong cổ tích để chấp cánh cho cuộc đời đi lên.

Bài 9. CÂY BÚT THẦN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

- Năm tháng trôi qua, Mã Lương không ngừng học vẽ, không bỏ phí một ngày nào và em đã tiến bộ rất mau. Em vẽ chim, cá giống như thật, người ta tưởng như sắp được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội. Thế nhưng em vẫn chưa có cây bút vẽ. Em chỉ mong sao có được một chiếc.

Một đêm em nằm ngủ rất say. Trong giấc ngủ, chợt em nhìn thấy một cụ già, râu tóc bạc phơ hiện ra trước mặt, đưa cho em một cây bút và nói:

- Đây là cây bút thần, nó sẽ giúp con rất nhiều.

Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng reo lên:

- Cây bút đẹp quá! Cháu cảm ơn ông! Cảm ơn ông!

Em chưa nói dứt lời, cụ già đã biến mất. Mã Lương giật mình tỉnh dậy mới biết là mình nằm mơ. Thế nhưng, cây bút thần vẫn nằm trong tay em, em rất lấy làm lạ.

Mã Lương lấy bút ra vẽ một con chim. Chim tung cánh bay lên trời, cất tiếng hót líu lo. Em vẽ tiếp một con cá. Cá vẫy đuôi trườn xuống sông, bơi lượn trước mắt em. Mã Lương thích thú vô cùng.

Dùng cây bút thần, Mã Lương vẽ cho tất cả người nghèo trong làng. Nhà nào không có cày, em vẽ cho cày. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc. Nhà nào không có đèn, em vẽ cho đèn. Nhà nào không có thùng múc nước, em vẽ cho thùng...

Việc đó ai cũng biết. Rồi câu chuyện cây bút thần lọt tới tai một tên địa chủ giàu có trong làng. Hắn liền sai hai tên đầy tớ đến bắt Mã Lương về nhà vẽ theo ý muốn của

hắn. Mã Lương tuy còn nhỏ nhưng tính tình khảng khái, Em biết bụng dạ tham lam của bọn nhà giàu, nên không vẽ bất cứ một thứ gì, mặc cho chúng hết lời dụ dỗ, dọa nạt. Tên địa chủ tức giận, nhốt em vào chuồng ngựa, không cho ăn uống gì. [...]

1. Truyện Cây bút thần là truyện nước nào?

- A. Việt Nam
- B. Trung Quốc
- C. Ấn Độ
- D. Nhật Bản

2. Câu nào dưới đây không nói về cậu bé Mã Lương?

- A. Là một cậu bé rất thông minh và thích học vẽ từ nhỏ.
- B. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, phải đi đồn củi và cắt cỏ để kiếm sống,
- C. Thường xuyên vẽ muôn thú trên giấy.
- D. Vẽ rất đẹp và vẽ giống như thật.

3. Trong truyện Cây bút thần, ông già hiện ra trong giấc mơ đã tặng cho Mã Lương vật gì?

- A. Một cây bút bằng vàng sáng lấp lánh.
- B. Một chiếc gương thần có thể nhìn thấy mọi vật.
- C. Một căn nhà thật to để cậu bé trú ngụ.
- D. Một cây bút, một tờ giấy để vẽ.

4. Điều kì diệu nào đã xảy ra sau khi Mã Lương sử dụng cây bút của ông già tặng để vẽ?

- A. Mã Lương vẽ mọi thứ đều như thật.
- B. Bức tranh của Mã Lương vẽ ra có thể bán được cả trăm quan tiền.
- C. Tiếng tăm của Mã Lương lan đến tai vua.

D. Mọi vật sau khi vẽ trên giấy đều trở thành vật thật.

5. Mã Lương lúc đầu sử dụng cây bút để làm gì?

A. Vẽ những vật dụng cần thiết cho sinh hoạt của mình.

B. Vẽ tranh bán kiếm tiền.

C. Vẽ thành một con sóng dữ cuốn trôi nhà vua và các quan lại tham lam.

D. Vẽ những vật dụng cần thiết cho gia đình các nông dân nghèo.

6. Thái độ của Mã Lương như thế nào khi bị tên địa chủ giàu có bắt về vẽ theo ý hấn?

A. Rất sợ sệt nên không vẽ nên thứ gì theo yêu cầu của tên địa chủ.

B. Rất khảng khái, không chịu vẽ thứ gì cho dù tên địa chủ mặc sức dụ dỗ.

C. Rất bình tĩnh nhưng chỉ vẽ cho tên địa chủ một căn nhà.

D. Làm theo tất cả những gì tên địa chủ yêu cầu.

7. Khi vẽ tranh để bán, Mã Lương đã vẽ như thế nào để mọi người không phát hiện ra?

A. Vẽ tranh thật xấu và không giống với thực tế.

B. Các bức tranh được vẽ đều dang dở, thiếu một vài chi tiết,

C. Chỉ vẽ tranh trên lá cây.

D. Chỉ vẽ tranh vào lúc đêm tối, không có ánh sáng.

8. Truyện Cây bút thần viết về kiểu nhân vật phổ biến nào trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam và thế giới?

A. Kiểu nhân vật bất hạnh: nghèo khổ, mồ côi, bị áp bức.

B. Kiểu nhân vật thích hành hiệp để cứu giúp người nghèo khó.

C. Kiểu nhân vật tham lam, độc ác.

D. Kiểu nhân vật có tài năng kì lạ phi thường.

9. Chi tiết nào dưới đây trong truyện không mang yếu tố tưởng tượng?

- A. Mã Lương có được cây bút thần, vẽ bất cứ vật gì thì vật đó trở thành vật thật.
- B. Mã Lương đã vẽ một chiếc thang để trốn khỏi nhà tên địa chủ.
- C. Mã Lương là người vẽ rất đẹp và được mọi người ngưỡng mộ.
- D. Mã Lương vẽ một chiếc thuyền, vẽ sóng biển tạo nên bão tố để giết chết tên vua tham lam, độc ác.

10. Nội dung ý nghĩa nào không được đề cập trong truyện Cây bút thần?

- A. Phê phán những kẻ có tài mà tham lam, độc ác.
- B. Đề cao tài năng, sức mạnh kì diệu của con người.
- C. Thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội: kẻ tham lam sẽ bị trừng trị thích đáng.
- D. Đề cao lòng nhân ái của con người, đồng thời ủng hộ mục đích chính nghĩa của những người có tài năng nghệ thuật.

II. TỰ LUẬN

Hãy nêu những chi tiết lí thú và gợi cảm trong truyện Cây bút thần?

Gợi ý trả lời:

Truyện Cây bút thần có nhiều chi tiết lí thú và mang tính gợi cảm cao. Cụ thể là:

Em vẽ chim, cá giống như thật, người ta tưởng như sắp được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội.

Sau đó, Mã Lương vẽ chim, chim tung cánh bay và cất tiếng hót. Mã Lương vẽ cá, cá tung tăng bơi lội.

Tên địa chủ tưởng Mã Lương đã chết vì đói và rét nhưng thực ra em đã dùng cây bút thần vẽ lò để sưởi, vẽ bánh để ăn.

Mã Lương vượt qua tường bằng một chiếc thang vẽ trên tường, nhưng khi tên địa chủ vừa leo lên thì chiếc thang đã biến mất, tên địa chủ ngã lộn xuống đất.

Một hôm, Mã Lương vẽ một con cò không mắt nhưng vô tình em đánh rơi một giọt mực vào mắt cò, cò mở mắt, xòe cánh bay đi.

- Vua bắt Mã Lương vẽ rồng, em vẽ một con cóc ghê; vua bắt vẽ phượng, em vẽ một con gà trụi lông.

Mã Lương chấm vài chấm, biển liền hiện ra bao nhiêu là cá, đủ các màu sắc, uốn đuôi mềm mại bơi lội tung tăng.

Nét bút của Mã Lương đưa nhà vua từ thích thú đến sợ hãi và cuối cùng chính nét bút ấy đã nhấn chìm tên vua tham lam cùng đám quần thần độc ác.

Bài 10. ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Được ít tuần, mẹ vợ lại nổi cơn thịnh nộ. Mẹ sai người đi bắt ông lão đến. Mẹ bảo:

- Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.

Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

- Cá ơi, cứu tôi với! Thương tôi với! Tôi làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ ấy không muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý muốn của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu dưới đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sừng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất; trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa, và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

1. Truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng thuộc thể loại nào?
 - A. Truyện ngắn.
 - B. Truyện cổ tích dân gian.
 - C. Truyền thuyết.
 - D. Thần thoại.
2. Tác giả A. Pu-skin là người nước nào?
 - A. Trung Quốc.
 - B. Ấn Độ.
 - C. Ba Lan.
 - D. Nga.
3. Trong truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng có những nhân vật nào?
 - A. Ông lão đánh cá và con cá vàng.
 - B. Ông lão đánh cá và vợ ông.
 - C. Ông lão đánh cá, vợ ông lão và con cá vàng.
 - D. Vợ ông lão và con cá vàng.
4. Trong truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng, ông lão đã ra biển để gọi cá mấy lần?
 - A. 2 lần.
 - B. 4 lần.
 - C. 3 lần.

D. 5 lần.

5. Trong truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng, bà vợ ông lão là người như thế nào?

- A. Người phụ nữ nghèo khó, rất tham lam, độc ác và bội bạc.
- B. Người phụ nữ nghèo khó nhưng rất tốt bụng,
- C. Là người gian xảo, chuyên lừa đảo người khác.
- D. Là người giàu có nhưng rất tham lam.

6. Trong truyện, việc bà lão yêu cầu con cá vàng thực hiện nhiều yêu cầu quá đáng của mình đã chứng tỏ điều gì?

- A. Bà lão là người có tính kiên trì, nhẫn nại.
- B. Bà lão rất tham lam và ham muốn quyền lực.
- C. Cá vàng là con vật rất tốt bụng.
- D. Ông lão là người rất thương vợ.

7. Câu nào dưới đây thể hiện đúng bản chất của bà lão?

- A. Éch ngồi đáy giếng.
- B. Đi một ngày đàng học một sàng khôn,
- C. Được voi đòi tiên.
- D. Có mới nới cũ.

8. Trong truyện, bà lão không yêu cầu cá vàng thực hiện yêu cầu nào sau đây?

- A. Biến chiếc máng lợn cũ thành chiếc máng lợn mới.
- B. Biến bà lão thành cô gái đẹp tuyệt trần.
- C. Biến căn chòi rách nát thành một tòa lâu đài nguy nga, lộng lẫy.
- D. Biến mụ ta thành một nữ hoàng.

9. Thành ngữ nào sau đây nói đúng hoàn cảnh của bà lão khi cá vàng biến mọi thứ trở lại như cũ?

- A. Tham thì thâm.
- B. Ăn cây nào rào cây ấy.
- C. Ăn cháo đá bát.
- D. Nhất vợ nhì trời.

10. Truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng nhắc nhở chúng ta điều gì?

- A. Sống phải nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình đồng thời không nên có tính tham lam, bội bạc.
- B. Phải biết thương yêu và quý trọng người thân trong gia đình, C. Không nên đòi hỏi những gì vượt quá khả năng đáp ứng của thực tế.
- D. Phải biết quý trọng những giá trị của cuộc sống.

II. TỰ LUẬN

Tính tham lam và sự bội bạc của người vợ được thể hiện như thế nào qua truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng.

Gợi ý trả lời:

Lòng tham của mẹ vợ được thể hiện rõ qua những đòi hỏi đối với cá vàng. Mặc dù mẹ vợ không có công lao gì đối với cá vàng nhưng mẹ đã liên tục đưa ra những đòi hỏi rất khó chấp nhận. Đầu tiên là những đòi hỏi về vật chất (cái máng lợn, cái nhà), sau đó là yêu cầu về danh vọng (nhất phẩm phu nhân). Không bằng lòng với của cải và danh vọng đã có, mẹ muốn có quyền lực tối cao hơn: nữ hoàng. Lòng tham của mẹ đi đến tột cùng khi mẹ đòi làm Long Vương, bắt con cá vàng hầu hạ bên cạnh. Đó là một đòi hỏi không thể chấp nhận và vượt khỏi giới hạn trong đạo lý làm người.

Cùng với lòng tham là sự bội bạc. Nếu như lòng tham của mẹ vợ thể hiện qua đòi hỏi đối với cá vàng, thì sự bội bạc thể hiện qua cách đối xử của mẹ đối với ông lão tội nghiệp. Ông lão trong truyện vừa là chồng, vừa là ân nhân của mẹ nhưng mẹ đối xử hết

sức tẻ bạc. Cùng với lòng tham thì sự bội bạc của mẹ ngày càng gia tăng. Lần thứ nhất mẹ mắng ông lão là đồ ngốc, lần thứ hai mẹ quát to và chửi chồng là đồ ngu, lần thứ ba mẹ mắng như tát nước vào mặt chồng, lần thứ tư mẹ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão, sau khi được làm nữ hoàng, mẹ đuổi thẳng ông lão ra ngoài, lần cuối cùng mẹ nổi cơn thịnh nộ, sai người đi bắt ông lão đến để ông đi tìm cá vàng, bắt nó phải phục tùng mệnh lệnh của mẹ.

Như vậy, lòng tham và sự bội bạc của mẹ vợ càng gia tăng theo quyền lực và danh vọng của mẹ. Cùng với nó là sự mất dần tình nghĩa vợ chồng, tình người trong suy nghĩ của mẹ. Hậu quả của thái độ này là mẹ trở về với căn chòi xưa và ngồi trước cái máng lợn sút mẻ.

Bài 11. ÉCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu Ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Éch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dâng lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch ngênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu Ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?

A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

- B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.
- C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.
- D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

2. TruyệnẾch ngồi đáy giếng thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết.
- B. Thần thoại.
- C. Truyện cổ tích.
- D. Truyện ngụ ngôn.

3. Truyện nào dưới đây không phải là truyện ngụ ngôn?

- A. Tấm Cám.
- B. Thầy bói xem voi.
- C. Đeo nhạc cho mèo.
- D.Ếch ngồi đáy giếng,

4. Trong truyệnẾch ngồi đáy giếng, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?

- A.Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.
- B.Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.
- C.Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.
- D.Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

5. Khi nước tràn vào giếng và đưa ếch ra ngoài, thái độ của ếch như thế nào khi nhìn thấy cảnh vật chung quanh?

- A. Rất lo lắng và sợ sệt vì mọi thứ quá xa lạ.

- B. Đắc ý vì cảnh vật mới không bằng nơi nó sinh sống bấy lâu.
- C. Nghênh ngang đi lại khắp nơi, dương dương tự đắc vì nghĩ mình là chúa tể của muôn loài.
- D. Cười nhạo báng tất cả mọi thứ ếch gặp trên đường.
6. Trong truyện, thực chất ếch là con vật như thế nào?
- A. Có tầm hiểu biết sâu rộng và có vốn sống dồi dào.
- B. Có vốn sống bình thường nhưng luôn biết học hỏi.
- C. Có tầm hiểu biết sâu rộng nhưng không chịu học hỏi những con vật khác ở chung quanh.
- D. Có hiểu biết nông cạn, hời hợt nhưng lại thích huênh hoang.
7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?
- A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.
- B. Ếch bị một con voi giẫm chết,
- C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.
- D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp dí.
8. Truyện Ếch ngồi đáy giếng phê phán điều gì?
- A. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.
- B. Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.
- C. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.
- D. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.
9. Truyện Ếch ngồi đáy giếng khuyên chúng ta điều gì?
- A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.

- B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.
- C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.
- D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

10. Thành ngữẾch ngồi đáy giếng thường được dùng để chỉ điều gì?

- A. Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.
- B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.
- C. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.
- D. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân.

II. TỰ LUẬN

Những bài học rút ra từ truyệnẾch ngồi đáy giếng.

Gợi ý trả lời:

- Khi sống trong một môi trường nhỏ bé, không gian hạn hẹp, thiếu sự giao lưu sẽ làm hạn chế tầm hiểu biết thế giới xung quanh. Nếu tình trạng này kéo dài, sự hiểu biết sẽ rất nông cạn, nhìn nhận thế giới xung quanh một cách khác lạ. Nguồn tri thức hạn hẹp dễ làm nảy sinh tâm lý chủ quan và kiêu ngạo.

- Sự chủ quan và kiêu ngạo rất dễ phải trả giá, nhiều khi trả giá rất đắt chẳng hạn như chú ếch ở trong truyện.

- Câu chuyện nhắc nhở con người dù sống trong bất cứ môi trường nào cũng không nên bó hẹp suy nghĩ, phải mở rộng môi trường sống, chú ý học hỏi để mở rộng tầm hiểu biết của bản thân.

- Khi xảy ra sự thay đổi trong môi trường sống hoặc làm việc cần phải thận trọng, tìm cách thích nghi một cách tốt nhất, tránh thói chủ quan, kiêu ngạo do suy nghĩ nông cạn, kiến thức hạn hẹp.

Bài 12. THẦY BÓI XEM VOI

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu thầy quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.

Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau.

Thầy sờ vòi bảo:

- Tưởng con voi như thế nào, hóa ra nó sun sun như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo:

- Không phải, nó chẵn chẵn như cái đòn càn.

Thầy sờ tai bảo:

- Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc.

Thầy sờ chân cãi:

- Ai bảo! Nó sừng sững như cái cột đình.

Thầy sờ đuôi lại nói:

- Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tun tun như cái chổi sể cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho là mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.

1. Truyện Thầy bói xem voi thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết.

B. Thần thoại.

C. Truyện cổ tích.

- D. Truyện ngụ ngôn.
2. Nhân vật chính trong truyện Thầy bói xem voi là ai?
- A. Năm ông thầy bói và con voi.
 - B. Năm ông thầy bói.
 - C. Con voi.
 - D. Con voi và một ông thầy bói.
3. Thầy bói là những người:
- A. Chuyên làm nghề buôn bán.
 - B. Chuyên làm nghề bốc thuốc.
 - C. Chuyên đoán việc lành dữ cho mọi người.
 - D. Chuyên viết thư pháp trên phố.
4. Câu: “Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào” chỉ điều gì?
- A. Từ trước đến giờ các thầy bói chưa xem bói cho voi.
 - B. Các thầy bói đều có chung khuyết tật là bị mù.
 - C. Từ trước đến giờ các thầy chưa nhìn thấy voi.
 - D. Các thầy cho rằng voi là con vật chỉ có trong tưởng tượng.
5. Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào những bộ phận nào của con voi?
- A. Vòi, ngà, tai, chân, đuôi.
 - B. Vòi, ngà, tai, chân, lưng,
 - C. Vòi, ngà, mắt, chân, lưng.
 - D. Tai, mắt, lưng, chân, đuôi.
6. Khi sờ vào tai voi, thầy bói bảo nó giống thứ gì sau đây?
- A. Giống như một cái lá sen to.
 - B. Giống như một cái quạt thóc,

C. Giống như hai cái chôi sê.

D. Giống như cái đòn càn.

7. Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào con voi thật nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

A. Xem xét các bộ phận của voi một cách hời hợt.

B. Không xem xét voi bằng mắt mà bằng tay.

C. Xem xét một cách quá kĩ lưỡng từng bộ phận của voi.

D. Không xem xét voi một cách toàn diện mà chỉ dựa vào từng bộ phận để đưa ra nhận xét.

8. Truyện Thầy bói xem voi cho chúng ta bài học gì?

A. Muốn hiểu biết sự vật, sự việc nào đó một cách chính xác cần xem xét chúng một cách toàn diện.

B. Luôn học hỏi để nâng cao hiểu biết của bản thân, nhằm tránh rơi vào tình trạng thầy bói xem voi.

C. Không nên có tính ganh ghét lẫn nhau.

D. Không nên dùng lời của những thầy bói để xem xét, đánh giá sự vật.

9. Truyện Thầy bói xem voi phê phán điều gì?

A. Phê phán những việc làm vô bổ, không mang lại lợi ích cho bản thân cũng như người khác.

B. Phê phán thái độ khinh thường người khác.

C. Phê phán những nhận xét, đánh giá không có cơ sở hoặc chưa có chứng cứ một cách xác đáng, nhìn nhận sự vật một cách phiến diện.

D. Phê phán thái độ cầu toàn, không dám đấu tranh chống cái xấu, cái tiêu cực.

10. Cuộc tranh luận của năm thầy bói dẫn đến kết quả gì?

- A. Năm thầy bói nhất trí với nhau về đặc điểm của con voi.
- B. Năm thầy không ai chấp nhận ý kiến của ai, một mực cho rằng ý kiến của mình là đúng nên cuối cùng đánh nhau toác đầu chảy máu.
- C. Cuối cùng không ai chấp nhận ý kiến của ai nên không thể hình dung ra đặc điểm của con voi.
- D. Các thầy bói nhất trí với nhau rằng con voi giống cái cột đình.

II. TỰ LUẬN

Về truyện Thầy bói xem voi.

BÀI THAM KHẢO

Thầy bói xem voi là câu chuyện giàu kịch tính, có kết cấu khá mạch lạc. Nghệ thuật của truyện ngụ ngôn dân gian ở đây đạt tới đỉnh cao. Tác giả đã rất khéo léo chọn lựa một con vật đồ sộ như voi để cho các thầy bói cùng một lúc đều có thể xem bằng tay, và từ đó sẽ thuận lợi cho việc tưởng tượng, hư cấu nhằm rút ra những điều bổ ích cho con người về việc nhận xét, bình giá và ứng xử trong mọi quan hệ ở đời. Rõ ràng đây là một tấn bi - hài kịch về một cách nhận thức, một bài học quý để người đời cùng học. Bài học ấy nhắc chúng ta rằng muốn hiểu biết đầy đủ về một sự vật, một hiện tượng hay một con người nào đó thì phải nhìn nhận thật toàn diện, không nên mới chỉ biết có một ít mà đã suy nghĩ quá nhiều hoặc phán đoán mò mẫm.

Đến đây, ta càng thấy đầu đề Thầy bói xem voi hàm chứa đầy tính hài hước. Đầu đề này cũng đã đi vào vốn ngôn ngữ thông thường của đời sống mỗi khi nhận xét hoặc bình giá một sự việc nào đó chưa đến đầu đến đuôi hoặc còn phiến diện.

Truyện Thầy bói xem voi mang đậm tính phê phán, có ý nghĩa triết học sâu sắc, nó như một bài học quý không chỉ cho ngày xưa, cho ngày nay mà còn cho cả mai sau.

*(Theo Cao Đức Tiến, Ngụ ngôn, truyện cười,
NXB Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh)*

Bài 13. ĐEO NHẠC CHO MÈO

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Khi làng dài răng đã tề tựu đông đủ cả rồi, ông Công mới lên giọng rằng:

Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

[...] Chuột Chù ì ạch phải nhận, vác nhạc ra đi tìm mèo thật. Khốn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần, thì thấy mèo quả nhiên không thềm vờn đến thật. Song mèo cũng nhe nanh giương vuốt, làm cho Chù cảm đầu, vác cái thân ì ạch chạy khốn chạy khổ về báo cho làng hay. Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái nhạc, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết. Thành ra từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.

1. Truyện Đeo nhạc cho mèo có nguồn gốc từ nước nào?

- A. Hi Lạp.
- B. Ấn Độ.
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

2. Truyện Đeo nhạc cho mèo thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngụ ngôn.
- B. Truyện cười.
- C. Truyện thần thoại.
- D. Truyền thuyết.

3. Trong truyện Đeo nhạc cho mèo, loài mèo có biệt tài gì khiến họ hàng nhà chuột phải sợ?

- A. Ngủ rất thính và ăn vụng rất tài.
- B. Có thể leo cây để bắt chuột.
- C. Có tài rình mò và khéo bắt lén.
- D. Cả đêm không ngủ để rình bắt chuột.

4. Họ hàng nhà chuột mở cuộc họp nhằm mục đích gì?

- A. Bàn cách đối phó với loài mèo.
- B. Tìm cách và phân công người đeo chuông cho mèo.
- C. Phân công người canh gác cho cả bầy chuột ngủ.
- D. Tập hợp loài chuột để dạy cho mèo một bài học.

5. Trong truyện Đeo nhạc cho mèo, ai là người có chức tước cao nhất trong họ hàng nhà chuột?

- A. Chuột Nhắt.
- B. Chuột Đồng.
- C. Chuột Chù.
- D. Chuột Cống.

6. Người được cả họ nhà chuột phân công đi đeo nhạc cho mèo là ai?

- A. Chuột Nhắt.
- B. Chuột Đồng.
- C. Chuột Chù.
- D. Chuột Cống.

7. Họ hàng nhà chuột đã sử dụng yếu tố nào dưới đây trong việc cảnh giác với loài mèo?

- A. Âm thanh.
- B. Ánh sáng.
- C. Hình ảnh.
- D. Mùi vị.

8. Truyện Đeo nhạc cho mèo khuyên nhủ chúng ta điều gì?

- A. Không nên xung đột lẫn nhau.
- B. Trong cuộc sống cần hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau.
- C. Phải dám đương đầu với khó khăn thử thách, có như vậy mới hi vọng thành công.
- D. Khi làm bất cứ việc gì cũng cần tính đến điều kiện và khả năng thực hiện điều đó.

9. Qua thái độ của chuột cống, truyện muốn phê phán điều gì?

- A. Phê phán những ý tưởng viển vông không thể thực hiện được.
- B. Phê phán những người lợi dụng chức quyền để chuộc lợi cho bản thân, không quan tâm đến lợi ích của người khác.
- C. Phê phán những người ham sống sợ chết, chỉ bàn ra mà không dám thực hiện; trút khó khăn, nguy hiểm cho người khác.
- D. Phê phán những người có đầu óc trống rỗng nhưng vẫn cho mình là tài giỏi.

10. Kết quả cuối cùng là họ nhà chuột không đeo được nhạc cho mèo, thất bại này do đâu?

- A. Do ý tưởng của họ hàng nhà chuột là không thực tế.
- B. Do chuột chù quá nhút nhát.
- C. Do mũi mèo quá thính nên chuột không thể tiếp cận.
- D. Do không có con chuột nào dám đeo chuông cho mèo.

II. TỰ LUẬN

Truyện Đeo nhạc cho mèo phản ánh điều gì và bài học rút ra từ câu chuyện đó.

Gợi ý trả lời:

Truyện Đeo nhạc cho mèo mượn chuyện họ hàng nhà chuột để nói chuyện người. Nghệ thuật nhân hóa đã được sử dụng một cách khéo léo để lột tả bản chất của các con vật có bụng không thể xấu hơn được. Làng chuột được miêu tả trong truyện làm chúng ta liên tưởng đến xã hội nông thôn trước kia với vai vế và thứ bậc cũng như họ nhà chuột. Đứng đầu một làng, xã thường là ông Cống hoặc ông Nghè tương ứng với dạng chuột Cống trong truyện; kế đó là hạng người bậc trung với tính cách cơ hội, láu cá như chuột Nhắt; cuối cùng là những người thấp cổ bé họng như chuột Chù, những hạng người này chuyên làm những nhiệm vụ nặng nhọc, chịu mọi gánh nặng của chế độ đó. Như vậy, truyện mượn chuyện nhà chuột để nói về chuyện người, châm biếm sâu sắc những thói xấu của con người. Truyện cũng để lại nhiều bài học quý báu.

Bài học thứ nhất nói về điều kiện cần và đủ để thực hiện một kế hoạch nào đó. Kế hoạch dù tốt đến đâu chẳng nữa nhưng không dựa trên những điều kiện nhất định thì sẽ không thể hoàn thành được, đó mãi mãi chỉ là lí thuyết suông chứ không áp dụng được vào thực tiễn.

Bài học thứ hai nói về nhân tố thực hiện kế hoạch. Người thực hiện kế hoạch phải có đủ phẩm chất và năng lực. Nếu người thực hiện kế hoạch bị ép buộc hoặc miễn cưỡng thì cho dù là kế hoạch, hoàn hảo cũng sẽ thất bại.

Bài học thứ ba nói về tính tập thể trong việc thực hiện một công việc nào đó. Nếu một tập thể mà toàn những cá nhân chỉ biết nói chứ không biết làm thì rất dễ đi đến những quyết định ảo tưởng, phi thực tế. Những cá nhân ấy chỉ biết đề ra kế hoạch còn khi thực hiện thì lại đùn đẩy cho nhau. Hiệu quả làm việc của tập thể cũng như hội đồng chuột trong truyện trên.

Bài 14. CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng:

- Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.

Cậu Chân, cậu Tay cũng nói:

- Phải đấy! Chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi, nay đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.

[...] Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: Từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.

[...] Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Đến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hai hàm thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Con cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong, dần dần tỉnh lại. bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái như trước. Từ đó lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

1. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngụ ngôn.
- B. Truyện cổ tích.
- C. Truyện ngắn.

D. Thần thoại.

2. Trong truyện, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng trước đây sống với nhau như thế nào?

A. Không có liên hệ gì với nhau, mạnh ai nấy sống.

B. Rất hòa thuận, thân thiết và quan tâm lẫn nhau,

C. Là bạn thân của nhau.

D. Tuy sống chung trên một cơ thể nhưng không có liên hệ gì với nhau.

3. Theo quan niệm của các bộ phận trên cơ thể thì bộ phận nào là sượng nhất?

A. Chân.

B. Mắt.

C. Tay.

D. Miệng.

4. Theo em, quan niệm của các bộ phận trên cơ thể về lão Miệng như vậy là đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

5. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng lấy chuyện các bộ phận trên cơ thể để nói đến chuyện của:

A. Con người.

B. Chân, Tay, Tai, Mắt.

C. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.

D. Miệng.

6. Tại sao các bộ phận khác cho rằng lão Miệng là người sượng nhất?

A. Vì lão Miệng nhai thức ăn suốt ngày.

- B. Vì lão Miệng không phải làm gì cả.
 - C. Vì lão Miệng không phải làm gì cả, chỉ ngồi ăn không.
 - D. Vì lão Miệng làm ít mà vẫn có ăn.
7. Việc Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng không làm việc nữa đã dẫn đến hậu quả gì?
- A. Lão Miệng chết đói vì không có thức ăn.
 - B. Chân, Tay, Tai, Mắt đều mệt mỏi, bơ phờ, thiếu sức lực.
 - C. Chân, Tay, Tai, Mắt đều được nghỉ ngơi.
 - D. Lão Miệng phải làm việc để nuôi sống mình.
8. Khi lão Miệng có thức ăn trở lại thì điều gì đã diễn ra?
- A. Các bộ phận khác như Chân, Tay, Tai, Mắt đều cảm thấy khỏe mạnh, tươi tỉnh ra.
 - B. Lão Miệng được hồi sinh và tiếp tục làm nhiệm vụ của mình.
 - C. Lão Miệng cảm thấy được ăn ngon hơn trước.
 - D. Các bộ phận khác như Chân, Tay, Tai, Mắt không dám phân bì với lão Miệng nữa.
9. Bài học rút ra từ truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng là gì?
- A. Mỗi người cần phải sống tự lập, không nên dựa dẫm vào người khác.
 - B. Trong tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa, gắn bó, hợp tác với nhau để cùng tồn tại.
 - C. Không nên có thái độ phân biệt về quyền lợi với người khác.
 - D. Cần tôn trọng tập thể, lấy tập thể làm trung tâm cho sự tồn tại của mỗi bản thân.
10. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng phê phán điều gì?
- A. Phê phán thói quen sống dựa dẫm vào người khác.

- B. Phê phán thói quen sống bất chấp quyền lợi của người khác.
- C. Phê phán lối sống lãng phí, không biết tiết kiệm cho bản thân.
- D. Phê phán thái độ ích kỉ, sống cho bản thân, không coi trọng quyền lợi chung của tập thể.

II. TỰ LUẬN

Nội dung truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng và ý nghĩa giáo dục của truyện.

Gợi ý trả lời:

Truyện kể về thái độ của các bộ phận trên cơ thể người với nhau. Chân, Tay, Tai, Mắt xuất phát từ những biểu hiện bên ngoài như Chân phải đi, Mắt phải nhìn, Tay phải làm, Tai phải nghe để phân bì với lão Miệng suốt ngày chỉ biết ăn. Họ nhìn thấy những việc làm của họ chỉ để phục vụ cho lão Miệng ăn không ngồi rồi kia. Vậy là họ đi kiện với chính lão Miệng. Kết cục của câu chuyện không nằm ngoài những quy luật của tự nhiên: cái bộ phận phải phục tùng cái toàn thể, quyền lợi của cá nhân gắn liền với quyền lợi tập thể.

Truyện mượn chuyện các bộ phận trên cơ thể người để nói chuyện con người. Có thể ví cơ thể người như một tập thể hay một tổ chức, các bộ phận như Chân, Tay, Mắt, Miệng là một cá nhân của tập thể, tổ chức đó. Qua đó truyện nhấn nhủ con người nhiều điều.

Thứ nhất là mỗi cá nhân không thể tồn tại nếu tách ra khỏi mối quan hệ với tập thể, với cộng đồng, cần phải lấy tập thể làm nơi cống hiến và phát triển. Quyền lợi của cá nhân gắn liền với quyền lợi của tập thể.

Thứ hai, mỗi người cần sống vì mọi người và mọi người vì mỗi người, loại bỏ chủ nghĩa cá nhân, ích kỉ, hẹp hòi. Nếu đang tâm làm hại người khác trong tập thể, trong cộng đồng cũng chính là làm hại chính bản thân.

Bài 15. TREO BIỂN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng:

“Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI”

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo:

- Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá “tươi”? Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ “tươi” đi.

Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là “ở đây”? Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ “ở đây” đi.

Cách vài hôm, lại có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là “có bán”? Nhà hàng nghe nói, lại bỏ ngay hai chữ “có bán” đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ “cá”. Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.

- Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói:

Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa?

Thế là nhà hàng cất nốt cái biển!

1. Câu nào dưới đây không nói về thể loại truyện cười?

- A. Là thể loại truyện kể về những chuyện đáng cười trong cuộc sống.
- B. Truyện chứa đựng nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo.
- C. Truyện ra đời nhằm mục đích tạo ra tiếng cười mua vui cho mọi người.

- D. Truyện có ý nghĩa phê phán những thói hư, tật xấu của con người trong xã hội.
2. Truyện Treo biển thuộc thể loại:
- A. Truyện ngụ ngôn.
 - B. Truyện thần thoại.
 - C. Truyện cổ tích.
 - D. Truyện cười.
3. Trong những truyện dưới đây, truyện nào không thuộc thể loại truyện cười?
- A. Đeo nhạc cho mèo.
 - B. Đeo càyl giữa đường.
 - C. Lợn cưới, áo mới.
 - D. Treo biển.
4. Trong truyện Treo biển, cửa hàng bán loại thực phẩm nào?
- A. Rau.
 - B. Trái cây.
 - C. Cá.
 - D. Tôm.
5. Trong truyện, sau mỗi lần có người góp ý, chủ cửa hàng đã làm gì?
- A. Chỉ tiếp nhận mà không cho thực hiện.
 - B. Lập tức bỏ ngay chữ trên tấm biển mà mọi người cho là dư thừa.
 - C. Lập tức bỏ ngay chữ dư thừa trên tấm biển sau đó lại treo lên.
 - D. Cho treo một tấm biển khác lên có nội dung đúng như lời góp ý của mọi người.
6. Ông chủ cửa hàng trong truyện là người như thế nào?

- A. Thiếu tính quyết đoán, làm việc mà không có lập trường.
- B. Có tính quyết đoán và rất kiên định.
- C. Biết lắng nghe ý kiến của người khác, chấp nhận sửa chữa bản thân.
- D. Biết tiếp thu những cái hay, cái đẹp và cái đúng.

7. Truyện Treo biển muốn phê phán điều gì?

- A. Phê phán những người thích xen vào chuyện của người khác.
- B. Phê phán những người chủ quan, bảo thủ, không biết tiếp thu ý kiến của người khác.
- C. Phê phán những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không chịu suy xét kĩ khi lắng nghe ý kiến của người khác.
- D. Phê phán những người làm việc không có kế hoạch cụ thể.

8. Kết quả cuối cùng của việc ông chủ luôn lắng nghe khách hàng là gì?

- A. Tắm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ bán cá.
- B. Tắm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ cá tươi.
- C. Tắm biển quảng cáo không còn lại chữ nào.
- D. Ông chủ cửa hàng cá tháo tắm biển cất đi.

9. Truyện Treo biển có nội dung và ý nghĩa giống truyện nào dưới đây?

- A. Êch ngồi đáy giếng.
- B. Đeo nhạc cho mèo.
- C. Đeo cà giữa đường.
- D. Thầy bói xem voi.

10. Truyện Treo biển nhắn nhủ chúng ta điều gì?

- A. Phải có lập trường riêng, làm việc phải có tính quyết đoán, khi tiếp thu ý kiến người khác thì phải suy xét rõ ràng.

B. Không nên xen vào chuyện của người khác, đồng thời không để người khác xen vào chuyện của mình.

C. Nên tiếp thu ý kiến của người khác cho dù ý kiến đó đúng hoặc sai.

D. Trong buôn bán cần phải dùng biển quảng cáo nếu không khách hàng sẽ không biết mình bán hàng gì.

II. TỰ LUẬN

Về tấm biển Ở đây có bán cá tươi.

BÀI THAM KHẢO

Cửa hàng bán cá mà treo biển “Ở đây có bán cá tươi” là ổn rồi, để vậy cũng chẳng làm sao. Có điều, những ý kiến người ta góp, không phải hoàn toàn không có lí. Có bốn ý kiến:

Ý kiến thứ nhất: bỏ chữ tươi đi, chẳng lẽ lại bán cá ươn hay sao? Kể cũng phải. Đề Ở đây có bán cá là đủ. Còn tươi hay không, thì người ta sẽ chọn.

Ý kiến thứ hai: bỏ chữ ở đây. Nghĩ kĩ, bỏ cũng được! Mà để cũng được. Để, với ý nghĩa phân biệt cửa hàng này với cửa hàng bên cạnh, người ta bán thứ khác. Bỏ đi thì biển thoáng hơn, dễ đọc.

Ý kiến thứ ba: bỏ hai chữ có bán, với lí là bày ra khoe hay sao mà phải đề là có bán. Lí này không vững lắm. Chỉ đề mỗi một chữ cá không thôi thì trợ trụi, cửa hàng có bán cá thì phải đề bán cá là phải.

Ý kiến thứ tư thì quá đáng. Nghe mùi tanh là biết có bán cả rồi! Nói thế thì bán gì cũng không cần treo biển quảng cáo nữa. Thấy bày thứ gì tất nhiên là bán thứ ấy! Thế thì hết chuyện!

Ý kiến người khác góp có cái đúng, có cái sai, mình phải suy xét, rồi tùy từng trường hợp mà làm. Có chủ kiến là như vậy, chứ không phải khẳng khẳng giữ ý kiến ban đầu của mình. Như thế sẽ là bảo thủ.

Về cái biển này thì có thể giữ nguyên cũng được. Còn muốn sửa cho thoáng, dễ đọc thì đề Bán cả.

Đây còn là bài học về làm văn, viết câu văn thế nào cho ngắn gọn, cô đọng mà đủ ý.

*(Theo Trương Chính, Bình giảng ngụ ngôn Việt Nam,
NXB Giáo dục)*

Bài 16. LỢN CƯỜI, ÁO MỚI

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con lợn cười của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

1. Truyện Lợn cười, áo mới thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngụ ngôn.
- B. Truyện thần thoại.
- C. Truyện cổ tích.
- D. Truyện cười.

2. Hai nhân vật chính trong truyện có điểm nào chung?

- A. Đều là những người giàu có.

- B. Đều là những người thích khoe khoang.
 - C. Đều là những người giàu có nhưng bủn xỉn.
 - D. Đều là những người nghèo khó nhưng ham làm giàu.
3. Đôi tượng được đề cập đến trong truyện Lợn cưới, áo mới là gì?
- A. Tính cách khoe khoang của hai người.
 - B. Con lợn cưới bị sổng chuồng.
 - C. Cái áo mới.
 - D. Con lợn cưới và cái áo mới.
4. Truyện Lợn cưới, áo mới phê phán điều gì?
- A. Tính cách khoa trương, khoe của.
 - B. Những người thích chưng diện đồ mới.
 - C. Những người hỏi nhưng không trả lời cụ thể.
 - D. Thái độ thiếu khiêm nhã đối với người khác.
5. Ngụ ý của người hỏi trong truyện là gì?
- A. Cho mọi người biết rằng mình bị mất một con lợn cưới.
 - B. Cho mọi người biết rằng mình có một con lợn cưới,
 - C. Nhờ mọi người tìm giúp mình con lợn bị mất.
 - D. Cho mọi người biết rằng mình sắp cưới vợ.
6. Trong truyện, khi được hỏi có thấy con lợn cưới chạy qua đây hay không, người kia đã trả lời thế nào?
- A. Không thấy con lợn cưới chạy qua.
 - B. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta thấy có một con lợn chạy qua.
 - C. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta chẳng thấy con lợn chạy nào chạy qua cả.

- D. Anh ta trả lời không rõ ràng.
7. Mục đích của nhân vật trong truyện khi trả lời câu hỏi có thấy lợn cưới không là gì?
- A. Để cho người kia không hỏi nữa.
 - B. Để cho người kia xấu hổ vì đã khoe con lợn cưới,
 - C. Để cho mọi người biết rằng mình có cái áo mới.
 - D. Để cho người kia không tìm ra con lợn cưới.
8. Truyện Lợn cưới, áo mới khuyên chúng ta điều gì?
- A. Không nên có tính cách khoe khoang, khuếch trương bản thân.
 - B. Không nên nói năng thiếu lịch sự, nhất là với người lớn tuổi,
 - C. Cần thể hiện thái độ tôn trọng đối với người khác, nhất là trong lời nói và hành động.
 - D. Cần nhìn nhận đúng bản thân, không nên khoe khoang quá sự thật.
9. Câu nào dưới đây nói đúng về truyện Lợn cưới, áo mới?
- A. Truyện mượn chuyện đồ vật, loài vật để nói chuyện người.
 - B. Truyện mượn chuyện đồ vật, loài vật để nói chuyện đồ vật, loài vật.
 - C. Truyện mượn chuyện người để nói chuyện người.
 - D. Truyện mượn chuyện người để nói chuyện đồ vật, loài vật.
10. Điểm giống nhau giữa truyện ngụ ngôn và truyện cười là gì?
- A. đều có những yếu tố tưởng tượng kì ảo.
 - B. đều có những chi tiết gây cười cho người đọc, người nghe và mang hàm ý răn dạy con người.
 - C. đều có những nhân vật thần kì, có khả năng phi thường.
 - D. đều có tính chất phê phán, châm biếm.

II. TỰ LUẬN

Nều những cái bất hợp lí trong câu hỏi và lời đáp của hai nhân vật trong truyện Lợn cưới, áo mới.

Gợi ý trả lời:

Truyện Lợn cưới, áo mới phê phán tính khoe khoang của hai anh chàng có tính khoe khoang. Tính khoe khoang của họ thể hiện trong câu hỏi và câu trả lời. Chính sự bất hợp lí trong việc hỏi và trả lời đã làm bật ra tình tiết gây cười.

Đối với người hỏi: Khi hỏi về con lợn sống chuồng của mình, đáng lẽ anh ta phải mô tả con lợn thế nào, đó chính là đặc điểm của con lợn, nó to hay nhỏ, màu lông thế nào, mập ốm ra sao... đằng này anh ta lại hỏi con lợn cưới. Chắc chắn là con lợn cưới không thể phân biệt được với một con lợn nào khác, vì thông tin cưới không thu hẹp danh từ con lợn, từ cưới chỉ là từ thừa trong đó. Chắc hẳn người hỏi không dần dần đến mức đưa ra câu hỏi ngớ ngẩn như vậy, vấn đề là anh ta khoe con lợn cưới của mình.

Đối với người trả lời: câu trả lời của người này cũng bất hợp lí. Đáng lẽ khi được hỏi thấy con lợn không, anh ta phải trả lời thấy hoặc không. Nếu có thêm chi tiết phụ trợ tăng tính khẳng định thì anh ta có thể thêm từ chỉ thời gian, như vậy thì câu trả lời của anh ta sẽ thuyết phục người hỏi. Câu trả lời của anh thừa chi tiết cái áo mới. Chi tiết này không xuất hiện trong câu cũng không làm mất đi giá trị câu trả lời. Nếu thay từ cái áo mới bằng một từ chỉ thời gian thì câu trả lời của anh ta hoàn hảo. Ví dụ, anh ta có thể nói: Từ sáng đến giờ tôi không thấy con lợn nào chạy qua cả. Cũng tương tự như người hỏi, người trả lời có thể trả lời hay nhất, thuyết phục nhất, tuy nhiên, vấn đề là anh ta muốn khoe chiếc áo mới. Chính tính khoe khoang của hai người đã tạo ra câu hỏi và câu trả lời rất bất hợp lí. Chi tiết này tạo ra giá trị phê phán cũng như tiếng cười cho truyện.

Bài 17. CON HỔ CÓ NGHĨA

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều. Một đêm nọ nghe tiếng gõ cửa, bà mở cửa nhìn thì chẳng thấy ai, một lát, có con hổ chọt lao tới cổng bà đi. Ban đầu, bà sợ đến chết khiếp, khi tỉnh, thấy hổ dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì dùng chân trước rẽ lối chạy vào rừng sâu. Tới nơi, hổ thả bà xuống. Thấy một con hổ cái đang lăn lộn, cào đất, bà cho là hổ định ăn thịt mình, run sợ không dám nhúc nhích. Lúc sau hổ đực cầm tay bà nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt. Bà nhìn kĩ bụng hổ cái như có cái gì động đậy, biết ngay là hổ sắp đẻ. Sẵn có thuốc mang theo trong túi, bà liền hòa với nước suối cho uống, lại xoa bóp bụng hổ. Lát sau, hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, đáng mỗi một lăm. Rồi hổ đực quỳ xuống bên một gốc cây, lấy chân đào lên một cục bạc. Bà đỡ biết hổ tặng mình, cầm lấy. Hổ đực đứng dậy đi, quay nhìn bà, bà theo hổ ra khỏi rừng. Được mấy bước, trời sắp sáng, bà giơ tay nói: “Xin chúa rừng quay về”. Hổ cúi đầu vẫy đuôi, làm ra vẻ tiễn biệt. Bà đi khá xa, hổ liền gầm lên một tiếng rồi bỏ đi. Bà về đến nhà, cân bạc được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ có số bạc ấy bà mới sống qua được.

Người kiếm củi tên Mỗ ở huyện Lạng Giang, đang bỏ củi ở sườn núi, thấy dưới thung lũng phía xa, cỏ cây lay động không ngớt mới vác búa đến xem, thấy một con hổ trán trắng, cúi đầu đào bới đất, nhảy lên, vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, mở miệng nhe cái răng, máu me, nhớt dãi trào ra. Nhìn kĩ miệng hổ thấy có khúc xương mắc ngang họng, bàn chân hổ thì to, cào móc, khúc xương cào vào sâu. Bác tiều uống rượu say, mạnh bạo trèo lên cây kêu lên: “Cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho”. Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra đáng cầu cứu. Bác tiều trèo xuống lấy tay thò vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay. Hổ liếm mép, nhìn bác tiều phụ rồi bỏ đi. Bác tiều nói to: “Nhà ta ở thôn Mỗ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé”. Sau đó, bác tiều ra về. Một đêm nọ, nghe cửa ngoài có tiếng gầm dài mà sắc. Sớm hôm sau, có một con nai chết ở đó. Hơn mười năm sau, bác tiều già rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa đám bỏ chạy cả. Từ xa, nhìn thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác tiều.

1. Truyện Con hổ có nghĩa thuộc thể loại:
 - A. Truyện cổ tích dân gian Việt Nam.
 - B. Truyện Trung đại Việt Nam.
 - C. Truyện cười dân gian Việt Nam.
 - D. Truyện ngụ ngôn.
2. Trong truyện Con hổ có nghĩa, tại sao con hổ lại cống bà đỡ Trần đi?
 - A. Vì con hổ muốn ăn thịt bà đỡ Trần.
 - B. Vì con hổ muốn bà đỡ Trần vào rừng sâu sinh sống.
 - C. Vì có một người ở trong rừng cần sự giúp đỡ của bà đỡ Trần.
 - D. Vì con hổ muốn bà đỡ Trần đỡ đẻ giúp cho vợ nó.
3. Sau đó con hổ đã trả nghĩa bà đỡ Trần như thế nào?
 - A. Hổ đục đào lên từ gốc cây một thỏi bạc và tặng bà đỡ.
 - B. Hai vợ chồng hổ thường mang tặng bà đỡ một vài con nai.
 - C. Hổ đục dẫn bà đỡ ra khỏi rừng.
 - D. Hổ đục tặng bà đỡ một thùng vàng to.
4. Vật con hổ tặng đã giúp được gì cho bà đỡ?
 - A. Chữa khỏi bệnh cho con bà đỡ.
 - B. Giúp bà sắm một số vật dụng trong nhà.
 - C. Giúp bà cầm cự qua một năm mất mùa, đói kém.
 - D. Giúp bà làm nghề tốt hơn.
5. Truyện Con hổ có nghĩa là loại truyện:
 - A. Có thật.
 - B. Vừa có thật, vừa hư cấu.
 - C. Hư cấu.

D. Miêu tả.

6. Truyện Con hổ có nghĩa đã:

- A. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.
- B. Mượn chuyện con người để nói chuyện con người.
- C. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện loài vật.
- D. Mượn chuyện con người để nói chuyện loài vật.

7. Truyện Con hổ có nghĩa có mấy phần?

- A. Một phần.
- B. Hai phần.
- C. Ba phần.
- D. Bốn phần.

8. Ý nghĩa của truyện Con hổ có nghĩa là gì?

- A. Đề cao tính thông minh của loài vật.
- B. Đề cao tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.
- C. Đề cao ân nghĩa, trọng đạo làm người.
- D. Khuyến con người phải biết quý trọng và thương yêu loài vật.

9. Trong truyện, khi được bác tiều phu cứu sống, con hổ trắng đã tạ ơn bác bằng cách nào?

- A. Con hổ chỉ cho bác tiều phu những nơi nhiều củ.
- B. Hổ đem dê lợn đến để ngoài cửa nhà bác tiều.
- C. Con hổ tặng cho bác tiều phu một thỏi bạc trắng.
- D. Con hổ tặng cho bác tiều phu một con nai.

10. Truyện Con hổ có nghĩa khuyên chúng ta điều gì?

- A. Sống phải biết yêu thương và quan tâm lẫn nhau.

- B. Trong cuộc sống cần đề cao ân nghĩa, coi trọng đạo làm người.
- C. Biết quý trọng những ai đã có công sinh thành và nuôi dưỡng mình.
- D. Phải biết ơn thầy cô, cha mẹ, ông bà;

II. TỰ LUẬN

Thế nào là Truyện trung đại? Nội dung của truyện Con hổ có nghĩa.

Gợi ý trả lời:

Truyện trung đại:

Thời kì từ thế kỉ X cho đến cuối thế kỉ XIX trong lịch sử Việt Nam được xem là thời trung đại. Thời kì này văn xuôi chữ Hán ra đời với nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn, có cách viết không giống với các thể loại truyện hiện đại. Để phân biệt, người ta gọi là truyện trung đại. Đây là loại truyện vừa mang tính chất hư cấu (trường tượng nghệ thuật), vừa có truyện gần với kí (ghi chép sự việc), cũng có truyện mang tính chất lịch sử (ghi chép chuyện thật). Cốt truyện hầu hết còn đơn giản, nhân vật được khắc họa trực tiếp qua ngôn ngữ người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Trong chương trình Ngữ văn 6, chúng ta sẽ làm quen với hai truyện thuộc thể loại này là truyện Con hổ có nghĩa và Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng. Riêng truyện Mẹ hiền dạy con ra đời ở Trung Quốc cũng được xếp vào thể loại này vì có cách viết tương tự.

Nội dung truyện Con hổ có nghĩa.

Truyện con hổ có nghĩa gồm hai câu chuyện kể về hai tình huống khác nhau nhưng có chung một nội dung.

Chuyện thứ nhất kể về việc bà đỡ Trần giúp hổ cái hạ sinh một hổ con và được trả ơn bằng cục bạc. Nhờ cục bạc đó mà bà sống được qua một năm mất mùa, đói kém.

Chuyện thứ hai kể về bác tiều ở huyện Lạng Giang giúp con hổ lấy khúc xương trong miệng. Để tạ ơn, hổ biếu bác một con nai. Sau đó, hổ còn viếng khi bác tiều mất và đến ngày giỗ của bác, hổ còn mang dê và lợn đến cúng.

Cả hai chuyện đều sử dụng biện pháp nhân hóa, mượn câu chuyện của loài hổ để nói chuyện người nhằm đề cao ân nghĩa và tình người trong cuộc sống.

Bài 18. MẸ HIỀN DẠY CON

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Thầy Mạnh Tử, thuở nhỏ, nhà ở gần nghĩa địa, thấy người đào, chôn, lăn, khóc, về nhà cũng bắt chước đào, chôn, lăn, khóc. Bà mẹ thấy thế, nói: “Chỗ này không phải là chỗ con ta ở được”. Rồi, dọn nhà ra gần chợ.

Thầy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên đảo, về nhà cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Bà mẹ thấy thế, lại nói: “Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được”. Bèn dọn nhà đến cạnh trường học.

Thầy Mạnh Tử ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học tập lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng, nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được đây”.

Một hôm, thầy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ: “Người ta giết lợn làm gì thế?” - Bà mẹ nói đùa: “Để cho con ăn đấy”.

Nói xong, bà nghĩ lại, hối rằng: “Ta nói lỡ mồm rồi! Con ta thơ ấu, tri thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng hóa ra ta dạy nó nói dối hay sao?” Rồi bà đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật.

Lại một hôm, thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi, trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, mà nói rằng: “Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy”.

Từ hôm đó, thầy Mạnh Tử học tập rất chuyên cần. Rồi sau thành một bậc đại hiền. Thế chẳng là nhờ có cái công giáo dục quý báu của bà mẹ hay sao?

1. Truyện Mẹ hiền dạy con có xuất xứ từ nước nào?
 - A. Trung Quốc.
 - B. Triều Tiên.
 - C. Nhật Bản.
 - D. Mông cổ.
2. Người con trong truyện Mẹ hiền dạy con là ai?
 - A. Khổng Tử.
 - B. Mạnh Tử
 - C. Tuân Tử.
 - D. Lão Tử.
3. Trong truyện Mẹ hiền dạy con, người mẹ vì con đã làm điều
 - A. Mời những người thầy tốt nhất về dạy cho con.
 - B. Đưa con đến một trường nổi tiếng để học tập.
 - C. Dời nhà đến nơi có môi trường tốt để con học tập.
 - D. Lao động cật lực để con có tiền đi học.
4. Trong truyện Mẹ hiền dạy con, nơi nào được bà mẹ xem là tốt nhất để con học hành?
 - A. Những nơi có nhiều thầy đồ nổi tiếng.
 - B. Những nơi gần chợ.
 - C. Những nơi gần nghĩa địa.
 - D. Những nơi gần trường học.
5. Trong truyện, người mẹ đã dời nhà mấy lần?
 - A. Một lần.
 - B. Hai lần.

C. Ba lần.

D. Bốn lần.

6. Truyện Mẹ hiền dạy con để lại bài học gì?

A. Cần tạo cho con trẻ một môi trường học tập tốt.

B. Dạy con vừa có đạo đức vừa có chí học hành.

C. Thương con nhưng không nuông chiều con quá mức, ngược lại cần kiên quyết trong dạy dỗ.

D. Cả ba câu A, B và C.

7. Người mẹ trong truyện đã nêu ra một tấm gương về:

A. Tình thương con và cách dạy con.

B. Tình thương con và nuông chiều con hết mực.

C. Phương pháp giáo dục con cái.

D. Đạo lí làm người.

8. Trong truyện Mẹ hiền dạy con, người mẹ đã không chọn cách nào dưới đây để dạy con?

A. Chọn cho con một môi trường sống tốt.

B. Dạy cho con tính thật thà, không nói dối.

C. Tìm cho con một người thầy giỏi.

D. Dạy cho con tính chuyên cần và ý chí vươn lên trong học tập.

9. Người mẹ đã sử dụng biện pháp gì để dạy cho con tính chuyên cần?

A. Dời nhà đến gần một cái chợ.

B. Dời nhà đến gần một ngôi trường,

C. Mua thịt lợn về cho con ăn.

D. Cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung và lấy đó làm lời dạy con.

10. Câu tục ngữ nào dưới đây nói đúng về việc học của Mạnh Tử?

- A. Gân mực thì đen, gân đèn thì sáng.
- B. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.
- C. Không thầy đố mày làm nên.
- D. Học thầy không tày học bạn.

II. TỰ LUẬN

Trong truyện Mẹ hiền dạy con, những hành động của con đều dẫn tới những suy nghĩ và hành động của người mẹ. Hãy thống kê những hành động đó của mẹ và con.

Gợi ý trả lời:

Truyện Mẹ hiền dạy con kể lại năm sự việc chính trong quá trình mẹ dạy con. Năm sự việc đó là:

	Hành động của con	Suy nghĩ và hành động của mẹ
1	Bắt chước cảnh diễn ra ở nghĩa địa như đào, chôn, lăn, khóc.	“Chỗ này không phải chỗ con ta ở được”, nên chuyển nhà ra gần chợ.
2	Bắt chước cách nô nghịch, buôn bán điên đảo ở chợ.	“Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được”, nên chuyển nhà ra gần trường học.
3	Bắt chước học tập lễ phép, cấp sách vở ở trường học.	Khẳng định đây là chỗ ở thích hợp của con.
4	Hỏi mẹ: “Người ta giết lợn làm gì?”	Nói đùa: “Để cho con ăn”, sau đó hối hận vì đã dối con nên lập tức mua thịt lợn về cho con ăn để giữ lời.
5	Trốn học về nhà chơi	Cắt đứt tấm vải đang dệt và bảo: “Con đang học mà bỏ học thì cũng như ta dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy”.

Bài 19. THẦY THUỐC GIỎI CÓT NHẤT Ở TẮM LÒNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Cụ tổ bên ngoại của Trùng, người họ Phạm, húy là Bân, có nghề y gia truyền, giữ chức Thái y lệnh để phụng sự Trần Anh Vương.

Ngài thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp kẻ bệnh tật cơ khổ, ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Dẫu bệnh có dầm dề máu mủ, ngài cũng không hề né tránh. Bệnh nhân đến chữa tới khi khỏe mạnh rồi đi. Cứ như vậy, trên giường không lúc nào vắng người.

Bỗng liền năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, ngài lại dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Ngài được người đương thời trọng vọng.

Một lần, có người đến gõ cửa, mời gấp:

- Nhà có người đàn bà, bỗng nhiên nguy kịch, máu chảy như xối, mặt mày xanh lét.

Nghe vậy, ngài theo người đó đi ngay. Nhưng ra tới cửa thì gặp sứ giả do vương sai tới, bảo rằng:

- Trong cung có bậc quý nhân bị sốt, vương triệu đến khám.

Ngài nói:

- Bệnh đó không gấp. Nay mệnh sống của người nhà người này chỉ ở trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ.

Quan Trung sứ tức giận nói:

- Phận làm tôi, sao được như vậy? Ông định cứu tính mạng người ta mà không cứu tính mạng mình chăng?

Ngài đáp:

- Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.

Nói rồi, đi cứu người kia. Họ quả được cứu sống. Lát sau, ngài đến yết kiến, vương quở trách. Ngài bỏ mũ ra, tạ tội, bày tỏ lòng thành của mình. Vương mừng nói:

Người thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đồ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.

1. Truyện Thầy thuốc giỏi tốt nhất ở tấm lòng là của:

- A. Hồ Nguyên Trừng.
- B. Hồ Quý Ly.
- C. Trần Nhân Tông.
- D. Nguyễn Trãi.

2. Truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng được tác giả viết trong thời gian nào?

- A. Làm quan dưới triều Hồ.
- B. Tham gia kháng chiến chống quân Minh.
- C. Trên đường bị giặc bắt về Trung Quốc.
- D. Khi làm quan dưới triều Minh.

3. Truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng được trích từ tác phẩm:

- A. Nam Ông mộng lục.
- B. Bình Ngô đại cáo.
- C. Sông núi nước Nam.
- D. Bạch Đằng giang phú.

4. Truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng là:

- A. Truyện hư cấu.

- B. Truyện ghi chép việc thực.
- C. Truyện ngụ ngôn.
- D. Truyện cười.

5. Trong truyện, hành động nào của viên Thái y lệnh chứng tỏ ông rất thương dân nghèo?

- A. Ông đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ lúa gạo.
- B. Gặp người bệnh tật cơ khổ, ông cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa bệnh miễn phí.
- C. Những năm dịch bệnh nổi lên, ông dựng thêm nhà cho những người bệnh đến ở.
- D. Cả ba câu A, B và C.

6. Nhân vật chính trong truyện bộc lộ tính cách qua tình huống nào?

- A. Khi bỗng liền năm đói kém, dịch bệnh nổi lên.
- B. Khi có một người đàn bà mắc bệnh nguy kịch.
- C. Khi trong cung có bậc cung nhân bị sốt.
- D. Khi phải lựa chọn giữa một bên là dân thường với một bên là quý nhân để chữa bệnh.

7. Trong truyện, Thái y lệnh đã căn cứ vào đâu để chọn ai chữa bệnh trước?

- A. Chức vụ và quyền hạn của người bệnh.
- B. Độ tuổi của người bệnh.
- c. Mức độ nặng nhẹ trong bệnh của người bệnh.
- D. Sự giàu có của người bệnh, ai giàu hơn chữa trước.

8. Việc viên Thái y lệnh chọn chữa bệnh trước cho dân thường mà không chữa bệnh cho quý nhân đã chứng tỏ điều gì?

- A. Quyền uy không làm cho ông khiếp sợ.
- B. Ý thức rằng thầy thuốc là phải quyết tâm cứu sống người bệnh.
- C. Ông không sợ mang vạ vào thân và coi thường danh vọng.
- D. Cả ba câu A, B và C.

9. Truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng ca ngợi điều gì?

- A. Tài năng chữa bệnh của viên Thái y lệnh.
- B. Con cháu của viên Thái y lệnh.
- C. Phẩm chất cao quý của viên Thái y lệnh.
- D. Sự anh minh của vị vua khi tha cho viên Thái y lệnh.

10. Phẩm chất cao quý của viên Thái y lệnh thể hiện ở điểm nào?

- A. Không chỉ có tài chữa bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương người và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy.
- B. Không những có tài chữa bệnh mà còn rất giàu có bởi ông dám bỏ tiền ra mua thuốc chữa bệnh cho người nghèo.
- C. Không sợ quyền uy khi không chữa bệnh trước cho bậc quý nhân ở trong cung.
- D. Dám bỏ mũ ra, tạ tội, bày tỏ lòng thành của mình trước chúa thượng.

II. TỰ LUẬN

Về tác phẩm Nam Ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng.

BÀI THAM KHẢO

Nam Ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng giữ vị trí hết sức đặc biệt trong văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại. Cái đặc sắc của tác phẩm thể hiện trên hai bình diện: hoàn cảnh ra đời và tính chất thể loại của nó.

Về hoàn cảnh ra đời, Nam Ông mộng lục được sáng tác bởi một người Việt Nam bị giặc Minh bắt làm tù binh trong cuộc chiến tranh xâm lược đầu thế kỉ XV, phải sống

lưu vong ở nước ngoài. Như vậy, xét trên phương diện này, có thể coi Nam Ông mộng lục là tác phẩm văn xuôi tự sự hải ngoại đầu tiên của Việt Nam.

Về tính chất thể loại, Nam Ông mộng lục mang ý nghĩa như một tác phẩm bản lề với cánh bên này khép lại văn xuôi tự sự thế kỉ X-XIV và cánh bên kia mở ra phương thức sáng tác mới cho văn xuôi tự sự thế kỉ XV-XIX.

Ở Trung Hoa, người ta cũng hết sức coi trọng Nam Ông mộng lục. Tác phẩm này có mặt trong hầu hết các tùng thư lớn của họ, như Kỉ lục vụng biên, Thuyết phu tục, Ngũ triều tiểu thuyết, Ngũ triều tiểu thuyết đại quan, Hàn phân lâu bí kíp, Tập thành sơ biên, Việt Nam Hán văn tiểu thuyết... Đó là chưa kể đến các bản chép tay đang lưu truyền ở Trung Hoa mà một trong những văn bản ấy đã được Hàn phân lâu sưu tầm và xuất bản. Nếu kể từ bản in đầu tiên năm 1442 đến bản in mới nhất năm 1986 thì Nam Ông mộng lục đã hiện diện chính thức trong thư tịch Trung Hoa với 545 năm. Riêng ngót 80 năm lại đây, Nam Ông mộng lục được người Trung Hoa in ra ít nhất sáu lần vào các năm 1920, 1926, 1935, 1938, 1985, 1986. Điều đó đủ nói lên tầm quan trọng của tác phẩm đối với đời sống văn học không chỉ riêng ở Việt Nam mà còn cả ở Trung Hoa.

*(Theo Nguyễn Đăng Na, Lời giới thiệu Nam Ông mộng lục,
NXB Văn học)*

KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (thể loại).

A (tên tác phẩm)	B (thể loại)
Thánh Gióng, Sọ Dừa	Cổ tích
Lợn cưới, áo mới	Truyện thuyết
Con hổ có nghĩa	Truyện ngụ ngôn
Ếch ngồi đáy giếng	Truyện cười

--	--

2. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên nhân vật).

A (tên tác phẩm)	B (tên nhân vật)
Bánh chưng, bánh giầy	Lạc Long Quân
Con Rồng, cháu Tiên	Mã Lương
Cây bút thần	Mạnh Tử
Mẹ hiền dạy con	Bà đỡ Trần
Con hổ có nghĩa	Lang Liêu

3. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (nội dung phê phán).

A (tên tác phẩm)	B (nội dung phê phán)
Lợn cưới, áo mới	Tính hẹp hòi, ích kỉ, đố kị.
Ếch ngồi đáy giếng	Tính khoe khoang.
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Tính chủ quan, kiêu ngạo.
Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Tính tham lam, sự bội bạc.

4. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (nội dung khuyên nhủ).

A (Tên tác phẩm)	B (nội dung khuyên nhủ)
Lợn cưới, áo mới	Luôn mở rộng tầm hiểu biết, không nên chủ quan, kiêu ngạo.
Ếch ngồi đáy giếng	Cần phải có chủ kiến, lập trường khi làm bất cứ việc gì.
Treo biển	Muốn hiểu biết sự vật, sự việc thì phải xem xét chúng một cách toàn diện.

Thầy bói xem voi	Khi làm bất cứ điều gì cần phải tính đến điều kiện và khả năng thực hiện
Đeo nhạc cho mèo	Không nên có tính khoe khoang, khuếch trương bản thân.

5. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (nơi xuất xứ).

A (tên tác phẩm)	B (nơi xuất xứ)
Đeo nhạc cho mèo	Việt Nam
Mẹ hiền dạy con	Nga
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Trung Quốc
Thánh Gióng	Hi Lạp

6. Nội dung chính của truyện Con Rồng, cháu Tiên là gì?

- A. Giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.
- B. Giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, mong ước của người Việt cổ trong việc chế ngự thiên nhiên, đồng thời ca ngợi công lao của các vua Hùng.
- C. Ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- D. Đề cao nghề nông, thể hiện sự thờ kính Trời, Đất, tổ tiên của nhân dân ta.

7. Tác phẩm nào dưới đây là truyện cổ tích có tác giả?

- A. Sọ Dừa.
- B. Ông lão đánh cá và con cá vàng.
- C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Tay, Chân, Tai, Mắt, Miệng.

8. Tác phẩm nào dưới đây Ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm?

A. Thánh Gióng.

B. Thạch Sanh.

C. Sự tích Hồ Gươm.

D. Con Rồng, cháu Tiên.

9. Câu nào dưới đây nói đúng về thể loại truyện ngụ ngôn?

A. Là loại truyện kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, mang nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật được kể.

B. Là loại truyện ra đời trong thời trung đại ở Việt Nam, là thể loại văn xuôi chữ Hán, có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn.

C. Là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

D. Là loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người những bài học trong cuộc sống.

10. Truyện nào dưới đây không thuộc thể loại truyện trung đại?

A. Ông lão đánh cá và con cá vàng.

B. Con hổ có nghĩa.

C. Mẹ hiền dạy con.

D. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

11. Đặc điểm nổi bật nhất trong các truyện thuyết là gì?

- A. Kể về các nhân vật và các sự kiện có liên quan đến quá khứ.
- B. Mang nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo.
- C. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và các nhân vật.
- D. Có tính chất phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

12. Dạng nhân vật nào dưới đây không xuất hiện trong các truyện cổ tích?

- A. Nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ.
- B. Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch.
- C. Những nhân vật lịch sử gắn liền với các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc.
- D. Những nhân vật bất hạnh.

13. Truyện nào dưới đây đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian, qua đó tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên trong đời sống hằng ngày?

- A. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.
- B. Ông lão đánh cá và con cá vàng,
- C. Con hổ có nghĩa.
- D. Em bé thông minh.

14. Thành ngữ Được voi đòi tiên có thể dùng để nói về nhân vật nào trong số những nhân vật đã học?

- A. Lí Thông trong truyện Thạch Sanh.
- B. Mụ vợ trong truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng,
- C. Vị vua trong truyện Cây bút thần.
- D. Hai cô chị trong truyện Sọ Dừa.

15. Thành ngữẾch ngồi đáy giếng dùng để chỉ điều gì?

- A. Những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang, chủ quan, kiêu ngạo, không lượng sức của bản thân.
- B. Những người học rộng, hiểu sâu nhưng không chịu trau dồi bản thân.
- C. Những kẻ suốt ngày không bước chân ra khỏi nhà.
- D. Những kẻ hiểu biết sâu rộng nhưng không dám thể hiện bản thân.

16. Truyện nào dưới đây khuyên con người Khi làm bất cứ việc gì cần phải cân nhắc đến điều kiện và khả năng thực hiện?

- A. Thầy bói xem voi.
- B. Treo biển.
- C. Đeo nhạc cho mèo.
- D. Lợn cưới, áo mới.

17. Phẩm chất cao quý của viên Thái y lệnh trong truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng thể hiện ở điểm nào?

- A. Không những có tài chữa bệnh mà còn rất giàu có bởi ông dám bỏ tiền ra mua thuốc chữa bệnh cho người nghèo.
- B. Không sợ quyền uy khi không chữa bệnh trước cho bậc quý nhân ở trong cung.
- C. Dám bỏ mũ ra, tạ tội, bày tỏ lòng thành của mình trước chúa thượng.
- D. Không chỉ có tài chữa bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương người và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy.

18. Trong truyện Thánh Gióng, sau khi Gióng bay về trời, để tưởng nhớ công ơn, nhà vua đã làm gì?

- A. Phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.
- B. Phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ trên đỉnh núi Sóc.
- C. Phong là Bố Cái Đại vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.

D. Phong là Bồ Cái Đại vương và lập đền thờ trên đỉnh núi Sóc.

19. Truyện cổ tích thường thể hiện điều gì của người dân?

A. Mong muốn có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, gia đình hạnh phúc và con cháu bình an.

B. Ước nguyện và niềm tin về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, và công bằng xã hội.

C. Mong muốn xây dựng một người lí tưởng có thể đại diện đầy đủ cho các tính cách tốt đẹp của người dân.

D. Phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội, qua đó khuyên nhủ con người sống tốt đẹp hơn.

20. Truyện nào dưới đây không nhắc đến chi tiết giấc ngoại xâm?

A. Thạch Sanh.

B. Bánh chưng, bánh giầy.

C. Sơn Tinh, Thủy Tinh.

D. Thánh Gióng.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

1. Tóm tắt truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy (3 điểm).

2. Thế nào là truyện cổ tích? Nêu nội dung truyện cổ tích Sọ Dừa (3 điểm).

Bài 20. BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hồi lắm! Tôi hồi hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội nông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu thế này:

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

1. Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên là của tác giả nào?

- A. Tô Hoài.
- B. Thạch Lam.
- C. Nguyễn Tuân.
- D. Võ Quảng.

2. Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được trích từ tác phẩm nào?

- A. Đất rừng phương Nam.
- B. Dế Mèn phiêu lưu kí.
- C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.
- D. Những năm tháng cuộc đời.

3. Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

- A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.
- B. Dế Mèn và chị Cốc.
- C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

4. Câu nào dưới đây không nói về tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí?

A. Đây là tác phẩm đặc sắc và nổi bật nhất của của Tô Hoài viết về loài vật.

B. Tác phẩm gồm có 10 chương, kể về những chuyến phiêu lưu đầy thú vị của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé.

C. Tác phẩm được in lần đầu tiên năm 1941.

D. Tác phẩm viết dành tặng cho các bậc cha mẹ.

5. Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

6. Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

7. Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

8. Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

- A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.
- B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.
- C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.
- D. Cần đối xử với mọi người thân thiện, hòa nhã, tránh thái độ xem thường người khác.

9. Trước khi chết, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn những gì?

- A. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.
- B. Ở đời không nên xem thường người khác, cần tôn trọng người khác như chính bản thân mình.
- C. Cần phải báo thù cho Choắt.
- D. Không nên trêu ghẹo người khác.

10. Giá trị nghệ thuật của đoạn trích trên thể hiện ở điểm nào?

- A. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động.
- B. Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn.
- C. Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.
- D. Cả ba câu A, B và C.

II. TỰ LUẬN

Vài nét về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí.

Gợi ý trả lời:

Tô Hoài sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920 tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội; tên khai sinh là Nguyễn Sen.

Tô Hoài tham gia cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám (1945). Tổ chức mà ông tham gia là Hội ái hữu công nhân, Hội Văn hóa cứu quốc. Từ năm 1945 đến năm 1958, Tô Hoài làm phóng viên rồi làm chủ nhiệm báo Cứu quốc Việt Bắc. Trong thời gian đó, từ năm 1957 đến năm 1958, ông làm Tổng Thư kí Hội nhà văn Việt Nam. Từ năm 1958 là Phó Tổng Thư kí Hội nhà văn Việt Nam. Từ năm 1986, Chủ tịch hội Văn nghệ Hà Nội.

Trong suốt cuộc đời sáng tác của mình, Tô Hoài đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ với hơn 150 tác phẩm khác nhau. Trong đó có nhiều tác phẩm nổi bật như truyện dài Dế Mèn phiêu lưu kí (1941), tiểu thuyết Quê người (1943), tiểu thuyết Truyện Tây Bắc (1954), tiểu thuyết Miền Tây (1960), hồi kí Tự truyện (1965), tiểu thuyết Quê nhà (1970), hồi kí Cát bụi chân ai (1975), Tuyển tập Tô Hoài (3 tập, 1993) Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài (3 tập, 1994), Tuyển tập viết cho thiếu nhi (2 tập, 1994)...

Với sự cống hiến của mình, Tô Hoài đã được tặng nhiều giải thưởng khác nhau. Giải Nhất tiểu thuyết của Hội văn nghệ Việt Nam vào năm 1956 với tiểu thuyết Truyện Tây Bắc, giải A Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội vào năm 1970 với tiểu thuyết Quê nhà, Giải thưởng Hội Nhà văn Á Phi năm 1970 với tiểu thuyết Miền Tây, Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

Tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1941, là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Tác phẩm gồm 10 chương kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé. Dế Mèn vốn quen sống tự lập từ thuở bé, khi trưởng thành, chán cảnh sống quanh quẩn bên bờ ruộng, Dế Mèn lên đường phiêu lưu để mở rộng hiểu biết và tìm ý nghĩa cho cuộc sống của mình. Dế Mèn đã đi qua nhiều nơi, gặp gỡ nhiều loài, thấy nhiều cảnh sống và cũng nhiều phen gặp gian nan, nguy hiểm, nhưng Dế Mèn không nản chí lùi bước. Dế Mèn là hình ảnh đẹp của tuổi trẻ, ham hiểu biết, trọng lẽ phải, khao khát lí tưởng và quyết tâm hành động cho những mục đích cao đẹp.

Bài 21. SÔNG NƯỚC CÀ MAU

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập. Vẫn là cái quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận biển thuộc tỉnh Bạc Liêu, với những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch vắn minh hai tầng, những đồng gỗ cao như núi chất dựa vào bờ, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn dập dềnh trên sóng... Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một trấn “anh chị rừng xanh” đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông; những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng- sông chiếu rục trên mặt nước như những khu phố nổi, và nơi đây người ta có thể cập thuyền lại, bước sang gọi một món xào, món nấu Trung Quốc hoặc một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút rượu, ngoài ra còn có thể mua từ cây kim cuộn chỉ, những vật dụng cần thiết, đến bộ quần áo may sẵn hay một món nữ trang đắt giá chẳng hạn, mà không cần phải bước ra khỏi thuyền. Những người con gái Hoa kiều bán hàng xởi lởi, những người Chà Châu Giang bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói lúi lỏ, đủ kiểu ăn vận sắc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.

1. Đoạn trích Sông nước Cà Mau là của tác giả nào?

- A. Đoàn Giỏi.
- B. Nguyễn Tuân.
- C. Sơn Nam.
- D. Tô Hoài.

2. Đoạn trích Sông nước Cà Mau được trích trong tác phẩm nào?

- A. Hương rừng Cà Mau.

- B. Đất rừng phương Nam.
 - C. Bến Nghé xưa.
 - D. Đất phương Nam.
3. Nội dung chính trong các tác phẩm của nhà văn Đoàn Giỏi là gì?
- A. Tình yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam.
 - B. Cuộc kháng chiến của nhân dân chống thực dân Pháp,
 - C. Cuộc sống, thiên nhiên và con người Nam Bộ.
 - D. Những nét đẹp văn hóa của vùng đất Cà Mau.
4. Câu nào dưới đây không nói về tác phẩm Đất rừng phương Nam?
- A. Là truyện dài nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi, được viết năm 1957.
 - B. Nhân vật chính trong truyện là cậu bé An.
 - C. Truyện miêu tả cảnh thiên nhiên hoang dã mà rất phong phú, độc đáo và cuộc sống của con người ở vùng đất cực Nam Tổ quốc.
 - D. Truyện nêu lên những khó khăn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của người dân vùng đất Cà Mau.
5. Tác giả đã miêu tả địa danh nào trong đoạn trích trên?
- A. Chợ Năm Căn.
 - B. Chợ Cà Mau.
 - C. Rừng U Minh.
 - D. Chợ Bạc Liêu.
6. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong đoạn trích trên?
- A. So sánh.
 - B. Miêu tả thực.
 - C. Nhân hóa.

D. Hoán dụ.

7. Người dân vùng đất Cà Mau thường dựa vào đâu để đặt tên cho các con sông, con rạch?

- A. Căn cứ vào thời gian xuất hiện của con sông, con rạch đó.
- B. Căn cứ vào vùng đất mà con sông, con rạch đó chảy qua.
- C. Căn cứ vào đặc điểm riêng biệt của từng vùng đất, từng con sông, con rạch.
- D. Căn cứ vào tên người phát hiện ra con sông, con rạch đó.

8. Quang cảnh chợ Năm Căn được tác giả miêu tả như thế nào trong đoạn trích?

- A. Chỉ đông đúc vào những giờ nhất định.
- B. Không tạo cho con người cảm giác về một buổi chợ.
- C. Ôn ào, đông vui, tấp nập và bán đầy đủ các vật dụng cần thiết.
- D. Vắng lặng, buồn tẻ, ít kẻ mua người bán.

9. Đoạn trích đã cho thấy cảnh sông nước Cà Mau như thế nào?

- A. Một vùng đất nhỏ hẹp, thiên nhiên và con người đều thiếu sức sống.
- B. Một vùng đất thơ mộng và quyến rũ.
- C. Hết sức hiện đại cả về thiên nhiên lẫn con người.
- D. Có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã.

10. Trong đoạn trích, tác giả cho rằng Năm Căn có sự bề thế của:

- A. Trán “anh chị rừng xanh”.
- B. Những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa.
- C. Những ngôi nhà gạch vắn minh hai tầng.
- D. Những đồng gỗ cao như núi chất dựa vào bờ.

II. TỰ LUẬN

Vài nét về nhà văn Đoàn Giỏi và tác phẩm Đất rừng phương Nam.

Gợi ý trả lời:

Đoàn Giỏi sinh năm 1925, mất năm 1989. Ông sinh ra ở Tiền Giang, viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp. Đoàn Giỏi là tên thật của ông, ngoài ra ông còn có nhiều bút danh khác như Nguyễn Hoài, Phạm Phú Lễ, Huyền Tư.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Đoàn Giỏi công tác trong ngành an ninh, sau đó ông chuyển qua công tác thông tin, văn nghệ. Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1955, ông chuyển sang làm công tác sáng tác và biên tập sách báo. Đoàn Giỏi là ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa I, II và III. Tác phẩm của Đoàn Giỏi thường viết về cuộc sống, thiên nhiên và con người Nam Bộ.

Đoàn Giỏi viết rất nhiều tác phẩm có giá trị. Những tác phẩm đã xuất bản của ông có thể kể đến như kịch thơ Người Nam thà chết không hàng (1947), kí Khí hùng đất nước (1948), kí Những dòng chữ máu Nam Kỳ 1940 (1948), truyện Đường về gia hương (1948), kịch thơ Chiến sĩ Tháp Mười (1949), thơ Giữ vững niềm tin (1954), truyện kí Trần Văn Ôn (1955), truyện Cá bóng mú (1956), truyện kí Ngọn tầm vông (1956), truyện Đất rừng phương Nam (1957), truyện ngắn Hoa hướng dương (1960), truyện Truy tìm kho vũ khí (1962), biên khảo Những chuyện lạ về cá (1981), biên khảo Tê giác giữa ngàn xanh (1982)...

Truyện Đất rừng phương Nam kể về quãng đời lưu lạc của chú bé An, cũng là nhân vật chính trong truyện, tại vùng U Minh của miền Tây Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Qua hình ảnh lưu lạc của chú bé, tác giả đưa người đọc đến với những cảnh thiên nhiên hoang dã, phì nhiêu; những con người mộc mạc, chân chất, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc ở vùng đất Cà Mau. Qua tác phẩm, tác giả mang đến cho người đọc những hiểu biết phong phú và tình yêu đối với thiên nhiên, con người ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc.

Bài 22. BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Rồi cả nhà - trừ tôi - vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”.

Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hỏi hộp thì thầm vào tai tôi:

- Con có nhận ra con không?

Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

- Con đã nhận ra ai chưa? - Mẹ tôi vẫn hỏi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.

1. Đoạn trích Bức tranh của em gái tôi là của tác giả nào?

A. Đoàn Giỏi.

- B. Tạ Duy Anh.
- C. Đào Duy Anh.
- D. Nguyễn Tuân.

2. Bức tranh của em gái tôi thuộc thể loại nào?

- A. Truyện dài.
- B. Tiểu thuyết.
- C. Truyện ngắn.
- D. Hồi kí.

3. Câu nào dưới đây nói về truyện Bức tranh của em gái tôi?

- A. Là truyện đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Thiếu niên Tiền phong.
- B. Là truyện đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Khăn quàng đỏ.
- C. Là truyện đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Nhi đồng.
- D. Là truyện đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Hoa học trò.

4. Nhân vật chính trong truyện Bức tranh của em gái tôi là ai?

- A. Người anh trai.
- B. Người mẹ.
- C. Chú Tiến Lê.
- D. Bé Kiều Phương.

5. Nhân vật chính trong truyện có tài gì?

- A. Hội họa.

- B. Diễn xuất.
- C. Chơi nhạc.
- D. Ca hát.

6. Câu chuyện được kể lại theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ tư.

7. Kiều Phương trong đoạn trích là người như thế nào?

- A. Có tính ích kỉ, thường xuyên ganh đua với người anh.
- B. Có tính siêng năng, chăm chỉ, thường xuyên giúp đỡ bố mẹ.
- C. Có tình cảm hồn nhiên, trong sáng và lòng nhân hậu.
- D. Lười biếng, suốt ngày chỉ biết chơi bời lêu lổng.

8. Nội dung Kiều Phương thể hiện trong bức tranh tham gia trại thi vẽ quốc tế là gì?

- A. Cha mẹ và những người thân trong gia đình.
- B. Góc học tập của em.
- C. Ngôi trường mà em đang theo học.
- D. Người anh trai.

9. Thái độ của người anh trai thế nào khi nhận ra nội dung trong bức tranh của em gái?

- A. Từ ngỡ ngàng rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ.
- B. Cảm thấy hãnh diện và tự hào vì có một người em gái tài giỏi.
- C. Cảm thấy buồn vì mình thua em gái.

D. Lòng tức giận lại dâng trào vì thành tích của em gái.

10. Người anh trai đã gọi những gì trong bức tranh là:

- A. Tài năng của người em gái.
- B. Tâm hồn và lòng nhân hậu của em gái.
- C. Những gì đẹp nhất trên đời này.
- D. Chính bản thân người anh trai.

II. TỰ LUẬN

Hãy phân tích diễn biến tâm trạng của người anh trong truyện Bức tranh của em gái tôi.

Gợi ý trả lời:

Trong truyện Bức tranh của em gái tôi của tác giả Tạ Duy Anh, tâm trạng của người anh diễn biến theo từng hành động của người em gái có biệt danh là Mèo.

Khi thấy em gái tự chế màu vẽ, người anh tỏ ý xem thường và đặt cho em gái biệt danh là Mèo. Người anh có tâm trạng không vui khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện. Mọi người ai cũng xúc động, mừng rỡ và ngạc nhiên thì em cảm thấy buồn hơn và cảm nhận được sự thua kém của mình khi không ai thèm để ý đến mình. Từ đó, em cảm thấy không thể nào chơi thân với em gái được nữa bởi em vốn coi thường em gái, cho em gái là đồ nghịch bĩnh; nay bỗng dưng em lại thua kém em gái, đó là điều mà em cảm thấy khó chấp nhận nhất. Sự mặc cảm, tự ái trong người anh diễn ra là rất tự nhiên, rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi như các em.

Khi nhận ra nhân vật chính trong bức tranh đoạt giải của em gái là mình, người anh ban đầu là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện và sau đó là xấu hổ. Em ngỡ ngàng vì không nghĩ rằng trong con mắt em gái, hình ảnh của mình lại toàn mỹ đến thế; sau những gì mình đối xử với em gái, em gái vẫn có cái nhìn hết sức hoàn hảo về mình. Từ sự ngỡ ngàng đó, người anh chuyển sang hãnh diện. Hãnh diện không chỉ vì tài năng của em, vì sự hoàn hảo của mình trong bức tranh, mà còn chính là tâm hồn cao thượng và lòng vị tha của em gái. Cùng với dòng chữ đề Anh trai tôi là hình ảnh một chú bé đang ngồi nhìn ra

ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng kì lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ là sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Đó là một người anh trong những suy nghĩ và có cả sự tưởng tượng của người em gái. Chính lòng vị tha và lòng mong ước của em gái đã làm cho người anh chuyển từ hãnh diện sang xấu hổ. Dưới con mắt của em gái, người anh thật hoàn hảo, nhưng trong thực tế người anh chưa làm được những gì xứng đáng với suy nghĩ của người em, ngay trong cách đối xử và những suy nghĩ của em về em gái cũng không được như vậy. Người anh đã nhận ra những khuyết điểm của mình qua nội dung mà em gái diễn tả trong bức tranh.

Như vậy có thể thấy, tâm trạng của người anh diễn biến hết sức phức tạp thông qua những hành động cụ thể của em gái. Đó là nét độc đáo trong việc thể hiện tính cách nhân vật của tác giả.

Bài 23. VƯỢT THÁC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ truyện dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Gió nồm vừa thổi, dượng Hương nhỏ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhó núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.

Thình thoảng chúng tôi gặp những thuyền chắt đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.

Đến Phường Rạnh, dượng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liền tay không phút hở. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt

sắc đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Dượng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng “soạc”! Thép đã cắm vào sỏi! Dượng Hương ghi chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dượng Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.

Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lặn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

Đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.

Chú Hai vớt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

1. Văn bản Vượt thác là của tác giả nào?

- A. Thạch Lam.
- B. Võ Quảng.
- C. Thu Bồn.
- D. Sơn Nam.

2. Văn bản Vượt thác được trích từ tác phẩm nào?

- A. Tảng sáng.
- B. Trời mỗi ngày lại sáng.
- C. Hoàng hôn màu lửa.
- D. Quê nội.

3. Câu nào dưới đây không nói về tác phẩm Quê nội?

- A. Đây là truyện viết dành riêng cho những người lính cách mạng trong thời kháng chiến chống Mỹ.
- B. Được viết năm 1974, cùng với Tảng sáng là hai tác phẩm thành công nhất của tác giả.
- C. Nội dung chính của truyện là viết về cuộc sống ở một làng quê ven sông Thu Bồn tỉnh Quảng Nam vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945 và những năm đầu kháng chiến chống Pháp.
- D. Nhân vật chính của truyện là hai em thiếu niên Cúc và Cù Lao.

4. Trong đoạn trích trên, tác giả đề cập đến một loại gió nổi bật của vùng đất miền Trung. Đó là loại gió nào?

- A. Gió Tây Nam.
- B. Gió Đông Bắc.
- C. Gió nồm.
- D. Gió biển.

5. Hình ảnh dượng Hương Thư khi vượt thác được tác giả miêu tả như thế nào?

- A. Nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.
- B. Thân hình như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa.
- C. Thân hình gầy gò giống như một người lâu ngày không được tắm rửa, nhưng trái lại có một sức khỏe phi thường.
- D. Tính khí hung hăng, khiến mọi người ai ai cũng phải khiếp sợ.

6. Hình ảnh dượng Hương Thư khi vượt thác được tác giả ví với điều gì?

- A. Một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.
- B. Những cụ già vùng tay hô đám con cháu tiến về phía trước,

C. Những nhân vật trong truyện cổ tích.

D. Một chiến binh quả cảm.

7. Những chi tiết tác giả khắc họa trong đoạn trích cho thấy vượt thác là công việc như thế nào?

A. Vô cùng đơn giản và tầm thường như những công việc khác.

B. Vô cùng khó khăn, nguy hiểm, không phải bất cứ ai cũng làm được.

C. Rất hấp dẫn và lôi cuốn mọi người.

D. Công việc khó khăn mà từ trước đến giờ chưa ai từng làm.

8. Tác giả đã lấy vị trí nào làm điểm nhìn để miêu tả cảnh vượt thác?

A. Từ trên núi cao nhìn xuống.

B. Từ đầu dòng sông nhìn về hướng con thuyền vượt thác,

C. Từ hai bờ sông nhìn ra con thuyền.

D. Từ trên con thuyền dõi theo hành trình vượt thác.

9. Đoạn trích trên làm nổi bật điều gì?

A. Sự hùng vĩ của những dòng thác trên sông Thu Bồn.

B. Vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.

C. Sức khỏe phi thường và tài năng vượt thác tuyệt vời của dương Hương Thư.

D. Những vất vả của người dân đất Quảng và lòng yêu nước nồng nàn của họ.

10. Trong đoạn trích, khung cảnh thiên nhiên được miêu tả như thế nào khi thuyền sắp vượt thác?

A. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt.

B. Chung quanh là một vùng trời cao rộng, trước mặt là dòng sông bao la không một chút sóng.

C. Hai bên bờ sông, nhà cửa mọc san sát, thuyền bè ra vào buôn bán tấp nập.

D. Thỉnh thoảng có những thuyền chài đầy cau tươi, đầy mây, dàu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm.

II. TỰ LUẬN

Trình bày những nét tiêu biểu về nhà văn Võ Quảng và tác phẩm Quê nội.

Gợi ý trả lời:

Võ Quảng sinh năm 1920 tại Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ông là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi và từng là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Võ Quảng tham gia cách mạng lúc mới mười lăm tuổi, khi chính thức gia nhập tổ chức Thanh niên Dân chủ ở Huế. Năm 1939, ông làm tổ trưởng tổ Thanh niên Phản đế ở Huế. Tháng 9 năm 1941, Võ Quảng bị bắt giam ở nhà giam Thừa Phủ (nơi nhà thơ Tố Hữu cũng bị giam). Một thời gian sau, ông bị đưa đi quản thúc vô thời hạn tại xã Đại Hòa. Trong thời gian Cách mạng tháng Tám bùng nổ, ông làm ủy viên Tư pháp thành phố Đà Nẵng, sau đó làm Phó Chủ tịch Ban Kháng chiến thành phố Đà Nẵng. Năm 1947, ông làm Hội thẩm Chính trị, tương đương với Phó Chánh án, Tòa án Quân sự miền Nam Việt Nam. Từ năm 1948 đến năm 1955, làm ủy viên Ban Thiếu niên Nhi đồng Trung ương. Trong thời gian này ông còn phụ trách Nhà xuất bản Kim Đồng và xưởng phim hoạt hình. Năm 1971, Võ Quảng chuyển về công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam, phụ trách phần văn học thiếu nhi.

Võ Quảng viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi. Các tác phẩm đã xuất bản của ông có thể kể ra như thơ Gà mái hoa (1957), truyện Cái thặng (1961), thơ Thấy cái hoa nở (1962), truyện Chỗ cây đa làng (1964), thơ Nắng sớm (1965), truyện Cái mai (1967), thơ Anh đom đóm (1970), truyện Những chiếc áo ấm (1970), thơ Măng tre (1972), truyện Quê nội (1973), truyện Bài học tốt (1975), truyện Tặng sáng (1978), thơ Quả đỏ (1980), truyện Vượn hú (1993), thơ Ánh nắng sớm (1993), truyện Kinh tuyến, vĩ tuyến (1995),

Tuyển tập Võ Quảng (1998), kịch bản phim hoạt hình Sơn Tinh Thủy Tinh, Con 2, Những chiếc áo ấm.

Tác phẩm Quê nội cùng với Tảng sáng là hai truyện thành công nhất của Võ Quảng. Truyện viết về cuộc sống ở một làng quê ven sông Thu Bồn thuộc làng Hòa Phước, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hai nhân vật chính trong truyện là Cục và Cù Lao.

Bài 24. BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Chốc chốc, ngược mắt khỏi trang giấy, tôi thấy thầy Ha-men đứng lặng im trên bục và đắm đắm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy... Bạn nghĩ mà xem! Từ bốn mươi năm nay, thầy vẫn ngồi ở chỗ ấy, với khoảng sân trước mặt và lớp học y nguyên không thay đổi. Có chăng những chiếc ghế dài, những bàn học dùng nhiều đã nhẵn bóng, những cây hồ đào ngoài sân đã lớn, và cây hu-blông tự tay thầy trồng giờ đây quần quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà. Con người tội nghiệp hẳn phải nát lòng biết mấy khi già từ tất cả những vật ấy, khi nghe thấy tiếng người em gái đi đi lại, đóng hòm xiềng, ở gian phòng bên trên, vì ngày mai họ phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi.

Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm dạy chúng tôi cho đến hết buổi. Sau tiết viết tập đến bài Lịch sử, rồi những trò nhỏ cất tiếng đọc đồng thanh như hát Ba Be Bi Bo Bu. Đằng kia, cuối phòng học, cụ Hô-de đã đeo kính lên, và nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, cụ đánh vần từng chữ theo bọn trẻ. Cả cụ cũng chăm chú, giọng run run vì xúc động; nghe cụ đọc thật kì cục, đến nỗi tất cả chúng tôi muốn cười và cũng muốn khóc... Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này! [...]

1. Đoạn trích Buổi học cuối cùng là của tác giả nào dưới đây?

A. Vich-to Huy-gô.

B. An-đéc-xen.

C. H. Ban-zắc.

D. An-phông-xơ Đô-đê.

2. Truyện Buổi học cuối cùng viết về buổi học diễn ra ở nước nào?

A. Pháp.

B. Nga.

C. Đức.

D. Anh.

3. Truyện Buổi học cuối cùng được viết dựa trên bối cảnh nào?

A. Truyện lấy bối cảnh buổi học cuối cùng diễn ra trên đất Phổ, sau đó vùng đất này được trả lại cho Pháp.

B. Truyện lấy bối cảnh buổi học cuối cùng diễn ra trên vùng đất An-đát, sau đó vùng đất này phải giao lại cho Phổ vì Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.

C. Buổi học diễn ra trước cuộc chiến tranh Pháp - Phổ. Sau đó do chiến tranh diễn ra nên các em học sinh không còn được học nữa.

D. Truyện lấy bối cảnh buổi học cuối cùng trước khi diễn ra cuộc cách mạng tư sản Pháp.

4. Truyện Buổi học cuối cùng được kể theo lời nhân vật nào?

A. Thầy Ha-men.

B. Bác phó rèn Oát-stơ.

C. Nhân vật xưng tôi tên là Phrăng.

D. Cụ già Hô-de.

5. Hai chữ cuối cùng trong nhan đề Buổi học cuối cùng có ý nghĩa gì?

- A. Là buổi học cuối cùng trong năm học.
 - B. Là buổi học cuối cùng do thầy Ha-men dạy.
 - C. Là buổi học cuối cùng được học bằng tiếng Pháp.
 - D. Là buổi học cuối của đời học sinh.
6. Thầy Ha-men có thái độ như thế nào đối với học sinh trong buổi học cuối cùng?
- A. Ân cần, dịu dàng, kiên nhẫn giảng bài cho học sinh.
 - B. Mất tập trung và thường nổi cáu với học sinh,
 - C. Không buồn giảng bài cho học sinh nữa.
 - D. Thầy cảm thấy vui vẻ vì từ ngày mai không phải dạy cho lũ học trò tinh nghịch nữa.
7. Thầy Ha-men dạy ở ngôi trường trên được bao nhiêu năm?
- A. 20 năm.
 - B. 30 năm.
 - C. 40 năm.
 - D. 50 năm.
8. Giá trị cao cả của truyện Buổi học cuối cùng là gì?
- A. Thể hiện tinh thần chống chiến tranh xâm lược.
 - B. Thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là yêu tiếng nói dân tộc.
 - C. Lên án những nhà lãnh đạo nước Pháp trong việc nhượng đất đai cho nước Phổ.
 - D. Đề cao tình thầy trò và lòng gắn bó với mái trường thân yêu.
9. Chân lí được nêu ra trong truyện Buổi học cuối cùng là gì?

- A. Tình thầy trò là cao quý nhất, không có gì có thể thay đổi được thứ tình cảm quý báu ấy.
- B. Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù.
- C. Nếu một dân tộc mà mọi người dân đều có lòng yêu nước thì dân tộc đó sẽ không bao giờ rơi vào vòng nô lệ.
- D. Tình yêu quê hương, đất nước phải được thể hiện trước tiên qua tình yêu chữ viết và tiếng nói.

10. Tác giả xây dựng thành công hai nhân vật chính trong truyện Buổi học cuối cùng là nhờ vào:

- A. Miêu tả ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng của họ.
- B. Cho nhân vật tự nói lên suy nghĩ của mình.
- C. Tạo ra nhiều chi tiết biểu cảm cho nhân vật thể hiện tình cảm.
- D. Đề cao giá trị của tiếng Pháp đối với người đọc.

II. TỰ LUẬN

Nêu cảm nhận về hình ảnh thầy Ha-men trong truyện Buổi học cuối cùng của An-phông-xơ Đô-đê.

Gợi ý trả lời:

An-phông-xơ Đô-đê là nhà văn nổi tiếng của nước Pháp nửa sau thế kỉ XIX. Ông là điển hình cho sự khổ luyện để thành tài. Các tác phẩm của ông gồm nhiều thể loại khác nhau như kịch, tiểu thuyết, truyện ngắn... trong đó nổi bật nhất là truyện ngắn. Những bức thư từ cối xay gió của tôi (1869) và Chuyện kể ngày thứ hai (1873) là hai tác phẩm nổi tiếng của ông. Truyện của ông thấm đượm chất đồng dao, dân ca, nhẹ nhàng và trong sáng, diễn tả cảm động những nỗi đau và tình thương, đặc biệt là tình yêu đồng quê và quê hương, đất nước.

Đoạn trích Buổi học cuối cùng là một phần trong tập truyện Chuyện kể ngày thứ hai. Cậu học trò nhỏ Phrăng kể lại tâm trạng của mình về hình ảnh thầy Ha-men, nói lên không khí lớp học trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng trên quê hương em. Câu chuyện thấm thía bao nỗi buồn đau mất nước của người thầy, của tuổi thơ vì dưới ách thống trị của ngoại bang, họ sẽ không được dạy và học tiếng mẹ đẻ thân yêu của dân tộc mình nữa.

Thầy Ha-men là hình ảnh tiêu biểu nhất cho nỗi đau của một người dân mất nước, vẫn như mỗi lần, thầy Ha-men đi đi lại lại với cây thước sắt khùng khiếp kẹp dưới nách. Không phải ngày lễ phát phần thưởng hoặc có thanh tra đến trường, nhưng thầy Ha-men vẫn ăn mặc rất trang trọng. Lớp học của trường làng, trước đây ồn ào, vui vẻ thế, nhưng hôm nay trở nên trang trọng khác thường. Ngoài lũ học trò quen thuộc, buổi học hôm nay còn có nhiều bà con dân làng đến dự, và ai nấy đều có vẻ buồn rầu.

Thầy Ha-men với giọng dịu dàng và trang trọng thông báo cho mọi người biết lệnh từ Béc-lin là từ nay, chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Phrăng vô cùng choáng váng khi nghe thầy nói. Tất nhiên, thầy Ha-men càng xót xa hơn khi nói lên sự thật mà bất cứ người con nào của vùng An-dát và Lo-ren cũng đều không mong muốn. Thầy đã gắn bó với ngôi trường này gần 40 năm, thầy đã phụng sự cho quê hương, hết lòng với Tổ quốc. Bà con đến với trường trong buổi học cuối cùng là để tạ ơn thầy Ha-men trước khi thầy rời xa mái trường thầy nhiều năm gắn bó. Thầy nói lên một cách chân thành, xúc động về sự coi nhẹ học hành, thầy cho rằng đó là một trong những nguyên nhân làm nước Pháp thất bại. Thầy cũng nhẹ nhàng phê phán Phrăng nhiều lần về việc em không chăm chỉ học hành. Bài học yêu nước từ việc chăm chỉ học hành đã được thầy nói lên một cách chân thành và giản dị.

Giờ Ngữ pháp, thầy phân tích và giảng giải để nâng cao lòng tự hào trong mỗi học sinh về một ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất. Thầy nhấn mạnh về nghĩa vụ bảo vệ và giữ gìn tiếng Pháp đối với mỗi công dân. Yêu tiếng Pháp chính là yêu nước Pháp, yêu nước Pháp để tiến đến giải phóng đất nước ra khỏi cảnh bị đô hộ. Thầy nhấn mạnh vai trò của chữ viết trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống ách nô lệ: Một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ

vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù. Có thể nói buổi học cuối cùng là buổi học về lòng yêu nước mà trước hết là yêu tiếng Pháp, bảo vệ và giữ gìn tiếng Pháp. Bài học ấy thiêng liêng biết bao, nhất là đối với thầy Ha-men, đối với Phrăng và các cô cậu khác, đối với cụ già Hô-de và bao người dân vùng An-dát trong những năm tháng đau thương.

Hình ảnh người thầy trong buổi học cuối cùng thật trang trọng nhưng cũng thật cảm động. Những gì thầy nói ra đều xuất phát từ tận đáy lòng thầy, đó là lòng yêu nước nồng nàn, yêu quê hương tha thiết và yêu tiếng mẹ đẻ của mình. Thầy cố gắng truyền tải lòng yêu nước của mình đến với thế hệ trẻ, những người sẽ gánh trách nhiệm giải phóng quê hương, giữ gìn những giá trị truyền thống của dân tộc.

Bài 25. ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ trích đoạn thơ dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Lần thứ ba thức dậy

Anh hốt hoảng giật mình:

Bác vẫn ngồi đinh ninh

Chòm râu im phăng phắc

Anh vội vàng nằng nặc:

Mời Bác ngủ Bác ơi!

Trời sắp sáng mất rồi

Bác ơi! Mời Bác ngủ!

- Chú cứ việc ngủ ngon

Ngày mai đi đánh giặc

Bác thức thì mặc Bác
Bác ngủ không an lòng
Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau
Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng
Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác
Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.

1. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ là của tác giả nào?

- A. Minh Huệ.
- B. Chính Hữu.
- C. Tố Hữu.
- D. Huy Cận.

2. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú.
- B. Ngũ ngôn.
- C. Thất ngôn tứ tuyệt.
- D. Lục bát.

3. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ được viết trong hoàn cảnh nào?

- A. Vào năm 1946, khi Bác Hồ cùng cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước rời Hà Nội lên Việt Bắc trong những ngày toàn quốc kháng chiến.
- B. Vào năm 1947, khi giặc Pháp tấn công lên Việt Bắc, Bác Hồ cùng một số lãnh đạo Đảng vạch kế hoạch tác chiến.
- C. Vào năm 1950, khi Bác Hồ trực tiếp theo dõi và chỉ huy bộ đội ta tại chiến dịch Biên Giới.
- D. Vào năm 1954, khi Bác tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ.

4. Anh đội viên trong bài thơ đã thức giấc mấy lần?

- A. Một lần.
- B. Hai lần.
- C. Ba lần.
- D. Bốn lần.

5. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ kể lại câu chuyện:

- A. Bác bị bắt giam trong nhà tù ở Trung Quốc.
- B. Bác suốt một đêm không ngủ vì lo lắng cho cuộc cách mạng, cho các chiến sĩ giải phóng và cho toàn thể nhân dân.
- C. Bác ra thăm chiến sĩ làm nhiệm vụ ngoài mặt trận.
- D. Bác về thăm lại làng Sen.

6. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào sau đây?

- A. Tự sự, kể chuyện, miêu tả.
- B. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- C. Tự sự, kể chuyện, biểu cảm.
- D. Kể chuyện, miêu tả, biểu cảm.

7. Chi tiết nào trong bài thơ chứng tỏ Bác Hồ có lòng yêu thương sâu sắc đối với bộ đội, với nhân dân?

- A. Bác lo lắng cho đoàn dân công ngũ ngoài rừng dưới trời mưa gió.
- B. Bác đốt lửa sưởi ấm cho bộ đội rồi dèm chăn cho từng người một.
- C. Bác cả đêm không ngủ, ngồi trầm ngâm một mình lo cho bộ đội, cho nhân dân.
- D. Cả ba chi tiết trên.

8. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ thể hiện điều gì ở tác giả?

- A. Tình cảm yêu kính, cảm phục đối với Bác.
- B. Tâm trạng lo lắng cho sức khỏe của Bác.
- C. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương.
- D. Tinh thần vì đồng đội, đồng chí.

9. Tác giả đã khái quát nguyên do Bác không ngủ bằng một câu thơ đặc sắc. Đó là câu thơ nào?

- A. Bác thức thì mặc Bác.
- B. Bác ngủ không an lòng.
- C. Bác thương đoàn dân công.
- D. Bác là Hồ Chí Minh.

10. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ thể hiện điều gì ở Bác Hồ?

- A. Sự hi sinh cao cả vì sự nghiệp cách mạng.

B. Tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn đối với bộ đội và nhân dân.

C. Tinh thần vì dân, vì nước.

D. Sự quan tâm đặc biệt đối với chiến dịch diễn ra vào ngày hôm sau.

II. TỰ LUẬN

Về bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ.

BÀI THAM KHẢO

Có bao giờ tôi quên được cái đêm mùa đông đầy xúc động bất ngờ ấy. Trong một căn nhà gianh ven sông Lam, quên cả gió buốt luân qua phen nửa phả vào người, tôi ngồi nghe say mê câu chuyện của người bạn cũ nay là một quân nhân vừa ở chiến dịch Biên Giới (1950) trở về. Chuyện anh kể là một câu chuyện đặc biệt, và vô cùng thân thiết, mà cả hậu phương đang mong đợi: chuyện Bác Hồ đi chiến dịch. Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, mặc dầu tuổi đã sáu mươi, vẫn mặc đồ lính, đội mũ nan, ăn cơm muối, lội suối, dầm sương, băng băng những dặm rừng Cao - Bắc - Lạng, trực tiếp chỉ huy chiến dịch lịch sử đầu tiên của cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Trong cái không khí chiến thắng tung bừng anh bạn mang về cho tôi, hình ảnh Bác Hồ hiện lên đẹp lạ lùng, ấm lạ lùng. Tôi uống từng lời của anh bạn. Tôi cảm thấy mình đang đắm vào một không khí chiêm ngưỡng thiên nhiên với cái chất hào hùng rất trữ tình của câu chuyện. Thật ra, do cuộc gặp gỡ quá vội vàng, anh bạn chỉ kể lướt từ mẩu chuyện này sang mẩu chuyện khác, nhưng những chi tiết đơn sơ cũng đủ tạo nên cho tôi một ấn tượng sâu sắc về tấm lòng người cha thân yêu của quân đội, của dân công trồng chiến dịch. Nào là đồng chí phục vụ đưa thịt gà rán mời Bác, Bác bảo đưa ngay cho các cháu thương binh, còn Bác chỉ ăn cơm rang muối mang theo trong ống tre; nào là mời Bác đi ngựa, Bác lại nhường cho cháu nào đau yếu, trong lúc chính bàn chân Bác đã sưng lên vì những dốc rừng giá buốt; nào là Bác hay kể chuyện vui, ngâm thơ, ra câu đố với các cán bộ cùng đi dọc đường hành quân; nào là... Thú thật, tôi xúc động đến giàn giụa nước mắt, không còn nhớ được thật rõ những chi tiết của cuối câu chuyện nữa.

Tuy nhiên, cái cảm giác này thì suốt đời không quên được. Ấy là với những chi tiết đó, tâm hồn bỗng nhiên như được nâng lên một ít trong tâm cao đẹp của một đạo đức

tuyệt vời, một lí tưởng nhân đạo. Lúc ấy trong con người tôi, tình cảm hoạt động nhiều hơn lí trí. Một tình cảm như cháy lên, mà nổi bật nhất là lòng kính yêu vô vàn với lãnh tụ. Những hình ảnh sinh động và cao quý mà hết sức gần gũi về Bác Hồ đã mãnh liệt cuốn hút tôi hướng ra tiền tuyến. Hình ảnh Bác Hồ với hình ảnh núi rừng, hình ảnh chiến dịch hòa lẫn làm một...

Sau khi chia tay lần cuối với anh bạn, tôi trở lại nhà, trong cái cảm giác rất mê và cũng rất tỉnh. Người cứ lâng lâng, chân bước như không còn tự chủ, nhưng trí óc nảy ra một nhận thức mới mẻ, nóng bỏng. Không phải Bác Hồ chỉ thức một đêm vì bộ đội và dân công trong một chiến dịch; Bác thức suốt một đời vì hạnh phúc của một dân tộc. Cái đêm Bác thức trong cái lán nhỏ đó có nghĩa là một đêm tượng trưng, là một đêm của mọi đêm không ngủ của Bác:

Bác không ngủ đêm nay...

Đêm nay Bác không ngủ...

Bác thức vì dân tộc...

Đột nhiên những tiếng thơ, có vẻ tình cờ đó dội lên rồi bám chặt vào hồn tôi như một mầm non nhú rễ trong đất. Vui sướng, thích thú đến lịm người, tôi sống cái giờ phút hồi hộp của người con gái khi cảm thấy những dấu hiệu làm mẹ đã bắt đầu xuất hiện trong con người mình. Tôi đi cho đến đầu va vào cái cổng tre thì mới biết đã về đến nhà trọ. Trên bàn, ngọn đèn dầu lạc vẫn đang đợi chủ. Mà lạ quá, ngọn đèn sao lại bùng lên như ngọn lửa: ngọn lửa Bác Hồ. Quên thời gian và quên cả không gian nữa, tôi lấy sổ tay ghi lịa lịa mãi mê, ngòi bút lao đi trong một cảm giác thật bồi hồi và khoái trá. Ghi như thế nào? Ghi để làm gì? Chẳng kịp nghĩ tới nữa. Chỉ biết không ghi thì sẽ mất đi với thời gian những hạt-ngọc của sự sống vĩ đại mà mình vừa lượm được. Những mẩu chuyện về Bác Hồ ra trận, không những cần cho hôm nay mà còn bổ ích cho mai sau. Nghĩ vậy, tôi bỗng thấy việc ghi đó là một trách nhiệm.

Cho đến khi ngòi bút chững lại, những cảm xúc như đã vơi đi ít nhiều, những chi tiết cũng cạn dần, tôi mới đứng dậy, rồi cúi người xuống mặt bàn mà đọc. Và đọc cũng mãi mê không kém gì lúc ghi. Càng đọc càng ngạc nhiên hơn khi nhận ra rằng mình đang

làm thơ về Bác. Ngạc nhiên vì ý định làm thơ chưa hề nảy ra kể từ lúc nghe chuyện đến lúc cầm bút ghi. Nhưng rõ ràng là một bài thơ đã hiện ra rồi; một bài thơ năm chữ của thể vè Nghệ Tĩnh mà tôi vốn ưa thích từ bé và cũng hay vận dụng trong những năm đầu tập làm thơ; một bài thơ kể chuyện đã khá dài nối tiếp từ mẫu này sang mẫu khác, thâm tóm không thiếu một chi tiết nào mà anh bạn đã truyền lại cho tôi. Trong đó lẫn vào cả một số chi tiết để ra từ trí tưởng tượng đầy tính chất chiêm ngưỡng của tôi, và những lời ca ngợi, những lời bình luận, những cảm nghĩ, suy nghĩ về đạo đức cách mạng. Tất cả đều xoay quanh một ý chính: Bác Hồ có lòng thương yêu vô vàn đối với nhân dân và đây là một lòng thương yêu hết sức giản dị, ấm áp, cao đẹp, đã thành một sức mạnh chiến đấu cho nhân dân.

*(Theo Hà Minh Đức, Nhà văn nói về tác phẩm,
NXB Văn học, Hà Nội)*

Bài 26. LUYỆN

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ trích đoạn thơ dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Một hôm nào đó

Như bao hôm nào

Chú đồng chí nhỏ

Bỏ thư vào bao

Vụt qua mặt trận

Đạn bay vèo vèo

Thư đề “Thượng khẩn”

Sợ chi hiểm nghèo?

Đường quê vắng vẻ

Lúa trổ đồng đồng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng.
Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!
Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng
Lượm ơi còn không? [...]

1. Bài thơ Lượm là của tác giả nào?

- A. Bằng Việt.
- B. Xuân Diệu.
- C. Chế Lan Viên.
- D. Tố Hữu.

2. Bài thơ Lượm được sáng tác vào khoảng thời gian nào?

- A. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Năm 1949, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp,
- C. Trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ.
- D. Năm 1975, sau khi đất nước thống nhất.

3. Bài thơ Lượm được làm theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ.

B. Sáu chữ.

C. Năm chữ.

D. Bảy chữ.

4. Chú bé trong bài thơ làm công việc gì?

A. Du kích.

B. Dân công.

C. Liên lạc.

D. Bộ đội.

5. Bài thơ Lượm sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào sau đây?

A. Tự sự, kể chuyện, miêu tả.

B. Miêu tả, kể chuyện, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

D. Tự sự, kể chuyện, biểu cảm.

6. Nhân vật Lượm trong bài thơ được tác giả khắc họa như thế nào?

A. Hồn nhiên, vui tươi, hăng hái và dũng cảm.

B. Hồn nhiên, vui tươi và siêng năng.

C. Yêu đời, yêu thiên nhiên và con người.

D. Có tính tự lập, biết cống hiến sức mình cho đất nước.

7. Câu thơ nào dưới đây diễn tả sự nhanh nhẹn của nhân vật Lượm khi làm nhiệm vụ?

A. Chú bé loắt choắt - Cái xác xinh xinh.

B. Cái chân thoăn thoắt - Cái đầu nghênh nghênh,

C. Ca lô đội lệch - Mồm huýt sáo vang.

D. Cháu cười híp mí - Má đỏ bồ quân.

8. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong bốn câu thơ sau?

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường làng.

- A. Nhân hóa.
- B. Hoán dụ.
- C. So sánh.
- D. Ẩn dụ.

9. Hình ảnh và công việc của chú bé Lượm trong bài thơ gần giống với nhân vật có thật nào sau đây?

- A. Lê Văn Tám.
- B. Võ Thị Sáu.
- C. Bé Văn Đàn.
- D. Kim Đồng.

10. Câu thơ nào dưới đây nói lên sự dũng cảm, gan dạ của chú bé Lượm?

- A. Thư đề “Thượng khẩn - Sợ chi hiểm nghèo.
- B. Chú đồng chí nhỏ - Bỏ thư vào bao.
- C. Vụt qua mặt trận - Đạn bay vèo vèo.
- D. Cháu nằm trên lúa - Tay nắm chặt bông.

II. TỰ LUẬN

Vài nét về bài thơ Lượm và tác giả Tố Hữu.

Gợi ý trả lời:

Tổ Hữu sinh năm 1920 tại Thừa Thiên Huế và mất năm 2002 tại Hà Nội. Tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành.

Tổ Hữu sinh ra trong gia đình nhà Nho, từ năm sáu tuổi đã học làm thơ. Đến giữa những năm ba mươi, ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Trong cuộc vận động dân chủ năm 1936 - 1939, Tổ Hữu lãnh đạo đoàn thanh niên Dân chủ ở Huế. Thơ của Tổ Hữu bắt đầu xuất hiện trên báo vào các năm 1937 - 1938. Năm 1939, Tổ Hữu bị thực dân Pháp bắt giam; năm 1942, ông vượt ngục tiếp tục hoạt động cách mạng. Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông lãnh đạo khởi nghĩa ở Huế. Sau cách mạng, ông trở thành nhà lãnh đạo tư tưởng, văn nghệ của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng trở thành một nhà thơ lớn của dân tộc.

Tổ Hữu đã để lại cho thế hệ sau nhiều bài thơ có giá trị. Ở Tổ Hữu có sự gắn bó mật thiết giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ. Thơ của ông chan chứa tình yêu nước, yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cách mạng. Những tác phẩm đã xuất bản của ông có thể kể ra như tập thơ Từ ấy (1946), tập thơ Việt Bắc (1954), tập thơ Gió lộng (1961), tập thơ Ra trận (1972), tiểu luận Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta (1973), tập thơ Máu và hoa (1977), tiểu luận Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật (1981), tập thơ Một tiếng đờn (1992), hồi kí Nhớ lại một thời (2000)...

Với những đóng góp cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, Tổ Hữu đã vinh dự được phong tặng nhiều danh hiệu và giải thưởng khác nhau: Giải Nhất giải thưởng văn học Hội văn nghệ Việt Nam (1954 - 1955), Giải thưởng văn học ASEAN (1996), Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

Bài thơ Lượm được Tổ Hữu sáng tác vào năm 1949, và in trong tập Việt Bắc (1946 - 1954). Bài thơ đã khắc họa nổi bật hình ảnh chú bé Lượm, một chú bé liên lạc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, hồn nhiên, nhanh nhẹn, yêu đời và dũng cảm qua cách miêu tả kết hợp với kể chuyện và biểu cảm của nhà thơ. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh một chú bé nhí nhảnh, yêu đời ấy còn in đậm mãi trong lòng quê hương, đất nước.

BÀI 27. MƯA

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ trích đoạn thơ dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Sắp mưa

Sắp mưa

Những con mồi

Bay ra

Mồi trẻ

Bay cao

Mồi già

Bay thấp

Gà con

Rối rít tìm nơi

Ăn nấp

Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

Muôn nghìn cây mía

Múa gươm

Kiến

Hành quân

Đầy đường

Lá khô

Gió cuốn

Bụi bay

Cuốn cuộn

Cỏ gà rung tai

Nghe

Bụi tre

Tần ngần

Gỡ tóc

Hàng bươi

Đu đưa

Bế lũ con

Đầu tròn

Trọc lốc

Chớp

Rạch ngang trời

Khô khốc

Sấm

Ghé xuống sân

Khanh khách

Cười

Cây dừa

Sải tay

Bơi

Ngọn mừng tôi

Nhảy múa

Mưa

Mưa

Ù ù như xay lúa

Lộp bộp

Lộp bộp...

Rơi

Rơi...

Đất trời

Mù trắng nước

Mưa chéo mặt sân

Sủi bọt

Cóc nhảy chồm chồm

Chó sủa

Cây lá hả hê

Bố em đi cày về

Đội sấm

Đội chớp

Đội cả trời mưa...

1. Bài thơ Mưa là của tác giả nào?

A. Trần Đăng Khoa.

B. Tế Hanh.

C. Quang Dũng.

D. Nguyễn Khoa Điềm.

2. Bài thơ Mưa được trích trong tập thơ nào?
 - A. Vàng trắng quầng lửa.
 - B. Góc sân và khoảng trời.
 - C. Gào thét.
 - D. Ánh trăng.
3. Bài thơ Mưa được viết theo thể thơ nào?
 - A. Tứ tuyệt.
 - B. Ngũ ngôn.
 - C. Tự do.
 - D. Lục bát
4. Bài thơ Mưa diễn tả cơn mưa diễn ra ở vùng nào?
 - A. Thành phố.
 - B. Miền núi.
 - C. Miền biển.
 - D. Làng quê.
5. Nhịp thơ trong bài thơ như thế nào?
 - A. Rất ngắn, nhanh và dồn dập.
 - B. Rất chậm chạp, nhẹ nhàng.
 - C. Bình thường, mang âm điệu nhẹ.
 - D. Cả A, B và C đều sai.
6. Bài thơ Mưa viết về cơn mưa mùa nào trong năm?
 - A. Mùa xuân.
 - B. Mùa hè.
 - C. Mùa thu.

D. Mùa đông.

7. Lũ con - Đầu tròn - Trọc lóc là những câu thơ chỉ:

A. Trái dừa.

B. Trái đu đủ.

C. Trái bưởi.

D. Trái bóng.

8. Những con vật nào được tác giả nhắc đến trong bài thơ?

A. Con chó, con gà, con kiến, con mối.

B. Con cóc, con chó, con gà, con mối.

C. Con mối, con gà, con kiến, con chó, con cóc.

D. Con mối, con gà, con kiến, con chó.

9. Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng rộng rãi trong bài thơ Mưa?

A. Nhân hóa.

B. Hoán dụ.

C. So sánh.

D. Ẩn dụ.

10. Câu nào dưới đây không nói về bài thơ Mưa?

A. Diễn tả không khí mát mẻ, dễ chịu của làng quê sau cơn mưa.

B. Miêu tả chính xác, sinh động cảnh vật thiên nhiên làng quê trước và sau cơn mưa.

C. Thể hiện tài năng quan sát và miêu tả thiên nhiên tinh tế và độc đáo của tác giả.

D. Chứa đựng những tình cảm yêu thương gắn bó của tác giả đối với quê hương.

II. TỰ LUẬN

Phân tích bài thơ Mưa của tác giả Trần Đăng Khoa.

Gợi ý trả lời:

Bài thơ Mưa được làm theo thể thơ tự do, theo các nhịp 1, 2, 3 và 4, trong đó nhịp 2 chiếm số lượng chủ yếu. Với nhịp thơ ngắn và nhanh, tác giả đã diễn tả linh hoạt các đối tượng quan sát lúc trước và trong cơn mưa.

Bài thơ là sự kết hợp hoàn hảo giữa việc sử dụng động từ và tính từ. Các từ này đã diễn tả một cách sinh động trạng thái của mọi vật khi cơn mưa sắp diễn ra và trong cơn mưa. Một số tính từ tác giả đã sử dụng có thể kể ra như tròn trọc lóc, màu trắng, chéo, chồm chồm, hả hê...; động từ như rơi rít, hành quân, múa, rung, mặc, đu đưa... Những từ này góp phần làm cho phép nhân hóa sử dụng trong bài thơ được hoàn thiện hơn. Có thể nói đây là bài thơ sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa. Các loài vật dường như đã có hồn trong con mắt của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Có thể kể ra một số chi tiết tác giả sử dụng phép nhân hóa như:

Ông trời mặc áo giáp đen, ra trận

Muôn nghìn cây mía múa gươm

Kiến hành quân

Cỏ gà rung tai nghe

Bụi tre tần ngần gỡ tóc

Hàng bưởi đu đưa bế lũ con

Sấm ghé xuống sân Khanh khách cười

Cây dừa sải tay bơi

Ngọn mùng toi nhảy múa

Phép nhân hóa này làm cho cả thế giới thiên nhiên trở nên sống động và hòa lẫn vào thế giới của con người. Đọc bài thơ, ta có cảm giác như sắp có một trận chiến xảy ra trong đất trời: Ông trời mặc áo giáp đen, muôn nghìn cây mía múa gươm, kiến hành quân, cỏ gà rung tai nghe, bụi tre tần ngần gỡ tóc, hàng bưởi đu đưa bế lũ con, sấm ghé xuống sân Khanh khách cười, cây dừa sải tay bơi, ngọn mùng toi nhảy múa.

quân; tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những hình ảnh hết sức bình dị, thân thiết: Hàng buổi đu đưa bế lũ con, cây dừa sải tay bơi, ngọn mừng tôi nhảy múa. Những chi tiết diễn tả thiên nhiên trong bài thơ đã thể hiện sự quan sát tinh tường và tâm am hiểu thiên nhiên của tác giả.

Bài thơ chỉ thật sự có bóng dáng con người khi bước vào những câu cuối cùng:

Bố em đi cày về

Đội sấm

Đội chớp

Đội cả trời mưa...

Đây là dụng ý của tác giả khi sắp đặt con người xuất hiện ở cuối cơn mưa nhằm làm tăng vẻ đẹp và sự lớn lao trong vóc dáng của người nông dân. Sức tưởng tượng phong phú của cậu bé đã làm cho hình ảnh người cha đi cày trở thành một hình ảnh đẹp và có tư thế hiên ngang bất chấp những khó khăn trong công việc.

Bài 28. CÔ TÔ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì sau mỗi lần đông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới lại càng thêm nặng mẻ cá già đôi. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô hỏi thăm sức khỏe anh em bộ binh và hải quân, cùng đóng sát nhau trong cái đồn khố xanh cũ ấy. Trèo lên nóc đồn, nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm cả toàn cảnh

đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng dẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

[...] Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thâu đầu mũi đảo. Và ngời đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như ruột mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới, trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhận mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang là là nhịp cánh. [...]

1. Đoạn trích Cô Tô là của tác giả nào?

- A. Nguyễn Tuân.
- B. Lí Lan.
- C. Võ Quảng.
- D. Thạch Lam.

2. Đoạn trích Cô Tô thuộc thể loại?

- A. Tùy bút.
- B. Truyện ngắn.
- C. Kí.
- D. Hồi kí.

3. Nhà văn Nguyễn Tuân chuyên viết về thể loại nào?

- A. Truyện ngắn.
- B. Tùy bút và kí.
- C. Kí sự.

D. Tiêu thuyết.

4. Văn bản Cô Tô nằm trong bài kí Cô Tô?

A. Phần giới thiệu.

B. Phần đầu.

C. Phần giữa.

D. Phần cuối.

5. Bài kí Cô Tô được viết trong hoàn cảnh nào?

A. Khi tác giả đi thực tế ra đảo Cô Tô, được tận mắt chứng kiến cảnh thiên nhiên và hoạt động lao động của con người ở đây.

B. Khi tác giả được xem bộ phim giới thiệu về vùng đảo Cô Tô trên truyền hình.

C. Khi tác giả nghe một người bạn kể về đảo Cô Tô sau chuyến đi thực tế của người đó.

D. Khi tác giả có một thời gian sống và làm việc tại đảo Cô Tô.

6. Trong văn bản, tác giả miêu tả quang cảnh đảo Cô Tô sau cơn dông bão như thế nào?

A. Hoàn toàn yên lặng, những con thuyền đã tìm nơi trú ẩn an toàn.

B. Bầu trời trong sáng, cây cối thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà, cát vàng dòn hơn nữa.

C. Bầu trời vẫn xám xịt, từng đám mây đen lần lượt kéo đến.

D. Từng đoàn thuyền nối đuôi nhau ra khơi, quang cảnh lại trở về như lúc chưa có dông bão.

7. Ngày thứ năm trên đảo của tác giả là một ngày như thế nào?

A. Một ngày mưa tầm tã.

B. Một ngày nắng ấm chan hòa.

C. Một ngày trong trời, sáng sủa.

D. Một ngày sôi động và thật nhiều ý nghĩa.

8. Đoạn văn từ “Mặt trời lại rọi lên ngày” đến “Hải âu bay ngang là là nhịp cánh” diễn tả điều gì?

A. Khung cảnh đảo Cô Tô sau cơn dông bão.

B. Cảnh mặt trời mọc trên biển.

C. Cảnh đàn hải âu bay lượn trên biển.

D. Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

9. Qua ngôn ngữ và sự miêu tả của tác giả, cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô hiện ra như thế nào?

A. Trong sáng và tươi đẹp.

B. Hoang sơ và thanh vắng.

C. Nền thơ và gần gũi.

D. Trù phú và đông đúc.

10. Câu nào dưới đây nói về giá trị nghệ thuật trong đoạn trích Cô Tô?

A. Ngôn ngữ điêu luyện.

B. Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc.

C. Lời văn sinh động, trau chuốt.

D. Cả ba câu A, B và C.

II. TỰ LUẬN

Vài nét về tác giả Nguyễn Tuân và Kí sự Cô Tô.

Gợi ý trả lời:

Nguyễn Tuân sinh năm 1910 và mất năm 1987 tại Hà Nội; quê quán thuộc làng Mọc, thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Nguyễn Tuân có rất

nhiều bút danh như Ngột Lôi Quất, Thanh Hà, Nhất Lang, Tuân Ân Ngũ Tuyên, Tuân Thừa Sắc.

Thời trai trẻ, Nguyễn Tuân theo gia đình đi làm ăn ở nhiều tỉnh khác nhau, nhất là ở các tỉnh miền Trung như Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Hà Tĩnh và Thanh Hóa. Ông theo học phổ thông tại Nam Định và đã học đến bậc trung học. Năm 1929, do tham gia phong trào bãi khóa, Nguyễn Tuân bị đuổi học; sau đó ông trải qua vài lần ở tù vì tham gia phản đối chế độ thuộc địa.

Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn và làm báo từ những năm 1930. Bài viết của ông chủ yếu được đăng trên các báo và tạp chí như An Nam tạp chí, Đông Tây, Hà Nội tân văn, Trung Bắc tân văn, Tao đàn, Tiểu thuyết thứ bảy, Thanh nghị... Khoảng cuối những năm 1930, Nguyễn Tuân chuyển sang nghề viết văn và bắt đầu nổi tiếng với một số tác phẩm như Một chuyến đi, Vang bóng một thời.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Tuân vào công tác tại Khu V (Trung Bộ). Thời gian này Nguyễn Tuân phụ trách một đoàn kịch lưu động. Ngoài ra, ông còn tham gia nhiều chiến dịch và về các vùng sau lưng địch để sáng tác.

Nguyễn Tuân từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các tổ chức văn học. Từ năm 1948, ông làm Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1958, ông là Ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam và là ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khóa I và II.

Nguyễn Tuân đã để lại nhiều tập truyện có tầm ảnh hưởng rất lớn. Ngoài tùy bút, ông còn viết nhiều thể loại khác. Các tác phẩm đã xuất bản của ông như phóng sự Ngọn đèn dầu lạc (1939), truyện ngắn Vang bóng một thời (1940), tùy bút Chiếc lư đồng mắt cua (1941), tùy bút Tóc chị Hoài (1943), tùy bút Tùy bút II (1943), truyện ngắn Nguyễn (1945), truyện Chùa Đàn (1946), tùy bút Đường vui (1949), bút kí Tình chiến dịch (1950), truyện Thắng càn (1953), truyện thiếu nhi Chú Giao làng Sen (1953), tùy bút Tùy bút kháng chiến (1955), bút kí Đi thăm Trung Hoa (1956), tùy bút Tùy bút kháng chiến và hòa bình (1956), truyện thiếu nhi Truyện một cái thuyền đất (1958), tùy bút Sông Đà

(1960), tùy bút Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi (1972), Tuyển tập Nguyễn Tuân (2 tập, 1981, 1982).

Năm 3996, Nguyễn Tuân vinh dự được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học.

Bài kí Cô Tô được viết trong một chuyến Nguyễn Tuân ra thăm đảo Cô Tô. Nội dung bài kí ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên và cuộc sống của những con người ở vùng đảo Cô Tô.

Bài 29. CÂY TRE VIỆT NAM

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt bằng tre.

Tuổi già hút thuốc làm vui. Với chiếc điếu cày tre là khoan khoái. Nhớ lại vụ mùa trước, nghĩ đến những mùa sau, hay nghĩ đến một ngày mai sẽ khác.

Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.

Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tác sát trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bắt khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! [...]

1. Đoạn trích Cây tre Việt Nam là của tác giả nào?

- A. Thép Mới.
- B. Ngô Tất Tố.
- C. Nguyễn Công Hoan.
- D. Vũ Trọng Phụng.

2. Câu nào dưới đây nói về văn bản Cây tre Việt Nam?

- A. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam.
- B. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.
- C. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam.
- D. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

3. Trong đoạn trích, nguồn vui mà tre mang lại cho trẻ thơ là từ đâu?

- A. Tre hát ru em bé trong giấc ngủ êm nồng.
- B. Tạo tỏa bóng mát cho trẻ em nô đùa.
- C. Nguyên liệu từ tre tạo ra que đánh chuyền.
- D. Tre làm nên chiếc nôi đưa trẻ.

4. Người già dùng tre làm gì để tạo ra sự khoan khoái?

- A. Chiếu cày để cày ruộng.
- B. Chiếu vông để đựng dừa trong những trưa hè oi bức.
- C. Chiếu cần câu để câu cá thư giãn.
- D. Chiếu điều cày để hút thuốc.

5. Đoạn văn: “Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy” nói lên điều gì?

- A. Sự gắn bó thủy chung của tre với con người trong suốt cả cuộc đời.
- B. Sự tận tình của tre trong việc phục vụ con người.
- C. Những phẩm chất cao quý của tre đối với con người.
- D. Những đóng góp của tre cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

6. Tác giả đã gọi tre là gì của con người trong kháng chiến?

- A. Tre là bạn thân của con người.
- B. Tre là đồng chí chiến đấu của con người,
- C. Tre là đồng đội của con người.
- D. Tre là cấp dưới của con người.

7. Trong chiến đấu, tre được sử dụng làm vũ khí gì?

- A. Làm súng và làm chông.
- B. Làm gậy tầm vông và làm súng,
- C. Làm gậy tầm vông và làm chông.
- D. Làm giáo mác và làm gậy tầm vông.

8. Trong bài viết, tác giả đã sử dụng rộng rãi biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- B. Ẩn dụ.
- C. Hoán dụ.
- D. Nhân hóa.

9. Câu nào dưới đây nói về lời văn trong đoạn trích trên?

- A. Lời văn trau chuốt, giàu hình ảnh và gợi cảm.

- B. Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.
- C. Lời văn gấp khúc, mạnh mẽ và lôi cuốn.
- D. Lời văn sinh động, hấp dẫn.

10. Trong chiến đấu, tre đã tham gia vào những công việc gì?

- A. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.
- B. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín,
- C. Tre hi sinh để bảo vệ con người.
- D. Cả ba câu A, B và C.

II. TỰ LUẬN

Về tác phẩm Cây tre Việt Nam của tác giả Thép Mới.

BÀI THAM KHẢO

Đi hết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Thép Mới còn ở độ sung sức và tươi trẻ của tuổi thanh niên. Lúc này ngòi bút của Thép Mới đã thuần thục và chín sức sáng tạo. Các bài viết Cây tre Việt Nam, Hiên ngang Cu Ba, Điện Biên Phủ một danh từ Việt Nam là những bài viết tiêu biểu và có giá trị bền vững. Người thanh niên trí thức Hà Nội sau những năm đi vào cuộc kháng chiến gần gũi với làng quê đã có thể viết nên những trang đẹp về cây tre Việt Nam. Tác giả nhận xét chung về cây tre trong cuộc đời cũ: “Một thế kỉ văn minh, khai hóa của thực dân cũng không làm ra được một tác sất. Tre vẫn còn phải vất vả mãi với người. Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc”. Và sau cách mạng đi vào cuộc kháng chiến “tre phá đồn giặc, tre xung kích. Đã trông thấy chưa, cây tre du kích? Những liếp nứa, đã bắc qua cầu mở đường cho bộ đội tiến lên... Nước Việt Nam tiến lên”. Và tre hòa vào niềm vui với người, “tre vui với anh bộ đội, tre hòa tiếng hát khải hoàn... Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê. Nhớ buổi nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê. Diều bay, diều lá bay lưng trời... Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời... Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều”.

Cảm hứng của Thép Mới với cây tre Việt Nam chứa chan thi vị. Thấu hiểu cuộc sống của làng quê và tầm quan trọng của cây tre trong sinh hoạt của người dân quê, trong vui chơi giải trí, Thép Mới đã cảm nghĩ theo nguồn mạch dân tộc với tinh thần trân trọng yêu quý.

... Thép Mới là nhà báo giàu cảm hứng văn chương. Văn chương đã có tác dụng tích cực trong hoạt động báo chí của Thép Mới. Một số nhà nghiên cứu như Hoàng Tùng, Hà Xuân Trường đều xem văn chương là một bộ phận hợp thành rất có ý nghĩa trong phong cách báo chí của Thép Mới. Chất văn học trong báo chí của Thép Mới bộc lộ nhiều hơn ở khu vực tùy bút chính luận. Nó góp phần tạo nên chất tươi tắn, gợi cảm qua những trang viết.

Bài 30. LÒNG YÊU NƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, -yêu cái phở nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Chiến tranh khiến cho những công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú của chôn quê hương. Người vùng Bắc nghĩ đến cánh rừng bên dòng sông Vi-na hay miền Xu-cô-nô, thân cây mọc là là mặt nước, nghĩ đến những đêm tháng sáu sáng hồng và tiếng “cô nàng” gọi đùa người yêu. Người xứ U-crai-na nhớ bóng thùy dương tư lự bên đường, cái bằng lăng của trưa hè vàng ánh, vào lúc ấy, thời gian dường như không trôi đi nữa. Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động cái yên lặng trọng thể. Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực và nỗi vui bất chợt của một dòng suối óng ánh bạc, vị mát của nước đóng thành băng, rượu vang cay sẽ tu trong bọc đựng rượu bằng da dê, những lời thân ái giản dị và những tiếng cuối cùng của câu chào tạm biệt vọng lại. Người thành Lê-nin-grát bị sương mù quê hương ám ảnh, nhớ dòng sông Nê-va rộng và đường bệ như nước Nga đường bệ, nhớ những tượng bằng

đồng tạc những con chiến mã lồng lên, và lá hoa rực rỡ của công viên mùa hè, nhớ phố phường mà mỗi căn nhà là một trang lịch sử. Người Mát-xcơ-va nhớ như thấy lại những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm, để rồi đổ ra những đại lộ của thành phố mới. Xa nữa là điện Krem-li, những tháp cổ ngày xưa, dấu hiệu vinh quang của đất nước Nga và những ánh sao đỏ của ngày mai.

Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc. Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách. Người ta giờ đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến đường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu Liên bang Xô viết. Điều đó ta đã hiểu, khi kẻ thù giờ tay khả ố động đến Tổ quốc chúng ta. Ai là kẻ chẳng cảm thấy, mùa thu qua, điều giản dị này: “Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa”.

1. Văn bản Lòng yêu nước là của tác giả nào?

- A. Vich-to Huy-gô.
- B. I-li-a Ê-ren-bua.
- C. H. Ban-zắc.
- D. An-phông-xơ Đô-đê.

2. Tác giả của bài Lòng yêu nước làm nghề gì?

- A. Viết văn và viết báo.
- B. Viết văn và tham gia đội quân giải phóng,
- C. Viết báo và tham gia đội quân giải phóng.
- D. Làm thơ và viết văn.

3. Văn bản Lòng yêu nước được trích từ bài báo nào của tác giả?

- A. Gào thét.
- B. Buổi học cuối cùng.
- C. Thử lửa.

D. Lòng yêu nước.

4. Văn bản Lòng yêu nước ra đời vào thời gian nào?

A. Trước khi Đức tấn công Liên Xô vào năm 1941, bài viết ra đời nhằm kêu gọi lòng yêu nước của nhân dân Liên Xô sẵn sàng chống lại quân xâm lược.

B. Vào cuối tháng sáu năm 1942, thời kì khó khăn nhất trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc của nhân dân Liên Xô chống lại sự xâm lược của phát xít Đức.

C. Vào tháng 5 năm 1945 khi Hồng quân chuẩn bị tấn công tiêu diệt căn cứ cuối cùng của bọn phát xít là Béc-lin.

D. Sau năm 1945 khi chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, nhân dân Xô Viết bắt tay xây dựng lại đất nước.

5. Trong bài viết, tác giả cho rằng lòng yêu nước bắt nguồn từ:

A. Lòng yêu nước chân chính của mỗi người.

B. Lòng yêu những vật tầm thường nhất.

C. Lòng yêu quê hương, gia đình và những người đồng chí.

D. Lòng yêu thiên nhiên, yêu đất nước.

6. Đặc điểm nào của vùng đất U-crai-na được tác giả nêu ra trong đoạn trích trên?

A. Những bóng thùy dương tư lự bên đường.

B. Rượu vang cay sẽ tu trong bọc đựng rượu bằng da dê.

C. Những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm.

D. Cánh rừng bên dòng sông Vi-na hay miền Xu-cô-nô.

7. Những vật tầm thường mà tác giả nêu ra trong bài viết là gì?

A. Cái cây trồng ở trước nhà,

B. Cái phố nhỏ đổ ra bờ sông.

- C. Vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.
- D. Cả ba câu A, B và C.
8. Tác giả đã nêu ra đặc điểm gì nổi bật của thành phố Lê-nin- grát?
- A. Có tượng bằng đồng tạc những con chiến mã lồng lên.
- B. Có công viên mùa hè với lá hoa rực rỡ.
- C. Có sương mù bao phủ.
- D. Phố phường với mỗi căn nhà là những trang lịch sử.
9. Chân lí được tác giả nêu ra trong bài thơ là gì?
- A. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất... Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.
- B. Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể.
- C. Chiến tranh khiến cho những công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.
- D. Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa.
10. Câu nào trong bài viết khẳng định lòng yêu nước của tác giả cũng như toàn thể nhân dân Xô viết?
- A. Người ta giờ đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến dường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu Liên bang Xô viết.
- B. Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa.
- C. Chiến tranh khiến cho những công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.
- D. Nhớ phố phường mà mỗi căn nhà là một trang lịch sử.

II. TỰ LUẬN

Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

BÀI THAM KHẢO

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Hồ Chí Minh, trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6,

NXB Sự thật)

Bài 31. LAO XAO**I. TRẮC NGHIỆM**

Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Kia kia, con điều hâu bay cao tít, nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm: Đâu có xác chết, đâu có gà con... Khi tiếng nó rú lên, tất cả gà con chui vào cánh mẹ. Tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc ẩu đả dưới gốc với già nhà tôi: Con điều hâu lao như mũi tên xuống, gà mẹ xòe cánh vừa kêu vừa mổ, vừa đập điều hâu. Tôi mãi ngẩn nên không cứu được gà. Điều hâu tha được con gà con, lại lao vụt lên mây xanh. Thường thì nó vừa lượn vừa ăn ngay. Lần này nó chưa kịp ăn, những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu tới tấp bay đến. Ấy là những con chèo bẻo. Chúng lao vào đánh con điều hâu túi bụi. Lông điều hâu bay vung tứ linh, miệng kêu la “chéc, chéc”, con mồi rời mỏ điều hâu rơi xuống như một quả rụng. Điều hâu biến mất. Con điều hâu được mẹ hú vía, lần sau cụ bảo cũng không dám đến. Nếu có đến lại là con khác!

[...] Chèo bẻo chỉ sợ mỗi chim cắt. Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. Bao nhiêu con bồ câu nhà chú Chàng đã bị chim cắt xia chết. Khi đánh nhau, cắt chỉ xia bằng cánh. Chúng là loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến... cho đến nay chưa có loài chim nào trị được nó. Họ nhà chèo bẻo chắc là nhiều phen muốn trị tội cắt. Một cuộc trị tội diễn ra thật! Hai con chèo bẻo đang bay, một con cắt vụt lao ra. Nó xia cánh hất. Lập tức một đàn chèo bẻo hàng chục con xông lên cứu bạn. Cuộc đánh nhau rất dữ. Trẻ con ở dưới reo ầm lên. Cắt hốt hoảng cho nên xia cánh đều trượt. Hàng chục chèo bẻo thi nhau vào mổ. Cắt kiệt sức rồi, quay tròn xuống đồng Xóc như cái điều đứt dây. Chúng tôi ủa chạy ra, con cắt còn ngấp ngoái. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt. [...]

1. Đoạn trích Lao xao là của tác giả nào?

- A. Duy Khán.
- B. Minh Hương.
- C. Nguyễn Đình Thi.
- D. Thép Mới.

2. Đoạn trích Lao xao được trích từ tác phẩm nào?
- A. Tuổi thơ dữ dội.
 - B. Tuổi thơ im lặng.
 - C. Đất nước đứng lên.
 - D. Quê nội.
3. Đoạn trích Lao xao thuộc thể loại nào?
- A. Hồi kí tự truyện.
 - B. Bút kí.
 - C. Truyện ngắn.
 - D. Nhật kí.
4. Nội dung chính của đoạn trích đề cập đến loài vật nào?
- A. Loài gà.
 - B. Loài kiến.
 - C. Loài nhện.
 - D. Loài chim.
5. Trong đoạn trích đầu tiên, tác giả đã miêu tả cuộc đánh nhau giữa:
- A. Diều hâu và gà mẹ.
 - B. Chèo bẻo và diều hâu.
 - C. Chèo bẻo và gà mẹ.
 - D. Câu A và B đúng.
6. Trong đoạn trích, những con chèo bẻo được tác giả gọi là gì?
- A. Là những quái vật của bầu trời xanh.
 - B. Những mũi tên đen, mang hình đuôi cá.
 - C. Những mũi tên đen, mang hình viên đạn.

D. Những chiến sĩ bảo vệ bầu trời.

7. Trong đoạn trích thứ hai, tác giả đã miêu tả cuộc đánh nhau giữa:

A. Chèo bẻo và điều hâu.

B. Chèo bẻo và chim cắt.

C. Điều hâu và chim cắt.

D. Chim cắt và gà mẹ.

8. Chim cắt sử dụng loại vũ khí nào khi đánh nhau?

A. Dùng chân đá và cào đối thủ.

B. Vừa dùng mỏ, dùng chân, vừa dùng cánh đánh đối thủ.

C. Dùng cánh xĩa đối thủ.

D. Dùng mỏ cắn và xé thịt đối thủ.

9. Đoạn trích Lao xao thể hiện điều gì ở tác giả?

A. Sự quan sát tinh tường, vốn hiểu biết phong phú và tình cảm yêu mến cảnh sắc quê hương.

B. Thái độ trân trọng đối với những giá trị hết sức bình dị mà cao quý của cuộc sống.

C. Vốn hiểu biết phong phú về cảnh vật làng quê và lòng yêu mến quê hương, đất nước, con người làng quê.

D. Sự cảm thông sâu sắc và chia sẻ những thiếu thốn đối với lớp trẻ lớn lên ở làng quê.

10. Bức tranh về các loài chim mà tác giả vẽ ra trong đoạn trích Lao xao như thế nào?

A. Hoang sơ, vắng lặng và mang âm hưởng buồn.

B. Không gian quá rộng, chi tiết sơ sài, con người thừa thớt,

C. Cụ thể, sinh động và nhiều màu sắc.

D. Trừu tượng, các chi tiết khá đa dạng.

II. TỰ LUẬN

Vài nét về nhà tác giả Duy Khán và bài Lao xao.

Gợi ý trả lời:

Nguyễn Duy Khán thường gọi là Duy Khán, sinh năm 1934, mất năm 1995, quê ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau này, Nguyễn Duy Khán chuyển về sống ở Hải Phòng. Ông từng là thành viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Duy Khán sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo sống trong vùng tạm chiếm. Việc học của ông bị dở dang, sau đó ông trốn ra vùng tự do và nhập ngũ. Trong quân ngũ, ông tham gia lực lượng bộ binh, sau đó chuyển qua quân chủng Phòng không không quân. Thời gian tại ngũ, ông tham gia dạy văn hóa, làm phóng viên phát thanh và tham gia chiến dịch đường 9 Nam Lào vào năm 1971, chiến dịch Quảng Trị năm 1972. Sau đó, ông về công tác tại tạp chí Văn nghệ quân đội, rồi tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh vào năm 1975.

Các tác phẩm được xuất bản của Duy Khán là tập thơ Trận mới (1972), truyện Tuổi thơ im lặng (1986), tập thơ Tâm sự người đi (1987).

Với tác phẩm Tuổi thơ im lặng, Nguyễn Duy Khán được Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam vào năm 1987.

Bài Lao xao nằm trong hồi kí tự truyện Tuổi thơ im lặng. Trong bài Lao xao, bằng sự quan sát tinh tường, vốn hiểu biết phong phú và tình cảm yêu mến cảnh sắc quê hương, Duy Khán đã vẽ nên bức tranh cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc về thế giới các loài chim ở đồng quê.

Bài 32. CẦU LONG BIÊN - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ văn bản dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng, Hà Nội, được khởi công xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm, do kiến trúc sư nổi tiếng người Pháp Ép-phê-ni-ét thiết kế. Một thế kỉ qua, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng. Giờ đây bắc ngang sông Hồng đã có thêm cầu Thăng Long, cầu Chương Dương hiện đại hơn, cầu Long Biên trong thời bình đã rút về vị trí khiêm nhường, nhưng nó đã trở thành chứng nhân lịch sử. Cầu Long Biên như một chứng nhân sống động, đau thương và anh dũng của Thủ đô Hà Nội.

[...] Và cứ mỗi lần nhìn lên bầu trời Hà Nội trong xanh, lòng tôi lại nhớ những năm tháng chống đế quốc Mỹ oanh liệt và oai hùng, Chiếc cầu thân thương ngày ấy trở thành mục tiêu ném bom dữ dội nhất của không lực Hoa Kỳ. Trong đợt đánh phá miền Bắc lần thứ nhất, cầu bị đánh mười lần, hỏng bảy nhịp và bốn trụ lớn. Đợt thứ hai phá bốn lần với 1000m bị hỏng và hai trụ lớn bị cắt đứt. Những ngày ấy từ phía Cầu Đất nhìn lên, tôi thấy chiếc cầu rách nát giữa trời. Những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước. Chúng ta hàn. Bom Mỹ lại cắt đứt. Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mỹ ném bom la-de. Tôi chạy lên cầu ngay khi tiếng bom vừa dứt. Những cánh vệ đầu cầu đã ngăn không cho tôi lên. Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột. [...]

1. Đoạn trích cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử là của tác giả nào?

- A. Hoàng Việt.
- B. Thúy Lan.
- C. Minh Hương.
- D. Thạch Lam.

2. Đoạn trích cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử có nội dung giống với kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản nhật dụng.

- B. Văn bản hành chính.
- C. Văn bản nghị luận.
- D. Văn bản tự sự.

3. Đoạn trích cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử là:

- A. Một bài hồi kí mang nhiều yếu tố nhật kí.
- B. Một bài nhật kí mang nhiều yếu tố hồi kí.
- C. Một bài bút kí mang nhiều yếu tố hồi kí.
- D. Một bài hồi kí mang nhiều yếu tố bút kí.

4. Câu nào dưới đây không nói về thể loại bút kí?

- A. Là thể loại kí ghi lại những sự việc, cảnh vật mà nhà văn tận mắt chứng kiến.
- B. Nội dung bút kí ngoài việc ghi lại điều tận mắt chứng kiến là những cảm nghĩ của tác giả.
- C. Thể loại này được trình bày không chặt chẽ về mặt cốt truyện nhưng trong kí sự nhưng cũng không phóng túng như trong tùy bút.
- D. Là thể loại được ghi lại hằng ngày, nội dung là những việc liên quan đến đời tư của tác giả.

5. Cầu Long Biên được khởi công xây dựng vào năm nào và do kiến trúc sư nào thiết kế?

- A. Vào năm 1898, do kiến trúc sư Ép-phê-ni thiết kế.
- B. Vào năm 1898, do kiến trúc sư Lau-bát thiết kế.
- C. Vào năm 1900, do kiến trúc sư Ép-phê-ni thiết kế.
- D. Vào năm 1900, do kiến trúc sư Lau-bát thiết kế.

6. Trong đoạn trích, tác giả đã thống kê cầu Long Biên bị máy bay Mỹ ném bom bao nhiêu lần?

- A. Hai lần.
- B. Ba lần.
- C. Bốn lần.
- D. Năm lần.

7. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- B. Ẩn dụ.
- C. Nhân hóa.
- D. Hoán dụ.

8. Tại sao tác giả gọi cầu Long Biên là chứng nhân lịch sử?

- A. Vì nó là cây cầu đầu tiên được bắc qua sông Hồng.
- B. Vì nó là cây cầu gắn liền với những thăng trầm của Thủ đô Hà Nội
- C. Vì trong thời bình nó đã rút về vị trí khiêm nhường.
- D. Vì nó là cây cầu đã gồng mình hứng chịu bao trận bom đạn của đế quốc Mỹ.

9. Tác giả đã dùng hình ảnh nào để nói về cây cầu sau hai trận bom của giặc Mỹ?

- A. Những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước.
- B. Cầu Long Biên như một chứng nhân sống động, đau thương và anh dũng của Thủ đô Hà Nội.
- C. Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột.
- D. Cả A, B và C đều sai.

10. Sức hấp dẫn của bài văn cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử được tạo nên từ những chi tiết nào?

- A. Nêu đúng về thời gian cây cầu hình thành, người thiết kế cây cầu.
- B. Khắc họa chi tiết những tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.
- C. Lối viết giàu cảm xúc bắt nguồn từ những hiểu biết và kỉ niệm về cầu Long Biên.
- D. Kể lại khá chi tiết các sự kiện lịch sử có liên quan đến cây cầu.

II. TỰ LUẬN

Văn bản Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử có thể chia làm ba đoạn. Đoạn thứ nhất (từ đầu đến “nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của Thủ đô Hà Nội”): Tác giả giới thiệu chung về cầu Long Biên qua một thể kỉ tồn tại. Đoạn thứ hai (từ “cầu Long Biên khi mới khánh thành” đến “nhưng dẻo dai, vững chắc”): cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng. Đoạn thứ ba (từ “bây giờ cầu Long Biên” đến hết): Cầu Long Biên trong đời sống hiện tại và cảm nghĩ của tác giả.

Ở đoạn mở đầu, từ điểm nhìn của ngôi thứ ba, tác giả dùng phương thức thuyết minh để cung cấp cho người đọc những hiểu biết về lai lịch tên gọi, độ dài, trọng lượng của cầu, mối quan hệ giữa sự xuất hiện của cầu với đời sống lịch sử - xã hội; Qua đó khẳng định vai trò “chứng nhân lịch sử” của cầu Long Biên. So sánh với tư liệu được cung cấp qua hai cây cầu là Thăng Long và Chương Dương, có thể thấy quy mô cầu Long Biên tuy nhỏ hơn, song nó có vai trò thật quan trọng về nhiều mặt trong suốt gần một trăm năm trước khi có hai cây cầu nói trên. Đặc biệt, hơn một trăm năm tồn tại ngay cạnh Thủ đô, cầu Long Biên đã trở thành chứng nhân lịch sử cho một thể kỉ đau thương và anh dũng của Thủ đô Hà Nội nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung.

Năm 1945, cầu được đổi tên thành cầu Long Biên. Từ kí ức của một cậu học sinh thuở còn cắp sách đến trường, tác giả dẫn người đọc trở về với một thuở đứng trên cầu Long Biên nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối phía Gia Lâm hay khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gọi lên bao quyến rũ và khát khao...

Khi đọc văn bản Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử, có người đã đặt vấn đề: có nên thay từ chứng nhân bằng từ chứng tích? Nếu xét thuần túy trên phương diện nghĩa đen của từ thì có thể được, thậm chí còn chính xác hơn (cầu Long Biên là một sự vật, không phải là con người). Nhưng nếu xét trên phương diện văn học, theo ý nghĩa hình tượng của ngôn ngữ thì lại không thể được. Trong cảm xúc của tác giả, cầu Long Biên không phải là một vật vô tri vô giác. Hơn một trăm năm, mang trên mình bao nhiêu vết thương, trải qua bao thăng trầm, cầu Long Biên cũng có thể được xem là một chứng tích. Nhưng lớn lao hơn thế, cầu Long Biên đã trở thành nhân chứng - không chỉ trải qua mà còn chứng kiến - những năm tháng đau thương nhưng anh dũng và hào hùng nhất của dân tộc. Đó là cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ oanh liệt. Tác giả chỉ nêu hai sự kiện nhưng trong đó hàm chứa biết bao gian khổ, bao mất mát đau thương và cả những niềm vui chiến thắng của Thủ đô Hà Nội. Vì thế cầu Long Biên chính là chứng nhân sống động, đau thương và anh dũng của lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung và của Thủ đô Hà Nội nói riêng.

Cuối văn bản, tác giả viết: Còn tôi, cố gắng truyền tình yêu cây cầu của mình vào trái tim họ, đặt bắc một nhịp cầu vô hình nơi du khách để du khách ngày càng xích gần lại với đất nước Việt Nam. Đây là một câu văn rất giàu sắc thái biểu cảm. Coi cầu Long Biên là một chứng nhân lịch sử sống động, tác giả đã gọi ra cho bạn đọc những liên tưởng thú vị (bắc một nhịp cầu vô hình giữa dân tộc Việt Nam và du khách - bạn bè quốc tế) để cho những tâm hồn ngày càng gần gũi nhau hơn, thông cảm và chia sẻ với nhau nhiều hơn.

*(Theo Nguyễn Trọng Hoàn, Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 6,
NXB Giáo dục, Hà Nội)*

Bài 33. BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ văn bản dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Ngài phải dạy con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra đối với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình.

1. Người viết bức thư trên là ai?

- A. Thủ lĩnh của người da đỏ Xi-át-ton.
- B. Tổng thống Mĩ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.
- C. Nhà văn H. Ban-zắc.
- D. Bức thư không đề tên tác giả.

2. Hoàn cảnh ra đời của Bức thư của thủ lĩnh da đỏ là:

- A. Thủ lĩnh người da đỏ viết để báo cho cả thế giới biết rằng người da đỏ không có ý định bán lại vùng đất này.
- B. Thủ lĩnh người da đỏ viết để phúc đáp cho ý định mua lại đất của người da đỏ của Tổng thống Mĩ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.
- C. Thủ lĩnh người da đỏ viết để hỏi thăm tình hình người dân da đỏ sống trên các vùng đất thuộc quyền quản lí của Chính phủ Mĩ.

D. Thủ lĩnh người da đỏ viết đề hỏi thăm tình hình sức khỏe của Tổng thống Mĩ Phren-g-klin Pi-ơ-xơ.

3. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ từng được xem là:

- A. Một trong những bức thư hay nhất trên thế giới.
- B. Một trong những bài văn có giá trị biểu cảm cao.
- C. Một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.
- D. Bức thư hay nhất viết cho Tổng thống Mĩ.

4. Khái niệm Người da đỏ dùng để chỉ:

- A. Cư dân sống trên lục địa châu Âu thuộc chủng tộc Ăng-lô xắc-xông.
- B. Cư dân sống trên lục địa châu Á thuộc chủng tộc Nê-grô-ít.
- C. Cư dân sống trên lục địa châu Úc thuộc chủng tộc Ôx-tra-lô-ít.
- D. Cư dân sống lâu đời trên lục địa châu Mĩ thuộc chủng tộc Anh-điêng.

5. Người da trắng là danh từ thường chỉ người dân:

- A. Hoa Kì.
- B. Châu Âu.
- C. Trung Quốc.
- D. Châu Úc.

6. Trong đoạn trích trên, tác giả coi mình là:

- A. Người văn minh.
- B. Kẻ hoang dã.
- C. Người chủ của vùng đất mà người da đỏ đang sống.
- D. Người trung thành với lợi ích của người da đỏ.

7. Khái niệm Ngựa sắt nhả khói trong đoạn trích dùng để chỉ:

- A. Con ngựa do Thánh Gióng cưỡi ra trận tiêu diệt giặc Ân.

- B. Những con ngựa chạy không biết mệt.
- C. Tàu hỏa.
- D. Máy hơi nước.

8. Thông điệp mà Bức thư của thủ lĩnh da đỏ muốn nhấn mạnh là gì?

- A. Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.
- B. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác.
- C. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.
- D. Hãy khuyên bảo chúng tôi như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ.

9. Trong đoạn trích, tác giả bức thư đã sử dụng kết hợp những biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh, nhân hóa và ẩn dụ.
- B. So sánh, nhân hóa và hoán dụ.
- C. So sánh, hoán dụ và ẩn dụ.
- D. So sánh, nhân hóa và điệp ngữ.

10. Câu nào trong bức thư chứng tỏ tác giả bức thư đề cao vai trò của con thú đối với cuộc sống con người?

- A. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.
- B. Tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng.
- C. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?

D. Điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người.

II. TỰ LUẬN

BÀI THAM KHẢO

Bầu trời thăm thẳm kia đã từng nhỏ những giọt nước mắt thương cảm đối với ông cha chúng tôi trong bao thế kỉ xa xưa mà chúng tôi những tưởng là vĩnh viễn, có thể thay đổi. Hôm nay trong sáng, ngày mai có thể bị mây mù che phủ.

Lời nói của tôi như những vì sao không bao giờ tắt. Những điều Xi-át-ton nói bây giờ, vị đứng đầu vĩ đại ở Oa-sinh-ton có thể tin một cách chắc chắn như là những người anh em da trắng của chúng tôi có thể tin chắc rằng các mùa trong năm sẽ quay trở lại.

Đứa con của vị đứng đầu người da trắng nói rằng cha của anh gửi đến chúng tôi lời thăm hỏi bạn bè và thiện chí. Đây là do lòng tốt của ông không cần gì được chúng tôi đáp lại tình bạn bè thân thiết, bởi vì dân chúng của ông ta rất đông. Họ giống như cỏ ngàn che phủ những cánh đồng rộng, còn người dân của tôi thì ít và giống như những thân cây thưa thớt còn sót lại trên cánh đồng sau một trận bão.

Vị đứng đầu vĩ đại người da trắng mà tôi nghĩ là cũng tốt bụng nữa đó ngoài muốn mua đất của chúng tôi nhưng vui lòng cho phép chúng tôi giữ lại một số đất đủ để sống thoải mái. Điều này rõ ràng tỏ ra rất hào phóng, vì người da đỏ chẳng còn có quyền gì nữa để đòi phải được tôn trọng, thậm chí việc hiến tặng đất đai có thể lại là khôn ngoan, bởi chúng tôi cũng không cần đến một xứ sở rộng lớn như thế nữa. Đã có thời kì mà người dân chúng tôi ở khắp trên mảnh đất này như những con sóng, chập chờn theo gió vờn đùa trên mặt biển mà dưới đáy lát đầy vỏ trai sò. Nhưng thời kì đó đã qua lâu rồi cùng với sự vĩ đại của các bộ lạc nay hầu như đã bị lãng quên. Tôi sẽ không nuối tiếc sự suy tàn đến sớm này, cũng không trách móc những người anh em da trắng đã thúc đẩy nó nhanh hơn, vì cả chúng tôi nữa cũng có thể giận vì một sự sai trái có thực hoặc tưởng tượng nào đó và tự bôi đen lên mặt mình cho xấu đi thì trái tim của chính họ cũng bị xấu đi và trở nên tối, và thế là sự tàn bạo của họ không hề dịu bớt và không có giới hạn, đến cả những người già cả chúng tôi cũng không thể ngăn chặn được họ.

Nhưng chúng ta hãy hi vọng rằng mối hiềm thù giữa người da đỏ và những người anh em da trắng của họ sẽ không bao giờ quay trở lại. Chúng ta sẽ mất hết tất cả mà chẳng giành được một cái gì.

Đúng vậy, đối với những chàng trai gan dạ của chúng tôi thì trả thù được xem là thắng lợi, cho dù phải trả giá bằng chính mạng sống của họ, nhưng những người già cả ở lại nhà trong thời chiến tranh và những bà mẹ bị mất con, thì hiểu rõ hơn nhiều.

Oa-sinh-ton, người cha vĩ đại của chúng ta - tôi nói thế là vì tôi xem ông ta bây giờ là cha của chúng tôi cũng như của các ông, từ khi Gioóc-giơ dời biên giới của ông ta lên phía Bắc - người cha vĩ đại và hiền từ, tôi gọi như thế, nhờ người con trai của ông chuyển lời đến chúng tôi nói rằng nếu chúng tôi chấp nhận điều ông mong muốn thì sẽ được ông che chở. Đội quân gan dạ của ông ta sẽ là bức tường thành sừng sững vững chắc che chở, và những chiếc thuyền to lớn của ông ta sẽ đàu đầy các bến cảng của chúng tôi sao cho những kẻ thù ở xa tận phía Bắc của chúng tôi trước đây - những người Sim-si-am và Hi-da - sẽ không còn đe dọa gì đàn bà con gái và những người già cả của chúng tôi nữa. Rồi thì ông ta sẽ trở thành người cha của chúng tôi và chúng tôi sẽ trở thành con cái của ông ta.

Nhưng có bao giờ như thế được? Chúa của các người không phải chúa của chúng tôi... Ông ta choàng cánh tay âu yếm của mình lên người da trắng và dịu dặt họ như một người cha dịu dặt đứa con thơ của mình - nhưng ông ta bỏ rơi những đứa con da đỏ của mình, ông ta giúp cho dân chúng của các người ngày càng hùng mạnh và chẳng bao lâu nữa sẽ tràn lên hết đất đai; trong khi đó thì dân chúng của tôi lại phải lùi xa như con triều xuống nhanh mà sẽ chẳng bao giờ có thể dâng lên được nữa. Chúa của chúng tôi, vị Thần Lớn, hình như cũng đã bỏ chúng tôi.

Vị chúa của người da trắng không thể thương yêu những đứa con da đỏ của mình và sẽ chẳng che chở cho họ. Họ giống như những đứa trẻ mồ côi chẳng biết trông chờ vào đâu cả.

Vậy thì làm sao chúng ta bây giờ lại có thể trở thành anh em với nhau được? Làm sao cha của các người lại có thể trở thành cha của chúng tôi để đem lại sự thịnh vượng cho chúng tôi và đánh thức trong chúng tôi giấc mơ trở về thời kì vĩ đại đã qua của mình.

(Nguyễn Tấn Đức dịch, tạp chí Văn hiến Việt Nam)

Bài 34. ĐỘNG PHONG NHA

I. TRẮC NGHIỆM

Đọc kĩ văn bản dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của mỗi câu trả lời đúng.

[...] Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét ở phần ngoài của động Phong Nha, du khách đã có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ - thế giới của tiên cảnh. Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm; lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ. Một tiếng nước gõ long tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt.

Với một vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, động Phong Nha được xem là “Kì quan đệ nhất động” của Việt Nam. Nhà thám hiểm Hao-ớt Lim-be trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh sau khi thăm động Phong Nha về đã phát biểu: “Với kinh nghiệm của mười sáu năm thám hiểm hang động ở tổ chức nghiên cứu hang động mạnh nhất của Hoàng gia Anh, tôi khẳng định Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới”. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh gần đây, động Phong Nha có bảy cái nhất: hang động dài nhất, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.

Động Phong Nha đã và đang thu hút sự quan tâm lớn của nhiều nhà khoa học, nhà thám hiểm và khách du lịch trong và ngoài nước. Phong Nha cũng đang được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác để sớm trở thành một địa điểm du lịch, thám hiểm và nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh của đất nước.

1. Động Phong Nha thuộc địa phận tỉnh nào dưới đây?
 - A. Nghệ An.
 - B. Hà Tĩnh.
 - C. Quảng Bình.
 - D. Quảng Trị.
2. Động Phong Nha được mệnh danh là:
 - A. Đệ nhất kì quan Phong Nha.
 - B. Thiên hạ đệ nhất hùng quan,
 - C. Nam thiên đệ nhất động.
 - D. Hoành Sơn nhất đại.
3. Động Phong Nha gồm có mấy bộ phận và đó là bộ phận nào?
 - A. Một bộ phận là động nước.
 - B. Hai bộ phận: gồm động khô và động nước.
 - C. Ba bộ phận: gồm động khô, động nước và sông ngầm.
 - D. Bốn bộ phận: gồm động khô, động nước, sông ngầm và thạch nhũ.
4. Khối núi đá vôi chứa động Phong Nha có tên là:
 - A. Kẻ Bàng.
 - B. Núi Lĩnh
 - C. Núi Bài Thơ
 - D. Núi Đọ
5. Tác giả đã xem thế giới của động Phong Nha là:
 - A. Thế giới kì vĩ, không bắt gặp ở nơi đâu.
 - B. Thế giới của các loại thạch nhũ.
 - C. Thế giới của hang động, thạch nhũ và sông ngầm.

D. Thế giới của tiên cảnh.

6. Tác giả cho rằng, động Phong Nha:

A. Vừa có nét hoang sơ, bí hiểm; vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

B. Vừa là nơi để tham quan, du lịch; vừa là một thắng cảnh nổi tiếng.

C. Vừa có nét hiện đại, vừa có nét cổ kính.

D. Vừa có sông ngầm, vừa có thạch nhũ.

7. Hao-ớt Lim-be, trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh sau khi thăm động Phong Nha về đã phát biểu như thế nào?

A. Phong Nha là hang động có dòng sông ngầm dài nhất thế giới.

B. Phong Nha là hang động có hệ thống thạch nhũ lớn nhất thế giới.

C. Phong Nha là hang động có cửa hang cao nhất thế giới.

D. Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới.

8. Báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh gần đây khẳng định động Phong Nha có mấy cái nhất?

A. Sáu cái.

B. Bảy cái.

C. Tám cái.

D. Chín cái.

9. Câu nào dưới đây không có trong những cái nhất của động Phong Nha trong báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh?

A. Cửa hang cao và rộng nhất.

B. Thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất,

C. Bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất.

D. Hang khô dài nhất.

10. Động Phong Nha đã và đang mở ra triển vọng lớn nào?

- A. Thu hút khách tham quan trong và ngoài nước.
- B. Thu hút nhiều đoàn thám hiểm quốc tế.
- C. Thu hút nhiều nhà khoa học quốc tế.
- D. Thu hút nhiều vốn đầu tư vào vùng đất Phong Nha - Kẻ Bàng.

II. TỰ LUẬN

Về vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

BÀI THAM KHẢO

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng chính thức được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Thông tin ấy từ Thủ đô Pa-ri bay về Việt Nam làm nức lòng không chỉ riêng người dân Quảng Bình. Hơn mười năm qua, du khách trong và ngoài nước biết đến Phong Nha - Kẻ Bàng chỉ qua những chuyến du lịch đến một phần rất nhỏ của hệ thống hang động Phong Nha, còn những giá trị to lớn làm căn cứ để Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới thì không phải ai cũng biết.

Trong bốn tiêu chí UNESCO đưa ra để công nhận là di sản thế giới (chỉ cần hội đủ một trong bốn tiêu chí đó là được) thì vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có đến hai tiêu chí:

Tiêu chí thứ nhất: Phong Nha - Kẻ Bàng điển hình về lịch sử hình thành vỏ trái đất và những đặc điểm địa chất.

Tiêu chí thứ hai: Phong Nha - Kẻ Bàng đặc trưng cho tính đa dạng sinh học và các loài bị đe dọa. Vườn quốc gia Phong Nha — Kẻ Bàng là nơi sinh sống tự nhiên quan trọng và có ý nghĩa đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học và là nơi chứa đựng nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị đe dọa.

Ngoài hai tiêu chí thuyết phục trên thì Phong Nha - Kẻ Bàng còn có một hệ thống hang động nổi tiếng trong khu vực và trên thế giới.

(Việt Nam thêm một di sản thiên nhiên thế giới:
Phong Nha - Kẻ Bàng, báo Tiền phong chủ nhật)

KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác giả) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên tác phẩm).

A (tác giả)	B (tác phẩm)
Đoàn Giỏi	Đế Mèn phiêu lưu kí
Võ Quảng	Đất rừng phương Nam
Minh Huệ	Quê nội
Tố Hữu	Đêm nay Bác không ngủ
Tô Hoài	Lượm

2. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên đoạn trích) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên tác phẩm).

A (đoạn trích)	B (tác phẩm)
Bài học đường đời đầu tiên	Quê nội
Vượt thác Sông nước	Tuổi thơ im lặng
Cà Mau	Đế Mèn phiêu lưu kí
Lao xao	Đất rừng phương Nam

3. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (thể loại).

A (tác phẩm)	B (Thể loại)
Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử	Thơ
Đất rừng phương Nam	Bút kí

Bức tranh của em gái tôi	Truyện dài
Tuổi thơ im lặng	Truyện ngắn
Mưa	Hồi kí tự truyện

4. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên đoạn trích) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên nhân vật).

A (đoạn trích)	B (tên nhân vật)
Bài học đường đời đầu tiên	Kiều Phương
Bức tranh của em gái tôi	Dương Hương Thư
Vượt thác	Thầy Ha-men
Buổi học cuối cùng	Dế Mèn

5. Đoạn trích nào dưới đây miêu tả cuộc sống, thiên nhiên và con người ở vùng đất ven sông Thu Bồn của Quảng Nam?

- A. Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi.
- B. Lao xao của Duy Khán.
- C. Cô Tô của Nguyễn Tuân.
- D. Vượt thác của Võ Quảng.

6. Trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên, ai đã để lại cho Dế Mèn bài học đường đời đó?

- A. Mẹ của Dế Mèn.
- B. Dế Choắt.
- C. Chị Cốc.
- D. Bọ Ngựa.

7. Bài thơ Đêm nay Bác không ngủ được tác giả Minh Huệ sáng tác trong hoàn cảnh nào?

- A. Tác giả trên đường ra chiến dịch Biên Giới gặp Bác và một đoàn dân công trong một đêm ngủ trong rừng, anh chứng kiến sự việc xảy ra và viết thành bài thơ.
- B. Tác giả chính là anh đội viên trong bài thơ. Sự chăm sóc chu đáo, ân cần và tấm lòng bao la của Bác đã khiến anh xúc động và viết thành bài thơ.
- C. Tác giả nghe lại câu chuyện qua một người bạn vừa tham gia chiến dịch Biên Giới trở về. Những mẫu chuyện của người bạn cùng với trí tưởng tượng và lòng kính yêu Bác đã giúp tác giả viết thành bài thơ.
- D. Tác giả là người chỉ huy của đội dân công trong bài thơ. Sự chăm sóc ân cần của Bác đối với đoàn dân công làm anh xúc động và viết thành bài thơ.

8. Hai tác phẩm nào trong chương trình đã học dưới đây không phải là của tác giả Việt Nam?

- A. Lòng yêu nước và Buổi học cuối cùng.
- B. Bức tranh của em gái tôi và Sông nước Cà Mau.
- C. Dế Mèn phiêu lưu kí và Lao xao.
- D. Cây tre Việt Nam và Vượt thác.

9. Đoạn trích nào dưới đây nhấn nhủ con người phải yêu tiếng mẹ đẻ, yêu ngôn ngữ dân tộc mình?

- A. Lòng yêu nước của I-li-a Ê-ren-bua.
- B. Buổi học cuối cùng của An-phông-xơ Đô-đê.
- C. Bức tranh của em gái tôi của Tạ Duy Anh.
- D. Cây tre Việt Nam của Thép Mới.

10. Bài thơ nào dưới đây được viết theo thể thơ năm chữ?

- A. Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ.
- B. Lượm của Tố Hữu.
- C. Mưa của Trần Đăng Khoa.
- D. Cả ba bài thơ trên.

11. Bài thơ Mưa của tác giả Trần Đăng Khoa sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- C. Nhân hóa.
- B. Điệp từ.
- D. Điệp ngữ.

12. Trong số những tác phẩm đã học, tác phẩm nào dưới đây đã được dựng thành phim?

- A. Dế Mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài.
- B. Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi,
- C. Cây tre Việt Nam của Thép Mới.
- D. Lao xao của Duy Khán.

13. Hai chữ cuối cùng trong truyện Buổi học cuối cùng của tác giả An-phông-xơ Đô-đê có ý nghĩa gì?

- A. Là buổi học cuối cùng do thầy Ha-men dạy.
- B. Là buổi học cuối cùng trong năm học.
- C. Là buổi học cuối cùng được học bằng tiếng Pháp.
- D. Là buổi học cuối trước khi học sinh chuyển đến ngôi trường mới.

14. Cảm giác nào dưới đây không xuất hiện trong tâm trạng của người anh khi nhận ra nội dung bức tranh trong truyện Bức tranh của em gái tôi?

- A. Ngõ ngàng.
- B. Hãnh diện.
- C. Xấu hổ.
- D. Hối hận.

15. Truyện ngắn Lao xao của tác giả Duy Khán lấy đề tài nào làm nội dung chính?

- A. Thế giới loài chim.
- B. Cuộc sống lao động và sinh hoạt của con người.
- C. Thiên nhiên thơ mộng và hoang dã của một làng quê.
- D. Cuộc sống ở một làng ven sông Thu Bồn.

16. Tác phẩm nào dưới đây là lời bình cho một bộ phim?

- A. Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi.
- B. Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử của Thúy Lan.
- C. Cây tre Việt Nam của Thép Mới.
- D. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ của Xi-át-tơn.

17. Câu văn: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh” được trích từ:

- A. Buổi học cuối cùng của An-phông-xơ Đô-đê.
- B. Lòng yêu nước của I-li-a Ê-ren-bua.
- C. Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử của Thúy Lan.
- D. Cô Tô của Nguyễn Tuân.

18. Tác phẩm nào dưới đây được xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường?

- A. Cây tre Việt Nam của Thép Mới.

- B. Cô Tô của Nguyễn Tuân.
- C. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ của Xi-át-tơn.
- D. Động Phong Nha.

19. Động Phong Nha được Hao-ót Lim-be, trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh, đánh giá như thế nào?

- A. Là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới.
- B. Là hang động có cửa hang cao nhất thế giới.
- C. Là hang động có hệ thống thạch nhũ lớn nhất thế giới.
- D. Là hang động có dòng sông ngầm dài nhất thế giới.

20. Văn bản nào dưới đây là văn bản nhật dụng?

- A. Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ.
- B. Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử của Lí Lan.
- C. Vượt thác của Võ Quảng.
- D. Bức tranh của em gái tôi của Tạ Duy Anh.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

1. Nêu vài nét tóm tắt về tác giả Tô Hữu và nội dung chính của bài thơ Lượm (3 điểm).
2. Chân lí được nêu ra trong văn bản Buổi học cuối cùng là gì? Nêu suy nghĩ của em về chân lí đó (3 điểm).

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I. TRẮC NGHIỆM (20 câu, mỗi câu 0,2 điểm)

1. Tác phẩm nào dưới đây không thuộc thể loại truyền thuyết?

- A. Thánh Gióng.

- B. Bánh chưng, bánh giầy.
 - C. Con Rồng, cháu Tiên.
 - D. Thầy bói xem voi.
2. Tác phẩm nào dưới đây không thuộc thể loại truyện trung đại?
- A. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.
 - B. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.
 - C. Con hổ có nghĩa.
 - D. Mẹ hiền dạy con.
3. Câu nào dưới đây không phải là đặc điểm của thể loại truyện cổ tích Việt Nam?
- A. Là loại truyện dân gian có nội dung phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân.
 - B. Truyện thường kể về một số nhân vật chính như nhân vật bất hạnh, nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật nhưng biết nói năng, có hoạt động và tính cách như con người...
 - C. Truyện thường do một số nhân vật thần kì kể lại.
 - D. Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.
4. Trong số những truyện cổ tích đã học, truyện nào có tác giả kể lại?
- A. Ông lão đánh cá và con cá vàng.
 - B. Cây bút thần.
 - C. Sự tích Hồ Gươm.
 - D. Sọ Dừa.
5. Truyện nào dưới đây không thuộc thể loại ngụ ngôn?
- A. Thầy bói xem voi.
 - B. Treo biển.

- C. Đeo nhạc cho mèo.
 - D.Ếch ngồi đáy giếng.
6. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh giải thích hiện tượng tự nhiên nào?
- A. Hiện tượng lũ lụt hàng năm.
 - B. Hiện tượng ngày ngắn đêm dài vào mùa đông.
 - C. Hiện tượng Trái Đất quay chung quanh Mặt Trời.
 - D. Hiện tượng dông bão và mùa mưa.
7. Truyện nào dưới đây nói về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm?
- A. Lòng yêu nước.
 - B. Con hổ có nghĩa.
 - C. Thánh Gióng.
 - D. Sự tích Hồ Gươm.
8. Truyện cổ tích thể hiện ước mơ gì của người dân?
- A. Có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
 - B. Về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu.
 - C. Mưa thuận gió hòa, ruộng đồng tốt tươi và cuộc sống sung túc.
 - D. Có tài năng kì lạ để diệt trừ những kẻ tàn ác, bắt lương trong xã hội.
9. Truyện nào dưới đây đề cao tài trí dân gian của người Việt Nam?
- A. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.
 - B. Bức tranh của em gái tôi.
 - C. Em bé thông minh.
 - D. Cây bút thần.
10. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng khuyên con người điều gì?

- A. Cần phải sống tự lập, không nên dựa dẫm vào người khác.
- B. Trong tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa, gắn bó, hợp tác với nhau để cùng tồn tại.
- C. Không nên có thái độ phân biệt về quyền lợi với người khác.
- D. Cần có tính bao dung, tha thứ cho những sai lầm của người khác, vì tha thứ cho người khác chính là tha thứ cho chính mình.

11. Nào đâu tôi biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?”. Nhân vật Tôi trong đoạn trích trên là ai?

- A. Lí Thông.
- B. Dế Mèn.
- C. Con ếch.
- D. Con hổ.

12. “Tôi giết sừng người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư?”. Đoạn trích trên nói về tâm trạng và suy nghĩ của nhân vật nào trong truyện Bức tranh của em gái tôi của tác giả Tạ Duy Anh?

- A. Người mẹ.
- B. Kiều Phương.
- C. Chú Tiến Lê
- D. Người anh.

13. Nhân vật được miêu tả như Một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ trong đoạn trích Vượt thác là ai?

- A. Cúc.
- B. Cù Lao.

C. Dượng Hương Thư.

D. Hiệp sĩ Trường Sơn.

14. Nhà thơ Minh Huệ đã thể hiện tình cảm gì đối với Bác Hồ trong bài thơ Đêm nay Bác không ngủ?

A. Tình cảm yêu kính, cảm phục đối với Bác.

B. Sự cảm thông chia sẻ với những lo lắng của Bác.

C. Tình cảm của người con đối với cha.

D. Tình quân dân, đồng chí, anh em.

15. Hình ảnh chú bé liên lạc nhí nhảnh, yêu đời và dũng cảm được thể hiện trong tác phẩm nào dưới đây?

A. Bức tranh của em gái tôi của Đào Duy Anh.

B. Lượm của Tố Hữu.

C. Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi.

D. Quê nội của Võ Quảng.

16. Câu nào dưới đây trong đoạn trích Cây tre Việt Nam nói lên sự gắn bó thủy chung giữa con người với tre trong suốt cuộc đời?

A. Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt bằng tre.

B. Tuổi già hút thuốc làm vui. Vớ chiếc điều cày tre là khoan khoái. Nhớ lại vụ mùa trước, nghĩ đến những mùa sau, hay nghĩ đến một ngày mai sẽ khác.

C. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau.

D. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người.

17. “Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mỹ ném bom la-de. Tôi chạy lên cầu ngay khi tiếng bom vừa dứt. Những cảnh vệ đầu cầu đã ngăn không cho tôi lên. Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột”. Cây cầu được nhắc đến trong đoạn trích trên là cây cầu nào?

- A. Long Biên.
- B. Chương Dương.
- C. Thăng Long.
- D. Hàm Rồng.

18. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác giả) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên tác phẩm).

A (tác giả)	B (tác phẩm)
Pu-skin	Bức tranh của em gái tôi
Hồ Nguyên Trùng	Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử
Tạ Duy Anh	Cô Tô
Nguyễn Tuân	Ông lão đánh cá và con cá vàng
Thúy Lan	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng

19. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (thể loại).

A (tác phẩm)	B (thể loại)
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Kí
Sọ Dừa	Cổ tích dân gian
Mưa	Cổ tích
Lao xao	Thơ
Cô Tô	Hồi kí tự truyện

20. Hãy nối những dữ kiện ở cột A (tên tác phẩm) tương ứng với các dữ kiện ở cột B (tên nhân vật).

A (tác phẩm)	B (nhân vật)
Bánh chưng, bánh giầy	Cù Lao
Cây bút thần	An
Con hổ có nghĩa	Mã Lương
Đất rừng phương Nam	Lang Liêu
Quê nội	Bà đỡ Trần

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

1. Tóm tắt truyện Thạch Sanh (3 điểm).
2. Nêu vài nét tóm tắt về tác giả Tô Hoài và truyện Dế Mèn phiêu lưu kí (3 điểm).

Phần 3. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài 1	B	A	D	C	C	D	B	A	B	A
Bài 2	C	A	B	B	D	A	B	D	D	A
Bài 3	A	B	C	D	C	B	A	C	D	A
Bài 4	D	A	D	C	B	c	A	C	D	C
Bài 5	C	B	A	A	D	B	D	C	C	A
Bài 6	B	D	C	B	D	A	C	B	C	A
Bài 7	A	B	C	D	C	B	D	A	C	A
Bài 8	D	A	B	C	B	A	C	A	D	C
Bài 9	B	C	A	D	D	B	B	D	C	A
Bài 10	B	D	C	D	A	B	C	B	A	A
Bài 11	B	D	A	C	C	D	D	B	A	C

Bài 12	D	B	C	B	A	B	D	A	C	B
Bài 13	A	A	C	B	D	C	A	D	C	A
Bài 14	A	B	D	B	A	C	B	A	B	D
Bài 15	B	D	A	C	B	A	C	D	C	A
Bài 16	D	B	A	A	D	C	C	A	C	D
Bài 17	B	D	A	C	C	A	B	C	D	B
Bài 18	A	B	C	D	B	D	A	C	D	A
Bài 19	A	D	A	B	D	D	C	D	C	A
Bài 20	A	B	C	D	A	B	C	C	A	D
Bài 21	A	B	C	D	A	B	C	C	D	A
Bài 22	B	C	A	D	A	A	C	D	A	B
Bài 23	B	D	A	C	B	A	B	D	B	A
Bài 24	D	A	B	C	C	A	C	B	B	A
Bài 25	A	B	C	C	B	D	D	A	D	B
Bài 26	D	B	A	C	B	A	B	C	D	A
Bài 27	A	B	C	D	A	B	C	C	A	A
Bài 28	A	C	B	D	A	B	C	B	A	D
Bài 29	A	B	C	D	A	B	C	D	B	D
Bài 30	B	A	C	B	B	A	D	C	A	B
Bài 31	A	B	A	D	D	B	B	C	A	C
Bài 32	B	A	C	D	A	B	C	D	A	C
Bài 33	A	B	C	D	B	B	C	A	D	C
Bài 34	C	A	C	A	D	A	D	B	D	A

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**Câu 1.**

A (tên tác phẩm)	B (thể loại)
Thánh Gióng	Truyền thuyết
Sọ Dừa	Cổ tích
Lợn cưới, áo mới	Truyện cười
Con hổ có nghĩa	Truyện trung đại
Ếch ngồi đáy giếng	Truyện ngụ ngôn

Câu 2.

A (tên tác phẩm)	B (tên nhân vật)
Bánh chưng, bánh giầy	Lang Liêu
Con Rồng, cháu Tiên	Lạc Long Quân
Cây bút thần	Mã Lương
Mẹ hiền dạy con	Mạnh Tử
Con hổ có nghĩa	Bà đỡ Trần

Câu 3.

A (tên tác phẩm)	B (nội dung phê phán)
Lợn cưới, áo mới	Tính khoe khoang.
Ếch ngồi đáy giếng	Tính chủ quan, kiêu ngạo.
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Tính tham lam, sự bội bạc.
Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Tính hẹp hòi, ích kỉ, đố kị.

Câu 4

A (tên tác phẩm)	B (nội dung khuyên nhủ)
Lợn cưới, áo mới	Không nên có tính khoe khoang, khuếch trương bản thân
Ếch ngồi đáy giếng	Luôn mở rộng tầm hiểu biết, không nên chủ quan, kiêu ngạo
Treo biển	Cần phải có chủ kiến, lập trường khi làm bất cứ việc gì
Thầy bói xem voi	Muốn hiểu biết sự vật, sự việc thì phải xem xét chúng một cách toàn diện.
Đeo nhạc cho mèo	Khi làm bất cứ điều gì cần phải tính đến điều kiện và khả năng thực hiện

Câu 5.

A (tên tác phẩm)	B (nơi xuất xứ)
Đeo nhạc cho mèo	Hi Lạp
Mẹ hiền dạy con	Nga
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Trung Quốc
Thánh Gióng	Việt Nam

Câu	6	7	8	9	10	11	12	13
Đáp án	A	B	C	D	A	B	C	D
Câu	14	15	16	17	18	19	20	
Đáp án	B	A	C	D	A	B	C	

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu 1.

A (tác giả)	B (tác phẩm)
Đoàn Giỏi	Đất rừng phương Nam
Võ Quảng	Quê nội
Minh Huệ	Đêm nay Bác không ngủ
Tổ Hữu	Lượm
Tô Hoài	Dế Mèn phiêu lưu kí

Câu 2.

A (đoạn trích)	B (tác phẩm)
Bài học đường đời đầu tiên	Dế Mèn phiêu lưu kí
Vượt thác	Quê nội
Sông nước Cà Mau	Đất rừng phương Nam
Lao xao	Tuổi thơ im lặng

Câu 3.

A (tác phẩm)	B (thể loại)
Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử	Bút ký
Đất rừng phương Nam	Truyện dài
Bức tranh của em gái tôi	Truyện ngắn
Tuổi thơ im lặng	Hồi ký tự truyện
Mưa	Thơ

Câu 4

A (đoạn trích)	B (tên nhân vật)
Bài học đường đời đầu tiên	Dế Mèn
Bức tranh của em gái tôi	Kiều Phương
Vượt thác	Dương Hương Thư
Buổi học cuối cùng	Thầy Ha-men

Câu	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	C	A	B	A	C	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	D	A	C	D	C	A	B

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	D	B	C	A	B	A	D	B	C
Câu	10	11	12	13	14	15	16	17	
Đáp án	B	B	D	C	A	B	C	A	

Câu 18.

A (tác giả)	B (tác phẩm)
Pu-skin	Ông lão đánh cá và con cá vàng
Hồ Nguyên Trừng	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng
Tạ Duy Anh	Bức tranh của em gái tôi
Nguyễn Tuân	Cô Tô

Thúy Lan	Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử

Câu 19.

A (đoạn trích)	B (tác phẩm)
Ông lão đánh cá và con cá vàng	Cổ tích dân gian
Sọ Dừa	Cổ tích
Mưa	Thơ
Lao xao	Hồi ký tự truyện
Cô Tô	Kí

Câu 20.

A (tác phẩm)	B (nhân vật)
Bánh chưng, bánh giầy	Lang Liêu
Cây bút thần	Mã Lương
Con hổ có nghĩa	Bà đỡ Trần
Đất rừng phương Nam	An
Quê nội	Cù Lao

MỤC LỤC

Phần 1. LÝ LUẬN VỀ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Phần 2. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Bài 1. Con Rồng cháu Tiên

- Bài 2. Bánh chưng, bánh giầy
- Bài 3. Thánh Gióng
- Bài 4. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Bài 5. Sự tích Hồ Gươm
- Bài 6. Sọ Dừa
- Bài 7. Thạch Sanh
- Bài 8. Em bé thông minh
- Bài 9. Cây bút thần
- Bài 10. Ông lão đánh cá và con cá vàng
- Bài 11.Ếch ngồi đáy giếng
- Bài 12. Thầy bói xem voi
- Bài 13. Đeo nhạc cho mèo.
- Bài 14. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng
- Bài 15. Treo biển
- Bài 16. Lợn cưới, áo mới
- Bài 17. Con hổ có nghĩa
- Bài 18. Mẹ hiền dạy con
- Bài 19. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng
- Bài 20. Bài học đường đời đầu tiên
- Bài 21. Sông nước Cà Mau
- Bài 22. Bức tranh của em gái tôi
- Bài 23. Vượt thác
- Bài 24. Buổi học cuối cùng
- Bài 25. Đêm nay Bác không ngủ

Bài 26. Lượm

Bài 27. Mưa

Bài 28. Cô Tô

Bài 29. Cây tre Việt Nam

Bài 30. Lòng yêu nước

Bài 31. Lao xao

Bài 32. Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử.

Bài 33. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

Bài 34. Động Phong Nha

Phần 3. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

---//---

**500 CÂU HỎI & BÀI TẬP
TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN NGỮ VĂN 6**

Tác giả: LÊ THỊ MỸ TRINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04) 9715013; (04) 9724770 - Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: PHAN THỊ NHƯ Ý

Sửa bài và trình bày bìa: Nhà sách SAO MAI

Mã số: 2L-98ĐH2007

In 3.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Xí nghiệp in Đường sắt. Số 136/1A Trần Phú - Q5

Thành phố Hồ Chí Minh. Số xuất bản: 533-2007/CXB/09-77/ĐHQGHN, ngày
10/7/2007. Quyết định xuất bản số: 348LK/XB. In xong nộp lưu chiểu quý III năm 2007.